

Báo Cáo Thường Niên 2013

**NỀN TẢNG VỮNG VÀNG
SẴN SÀNG VƯƠN XA**

MỤC LỤC

Giới Thiệu Chung 04

- Giới Thiệu Chung Về Techcombank 04
- Chặng Đường 20 Năm Phát Triển 07
- Tổng Quan Tài Chính 12

Tổng Quan Về Hoạt Động Ngân Hàng 15

- Thông Điệp Của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị 16
- Thông Điệp Của Quyền Tổng Giám Đốc 19
- Những Thành Tựu Nổi Bật 20
- Kết Quả Kinh Doanh 22
- Dịch Vụ Tài Chính Cá Nhân 26
- Dịch Vụ Khách Hàng Doanh Nghiệp 30
- Ngân Hàng Bán Buôn 32

Con Người & Cộng Đồng 35

- Phát Triển Nguồn Nhân Lực 36
- Các Giải Thưởng Lớn Trong Năm 2013 38
- Trách Nhiệm Với Cộng Đồng 40

Những Thế Mạnh Trọng Tâm 43

- Công Nghệ và Vận Hành 44
- Dịch Vụ Ngân Hàng Ưu Tiên 46
- Dịch Vụ Ngân Hàng Trực Tuyến 48

Đội Ngũ Quản Trị Vững Mạnh 51

- Mô Hình Quản Trị Ngân Hàng 52
- Hội Đồng Quản Trị 54
- Ủy Ban Thường Trực Hội Đồng Quản Trị 56
- Ban Kiểm Soát 58
- Ủy Ban Nhân Sự và Lương Thưởng 59
- Ủy Ban Rủi Ro và Kiểm Toán 60
- Ban Điều Hành 62
- Bản Tuyên Bố Trách Nhiệm của Ban Điều Hành 65
- Quản Trị Rủi Ro 66

Báo Cáo Tài Chính 73

- Báo Cáo Kiểm Toán Độc Lập 75
- Bảng Cân Đối Kế Toán Hợp Nhất 76
- Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh Hợp Nhất 79
- Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ Hợp Nhất 80
- Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất 82
- Thông Tin Cổ Đông 148
- Thông Tin Ngân Hàng 149
- Mạng Lưới Chi Nhánh 150

Hai mươi năm không ngừng đầu tư phát triển đội ngũ, xây dựng hệ thống quản trị ngân hàng hiện đại và cơ sở hạ tầng công nghệ tiên tiến nhằm cung cấp các giải pháp tài chính tốt nhất cho khách hàng đã giúp Techcombank trở thành một trong những Ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam.

Với thế mạnh nền tảng vững chắc kết hợp cùng chiến lược đúng đắn, Techcombank chúng tôi đang từng bước hiện thực hóa khát vọng trở thành Ngân hàng Tốt Nhất và Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam.



Giới thiệu chung về Techcombank

Techcombank là ngân hàng phát triển mạnh mẽ, tiêu biểu cho việc kết hợp hài hòa giữa lợi thế của một ngân hàng nội địa am hiểu thị trường địa phương và ứng dụng các chuẩn mực quản lý quốc tế trong từng hoạt động của mình.

Trên chặng đường 20 năm phát triển, chúng tôi luôn tiên phong trong việc sáng tạo và đổi mới nhằm cung cấp các giải pháp tài chính tốt nhất cho khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp. Không chỉ luôn dẫn đầu nhờ sự sáng tạo không ngừng, sức mạnh của chúng tôi còn được vun đắp từ đội ngũ quản lý chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm gồm các chuyên gia ngân hàng hàng đầu trong nước và các chuyên gia có bề dày kinh nghiệm quốc tế, cùng sự hỗ trợ hiệu quả từ đối tác chiến lược HSBC. Bằng việc tiếp tục củng cố và phát triển những nền tảng sức mạnh này, chúng tôi tin rằng sẽ sớm đạt mục tiêu trở thành Ngân hàng Tốt nhất Việt Nam.



Tổng tài sản

158.897 tỷ đồng

315 chi nhánh

1.229 ATM

Techcombank

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, thường được biết đến với tên gọi Techcombank. Thành lập từ năm 1993 với số vốn ban đầu 20 tỷ đồng, đến nay, Techcombank đã trở thành một trong những Ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam với tổng tài sản đạt trên 158.897 tỷ đồng. Chúng tôi đã có tốc độ phát triển mạnh mẽ với thành tích kinh doanh xuất sắc, tạo dựng nền tảng tài chính vững chắc và ổn định. Hiện nay, Techcombank sở hữu một mạng lưới chi nhánh rộng khắp với 315 chi nhánh và 1.229 máy ATM trên toàn quốc cùng với một nền tảng công nghệ ngân hàng tiên tiến bậc nhất. Ngoài ra, với một lực lượng nhân sự lên tới 7.290 nhân viên được đào tạo chuyên nghiệp sẵn sàng hiện thực hóa mục tiêu chung của Ngân hàng – trở thành Tổ chức cung cấp các giải pháp tài chính hàng đầu tại Việt Nam.

Tầm nhìn

Hai mươi năm tích lũy kiến thức và kinh nghiệm, cùng mạng lưới chi nhánh trải đều trên 44 tỉnh thành phố lớn trên toàn quốc, Techcombank đang có thế mạnh và lợi thế trong việc thấu hiểu và đáp ứng tốt nhất các nhu cầu về dịch vụ tài chính ngân hàng của khách hàng trên khắp cả nước. Dựa trên những thế mạnh đó, chúng tôi đang hướng tới một tầm nhìn rõ ràng và nhất quán, trở thành Ngân hàng Tốt nhất Việt Nam cung cấp các giải pháp

tài chính ưu việt nhất cho khách hàng. Đồng thời, Techcombank cũng mong muốn trở thành doanh nghiệp có môi trường làm việc hàng đầu cho các nhân viên của mình. Mục tiêu cuối cùng của chúng tôi là xây dựng một doanh nghiệp am hiểu, tôn trọng và quan tâm đến nhân viên cũng như khách hàng, bởi chính điều này tạo nên giá trị khác biệt của chúng tôi.

Hoạt động của chúng tôi

Chúng tôi đang phục vụ hơn 45 nghìn khách hàng doanh nghiệp và 3,3 triệu khách hàng cá nhân trên toàn quốc. Thông qua ba trọng tâm kinh doanh chiến lược: Dịch vụ tài chính cá nhân; Dịch vụ ngân hàng Doanh nghiệp; Ngân hàng Bán buôn, chúng tôi cung cấp những sản phẩm dịch vụ tài chính đáp ứng các nhu cầu đa dạng của nhiều phân khúc khách hàng khác nhau. Chúng tôi tin rằng với sự nỗ lực không ngừng cải tiến các sản phẩm và dịch vụ, chúng tôi sẽ nhanh chóng đạt được mục tiêu trở thành ngân hàng được yêu thích hàng đầu tại Việt Nam.

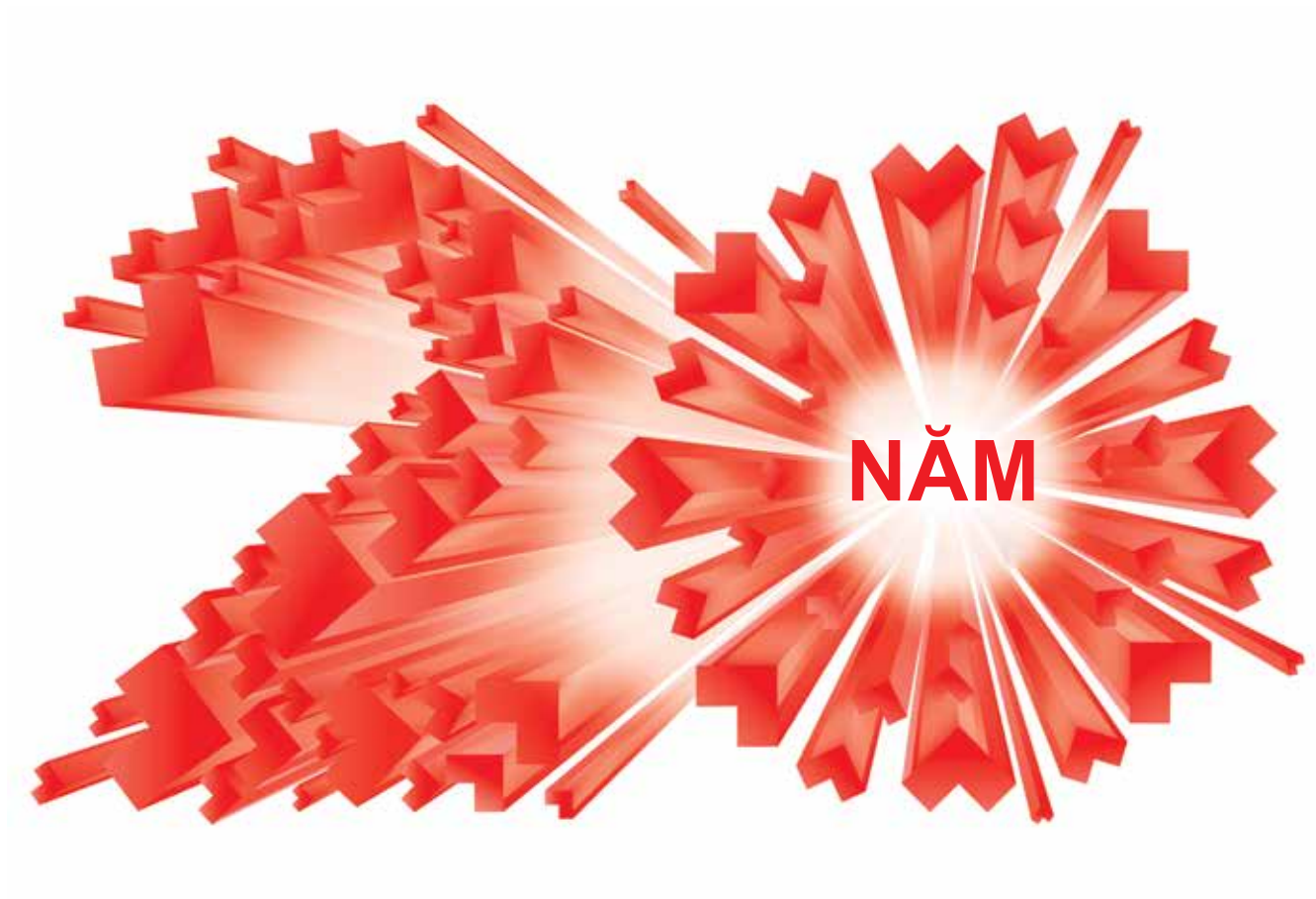
Hướng tới tương lai

Ngày nay, chúng tôi là một ngân hàng hiện đại thu nhận được nhiều kinh nghiệm trên chặng đường phát triển đã qua cho việc hoạch định tầm nhìn chiến lược cho tương lai. Chúng tôi có đội ngũ nhân sự mạnh cấp quốc tế thấu hiểu nhu cầu thị trường địa phương. Chúng tôi có năng lực tầm vóc

toàn cầu sẵn sàng mang lại dịch vụ tài chính phù hợp với nhu cầu của mỗi cá nhân, doanh nghiệp. Chúng tôi luôn nỗ lực để xây dựng và duy trì một mối quan hệ gắn bó với cộng đồng, mang lại lợi ích cho xã hội.

Chúng tôi không ngừng củng cố sức mạnh nền tảng vững chắc, sẵn sàng cho sự phát triển trong tương lai. Vì thế, chúng tôi luôn đổi mới hoàn thiện mình, đồng thời phát triển các ý tưởng kinh doanh để đáp ứng tốt nhất nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng. Cùng với việc chú trọng phát triển văn hóa doanh nghiệp, chúng tôi không ngừng đầu tư vào hệ thống công nghệ tiên tiến bậc nhất và phát triển mạng lưới kênh giao dịch, chú trọng áp dụng các quy trình hoạt động hiệu quả; đồng thời thúc đẩy năng suất làm việc cũng như mức độ hài lòng của không chỉ khách hàng mà của cả nhân viên.

Những bước đi nhằm củng cố và phát triển thế mạnh sẵn có trong năm 2013 và các năm trước đã giúp Techcombank tạo dựng một nền tảng vững chắc cho sự phát triển mạnh mẽ hướng tới tầm nhìn trở thành Nhà cung cấp các giải pháp tài chính tốt nhất, một môi trường làm việc lý tưởng, và một doanh nghiệp luôn có ý thức với xã hội tại Việt Nam.



Chặng đường 20 năm phát triển

20 năm phát triển thành công bởi sự năng động, không ngừng đầu tư sáng tạo kết hợp với những thế mạnh nền tảng vững vàng, chiến lược đúng đắn, Techcombank đang tự tin vươn lên mạnh mẽ hướng tới mục tiêu trở thành Ngân hàng Tốt nhất và Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam.



Là Ngân hàng Việt Nam đầu tiên áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong mọi hoạt động cùng với cam kết **“Khách hàng là trên hết”**, chúng tôi đã xây dựng thành công hình ảnh Techcombank tin cậy, hiện đại và năng động, luôn nỗ lực mang lại dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

Từ ngày đầu thành lập vào năm 1993, Techcombank đã chọn hướng kinh doanh khác biệt bằng việc đặt trọng tâm hỗ trợ ngành công nghiệp năng lượng và một số ngành công nghiệp trọng điểm của quốc gia nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế Đất nước, đó cũng là lý do tạo nên tên gọi Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam của chúng tôi.

Cùng với đó, tư duy logic, tầm nhìn chiến lược và óc sáng tạo của các thành viên sáng lập đã tạo nên lợi thế cho Ngân hàng khi các nhân viên được khuyến khích, tạo điều kiện áp dụng những hướng tiếp cận cởi mở, cũng như tư duy đổi mới, và văn hóa không ngừng vận động. Văn hóa đó chính là động lực đưa Techcombank trở thành một trong những ngân hàng thương mại có nền tảng công nghệ mạnh, năng động và phát triển nhanh nhất tại Việt Nam. Trong 20 năm phát triển với nhiều thành tựu vượt trội, những giá trị này ghi dấu ấn đậm nét trong mọi việc chúng tôi làm cũng như trong tư tưởng mỗi thành viên đại gia đình Techcombank từ thế hệ này qua thế hệ khác, và trở thành một phần quan trọng trong DNA của Ngân hàng.

Giá trị Techcombank được ghi dấu đầu tiên năm 1997 khi Techcombank là ngân hàng đầu tiên áp dụng hình thức quầy giao dịch mở, đem lại cảm giác thân thiện giữa ngân hàng và khách hàng. Vào năm 2000, Techcombank cũng đi đầu trong việc áp dụng mô hình quản lý ngân hàng hiện đại sử dụng hệ thống ngân hàng lõi Teminos, mở đầu cho chuỗi cải tiến hệ thống quản lý, chất lượng nguồn nhân lực, làm tiền đề cho sự phát triển của các sản phẩm công nghệ hiện đại trong tương lai. Được tiếp sức bởi sức mạnh của tư duy đổi mới, chúng tôi tiếp tục tiên phong cung ứng các kênh giao dịch mới và hiện đại, như Internet Banking và Mobile Banking, mang tới sự thuận tiện chưa từng có cho khách hàng. Phát triển sản phẩm cũng là một trong những lĩnh vực chứng kiến nhiều đổi mới vượt bậc như thẻ đồng thương hiệu Vietnam Airlines Techcombank Visa, thẻ tín dụng ghi nợ Visa được giới thiệu vào năm 2008, hay dịch vụ thanh toán/rút tiền không cần thẻ ra đời vào năm 2012. Tất cả những cải tiến này đã giúp mang đến cho khách hàng những trải nghiệm vượt bậc trong dịch vụ ngân hàng và khiến khách hàng hài lòng hơn.

Nỗ lực để đưa ngân hàng phát triển lên tầm cao mới, Techcombank trở thành ngân hàng Việt Nam đầu tiên ký kết hợp tác với Ngân hàng HSBC – một trong những ngân hàng lớn nhất thế giới vào năm 2005 và hợp tác với McKinsey – công ty tư vấn chiến lược hàng đầu thế giới vào năm 2009. Sự hợp tác hỗ trợ của HSBC và McKinsey đã giúp Techcombank có bước chuyển mình vượt trội cả về chất và lượng, tạo nên sự phát triển mạnh mẽ và bền vững trong thời gian qua.

Được biết đến như một ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong mọi hoạt động, cùng với cam kết “Khách hàng là trên hết” - một trong 5 giá trị cốt lõi của Ngân hàng, chúng tôi đã dần xây dựng hình ảnh Techcombank là một ngân hàng công nghệ, năng động, hiện đại, uy tín, giao dịch thuận tiện, và luôn mang tới những sản phẩm, dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Năm 2004, Techcombank một lần nữa trở thành ngân hàng đầu tiên chính thức giới thiệu hệ thống nhận diện thương hiệu hiện đại, toàn diện, thể hiện hình ảnh một Ngân hàng chú trọng tới chất lượng sản phẩm và dịch vụ dựa trên tinh thần năng động, sáng tạo cùng với những cá nhân có năng lực vượt trội và một tập thể giàu khát vọng thành công. Năm 2008, bộ nhận diện thương hiệu này đã được làm mới, cải tiến và được áp dụng trên mọi hình ảnh thương hiệu cho đến nay, đồng thời, góp phần tạo niềm tin sâu đậm với Techcombank trong trái tim của khách hàng và đối tác.

Luôn tiên phong và coi đổi mới là động lực phát triển, trong chặng đường 20 năm phát triển, ngoài những thành công nổi bật, Techcombank nhiều lần vinh dự là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam được công nhận bởi tổ chức quốc tế uy tín như ngân hàng đầu tiên được đánh giá tín dụng bởi Moody's hoặc trở thành ngân hàng đầu tiên và duy nhất được Tổ chức Financial Insights ghi nhận những thành tựu trong ứng dụng công nghệ và dẫn đầu trong việc đưa ra các giải pháp phát triển thị trường. Cũng trong khoảng thời gian từ 2011 đến 2013, chúng tôi đã giành được số lượng giải thưởng quốc tế lớn chưa từng có, đánh dấu giai đoạn trưởng thành mới trong chặng đường phát triển của mình.

Ý thức được rằng ngoài những nỗ lực sáng tạo và thay đổi, mang lại sự tiện lợi cho khách hàng cũng là điều rất quan trọng không kém tạo nên thành công, chính vì vậy chúng tôi đã liên tục mở rộng mạng lưới, đa dạng hóa kênh giao dịch để tiếp cận và phục vụ tốt nhất cho ngày càng nhiều khách hàng trên cả nước. Số lượng ATM và chi nhánh đã tăng lên nhanh chóng theo thời gian giúp khách hàng ngày càng dễ dàng tiếp cận hơn với Techcombank, qua đó đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của họ. Đây có thể là lý do tại sao số lượng khách hàng cá nhân của chúng tôi liên tục tăng từ 1,2 triệu khách hàng năm 2010 lên 3,3 triệu khách hàng trong năm 2013.

Để có được những thành công trong chặng đường phát triển của mình, chúng tôi hiểu rằng việc đầu tư xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp mạnh cùng với việc xây dựng nguồn nhân lực chuyên nghiệp giàu kinh nghiệm cùng gắn kết và phát triển trong tổ chức là điều đặc biệt quan trọng. Chính vì vậy, chúng tôi đã chú trọng đầu tư thu hút và phát triển đội ngũ 7.290 thành viên giàu khát vọng, luôn ý thức tự hoàn thiện mình và cùng nhau xây dựng một Ngân hàng Việt Nam thành công. Mỗi nhân viên đều được khuyến khích tham gia các khóa đào tạo chuyên nghiệp và hiệu quả, trong số hơn 500 khóa học do ngân hàng triển khai mỗi năm. Họ được dẫn dắt và bồi dưỡng thường xuyên bởi đội ngũ lãnh đạo chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm là các chuyên gia trong nước và nhân sự cao cấp từ các định chế tài chính hàng đầu thế giới. Những nỗ lực đó đã được ghi nhận và vinh danh bởi Tổ chức Employer Branding Institution hàng đầu khu vực với giải thưởng Nhà Tuyển dụng Tốt nhất khu vực châu Á 2013.

Techcombank sẽ viết tiếp câu chuyện thành công vượt bậc của mình bằng việc liên tục cải tiến và giữ vững vai trò tiên phong trong lĩnh vực tài chính ngân hàng Việt Nam. Những giá trị Techcombank kết hợp cùng chiến lược đúng đắn, những bước chuyển mình phù hợp với tình hình mới trong năm 2013 sẽ là nền tảng vững chắc giúp chúng tôi hiện thực hóa khát vọng trở thành Ngân hàng Tốt nhất Việt Nam.



2005

Ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam có sự tham gia của 1 ngân hàng nước ngoài, hàng đầu thế giới – HSBC với tư cách cổ đông và đối tác chiến lược với mức đầu tư ban đầu là 10% vốn cổ phần của Techcombank.



2006

Một trong những ngân hàng đầu tiên liên kết cung cấp các sản phẩm Bancassurance với Bảo Việt Nhân Thọ.

Lần đầu tiên ra mắt thẻ thanh toán quốc tế Techcombank Visa.



2004

TECHCOMBANK

Lần đầu tiên giới thiệu hệ thống nhận diện thương hiệu chuẩn mực mới với hai màu cơ bản đỏ đen. Tăng vốn điều lệ lên 412 tỷ đồng.



2007

Ngân hàng Việt Nam đầu tiên và duy nhất được Financial Insights công nhận thành tựu về ứng dụng công nghệ đi đầu trong giải pháp phát triển thị trường.



Chuyển hội sở tới 72 Bà Triệu, Hà Nội. Đi đầu trong việc tăng mạnh số lượng chi nhánh lên con số 128 với 2900 nhân viên.



2003

Ngân hàng đầu tiên triển khai thành công hệ thống phần mềm Globus trên toàn hệ thống. Chính thức phát hành thẻ thanh toán F@stAccess-Connect 24 vào ngày 05/12/2003.



2002

Lần đầu tiên phát hành cổ phiếu mới để tăng vốn điều lệ Techcombank lên 202 tỷ đồng. Cùng thời điểm, số lượng chi nhánh được nâng lên 11, với 380 cán bộ nhân viên.



1993

Thành lập với 20 tỷ vốn điều lệ, 16 nhân viên, 1 chi nhánh - cũng chính là hội sở tại 24 Lý Thường Kiệt.



2000-2001

Ngân hàng đầu tiên triển khai hệ thống phần mềm ngân hàng Globus trên toàn mạng lưới nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Tăng vốn điều lệ lên 102,345 tỷ đồng.



1998

Thành lập chi nhánh đầu tiên tại Đà Nẵng, chuyển trụ sở về 15 Đào Duy Từ, Hà Nội, đánh dấu sự mở rộng về cơ sở vật chất và quy mô hoạt động.



1995

Mở chi nhánh đầu tiên tại tp.HCM, khởi đầu cho quá trình phát triển nhanh chóng của Techcombank tại các đô thị lớn. Tăng vốn điều lệ lên 51,495 tỷ đồng.



2013

Ra mắt hội sở mới tại miền Nam nằm tại tòa nhà hạng A nằm trung tâm TP HCM, số 9-11 Tôn Đức Thắng, thể hiện sự cam kết cung cấp sản phẩm dịch vụ tốt nhất cho khách hàng phía Nam.

Nhận 13 giải thưởng trong nước và quốc tế, trong đó nổi bật có các giải về Ngân hàng quản lý tiền tệ và tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam, Ngân hàng tốt nhất Việt Nam và Nhà tuyển dụng tốt nhất của châu Á năm 2013, và Sao Vàng Đất Việt.

Tăng số lượng khách hàng lên mức 3,3 triệu.



2012

Tổng tài sản đạt mức 179.934 tỷ đồng – cao nhất trong các ngân hàng TMCP.

Chuyển hội sở đến tòa nhà Vincom trung tâm Thủ Đức HN, thể hiện cam kết đầu tư mạnh mẽ nhằm vươn lên tầm cao mới.

Tăng số lượng khách hàng lên mức kỷ lục 2,8 triệu.

Nhận 20 giải thưởng quốc tế trong vòng 2 năm, đáng chú ý là các giải thưởng Ngân hàng tốt nhất Việt Nam được trao bởi The Asset, the Asian banker.



2,8 triệu
KHÁCH HÀNG



2008

Ngân hàng đầu tiên hợp tác với VN Airlines để triển khai thẻ đồng thương hiệu với nhiều tiện ích cho khách hàng thường xuyên đi công tác.

Trở thành thành viên của cả hai liên minh thể lớn nhất Smartlink và BankNet, kết nối hệ thống ATM với đối tác chiến lược HSBC.

Một trong những ngân hàng đầu tiên giới thiệu thẻ tín dụng quốc tế Visa trên thị trường.



Nhận giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2008 do Hội Doanh nghiệp trẻ trao tặng.



2011

Đạt mức lợi nhuận trước thuế cao nhất trong các ngân hàng TMCP (4.221 tỷ đồng), tăng 54%. Tổng tài sản đạt khoảng 180.000 tỷ đồng, giữ vững vị trí ngân hàng TMCP lớn thứ 2.

Đạt được 10 giải thưởng uy tín quốc tế, nổi bật là các giải ngân hàng tốt nhất Việt Nam được trao bởi The Asset và Finance Asia.

2010

Nhận nhiều giải thưởng trong và ngoài nước, trong đó có giải thưởng "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2010" do tạp chí Euromoney trao tặng.

Đạt mức tăng trưởng tổng tài sản (62%), ROA (1,9%) và (24,9%) cao nhất ngành ngân hàng.



2009

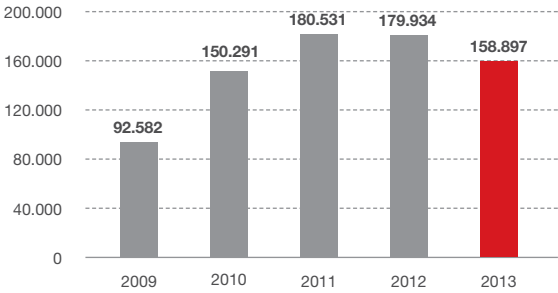
Tổng tài sản đạt mức 95.000 tỷ đồng, trở thành ngân hàng TMCP lớn thứ 2.

Ngân hàng đầu tiên hợp tác với nhà tư vấn hàng đầu thế giới McKinsey.

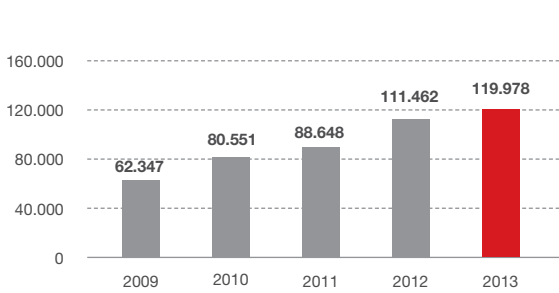


Tổng quan tài chính

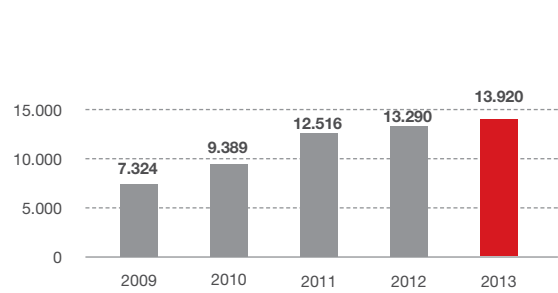
Tổng Tài Sản (tỷ đồng)



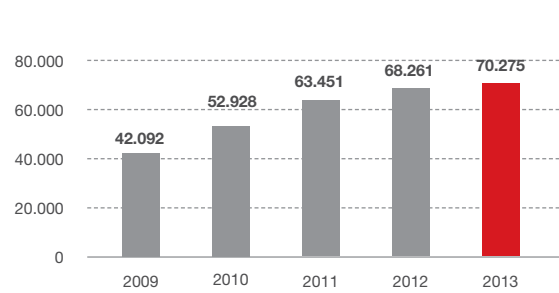
Huy Động Khách Hàng (tỷ đồng)



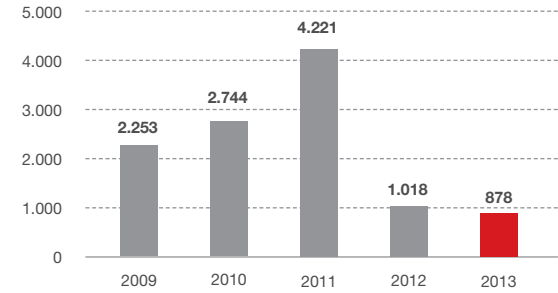
Vốn Chủ Sở Hữu (tỷ đồng)



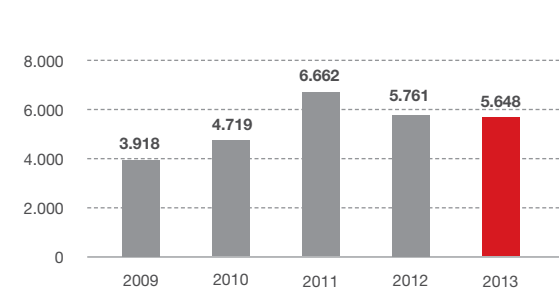
Cho Vay Khách Hàng (tỷ đồng)



Lợi Nhuận Trước Thuế (tỷ đồng)



Tổng Thu Nhập Hoạt Động Thuần (tỷ đồng)



Tài Chính

Tỷ số lợi nhuận ròng / Tài sản 2013

0,39%

Tỷ lệ chi phí / Thu nhập 2013

59,42%

Tỷ số lợi nhuận ròng / Vốn chủ sở hữu 2013

4,77%

Hệ số an toàn vốn 2013

14,03%

Phi Tài Chính

Tổng số nhân viên 2013

7.290

Số lượng khách hàng doanh nghiệp 2013

45.368

Số lượng khách hàng cá nhân 2013

3.302.727

Số lượng chi nhánh 2013

315

Số lượng ATM 2013

1.229

* Những con số này phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan. Bản báo cáo tài chính đầy đủ được trình bày từ trang 73.





Báo Cáo Thường Niên 2013

Tổng quan về hoạt động ngân hàng

Tập trung vào tăng trưởng bền vững, chúng tôi đã
sẵn sàng cho sự phát triển mạnh mẽ trong tương lai

Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Kính thưa quý vị,

Năm 2013 đánh dấu chặng đường 20 năm thành lập và phát triển không ngừng của Techcombank từ một ngân hàng đô thị quy mô nhỏ trở thành ngân hàng thương mại hàng đầu Việt Nam hiện nay.

Để có được những thành quả đáng khích lệ này, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các cổ đông Techcombank, những cá nhân, tổ chức đã cam kết đầu tư dài hạn, đồng hành với Ngân hàng trong suốt thời gian qua. Sự ủng hộ, hỗ trợ hiệu quả từ Quý vị đã đảm bảo cho Techcombank luôn có được nguồn tài chính vững mạnh để phát triển theo đúng mục tiêu đã định.

Tôi cũng xin cảm ơn các Quý vị đối tác, khách hàng và toàn thể cán bộ nhân viên Techcombank vì sự tin tưởng, gắn bó dành cho Ngân hàng trong các hoạt động kinh doanh cũng như xây dựng hệ thống tổ chức, văn hóa doanh nghiệp. Tôi tin tưởng Techcombank sẽ luôn có được sự đồng hành, ủng hộ và tiếp sức của Quý vị và các bạn trên chặng đường chinh phục các đỉnh cao mới trong thời gian tới.

Chặng đường 20 năm phát triển đáng tự hào

Thưa quý vị và các bạn, nhìn lại chặng đường phát triển 20 năm qua, Techcombank chúng tôi tự hào với những thành quả đạt được cả về chất và lượng.

Chỉ trong vòng 10 năm từ 2003 tới 2013, quy mô tổng tài sản của Ngân hàng đã tăng gần 30 lần, trở thành một trong những ngân hàng thương mại cổ phần có quy mô lớn hàng đầu tại Việt Nam.

Từ một ngân hàng được thành lập tại Hà Nội, Techcombank đã vươn rộng đến 44 tỉnh thành trên cả nước với 315 chi nhánh/phòng giao dịch và 1.229 ATM. Trong 2 năm 2012 và 2013,

Techcombank đã đầu tư hai trụ sở tòa nhà hạng A bề thế tại trung tâm Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Điều đó khẳng định tiềm năng tài chính vượt trội của Ngân hàng đồng thời tiếp tục củng cố niềm tin cho mỗi khách hàng, đối tác và cả cán bộ nhân viên vào sự phát triển vững chắc của Techcombank.

Những cam kết đầu tư mạnh mẽ và liên tục của Techcombank còn thể hiện ở hệ thống công nghệ hiện đại hàng đầu giúp mang đến những dịch vụ và giải pháp tài chính đa dạng, đa kênh tiện lợi nhất cho khách hàng. Những nỗ lực đó đã tạo tiền đề vững chắc đưa thương hiệu Techcombank lên vị thế dẫn đầu trên thị trường và nhận được sự tin nhiệm của hơn 3,3 triệu khách hàng cá nhân và hơn 45 nghìn khách hàng doanh nghiệp.

Cùng với việc đầu tư cơ sở nền tảng, Techcombank cũng tự hào khi xây dựng được đội ngũ 7.290 cán bộ lãnh đạo và nhân viên có chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm trong và ngoài nước, đồng lòng vì một khát vọng xây dựng niềm tự hào Techcombank, niềm tự hào một doanh nghiệp Việt Nam.

Trên chặng đường nỗ lực phát triển hướng tới những chuẩn mực quản trị ngân hàng quốc tế và sự hài lòng ngày càng cao cho khách hàng và đối tác, từ năm 2008 tới nay, Techcombank đã xây dựng và thực hiện chiến lược chuyển đổi mạnh mẽ TechcomOne hướng tới mục tiêu trở thành Ngân hàng Tốt nhất và Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam. Sự phát triển cũng như vị thế của Ngân hàng đã được ghi nhận không chỉ ở quy mô, số lượng khách hàng tin tưởng và sử dụng dịch vụ ngày càng tăng, mà còn thể hiện ở trên 40 giải thưởng danh giá được các tổ chức uy tín trong khu vực và trên thế giới trao tặng cho Techcombank trong 3 năm 2010-2013.

Tin tưởng và kiên định với chiến lược phát triển, hướng tới các chuẩn mực quốc tế để trở thành Ngân hàng tốt nhất Việt Nam, tạo lập vị thế mới trong khu vực

Trong năm 2013, Techcombank đã tiến hành đánh giá lại chiến lược kinh doanh 2009-2014, đồng thời xây dựng chiến lược dài hạn 2014-2020 với những bước điều chỉnh cần thiết, hỗ trợ cho quá trình phát triển mạnh mẽ hơn trong nước, và vươn ra tầm Khu vực.

Theo đó, Techcombank sẽ chú trọng hơn nữa trong việc phát triển lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, tiếp tục củng cố và phát triển các cơ sở nền tảng, các tiêu chuẩn quản trị kinh doanh hướng tới những chuẩn mực quốc tế, từ quản trị rủi ro, vận hành, công nghệ, đến đầu tư phát triển nguồn nhân lực. Đặc biệt, Techcombank sẽ đẩy mạnh các hoạt động xây dựng Văn hóa doanh nghiệp vì mục tiêu phát triển lâu dài, bền vững.

Năm 2014 tiếp tục được đánh giá là một năm nhiều thách thức! Nhưng với nền tảng vững chắc, Techcombank sẽ tiếp tục vượt qua những khó khăn, sẵn sàng nắm bắt được những cơ hội kinh doanh để mạnh mẽ vươn tới đỉnh cao.



Hồ Hùng Anh

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị



Techcombank hướng tới
mục tiêu trở thành Ngân hàng
tốt nhất và Doanh nghiệp
hàng đầu Việt Nam

A professional portrait of a man with short dark hair and glasses, wearing a dark grey suit, white shirt, and a red patterned tie. He is standing against a background of vertical wood paneling. His hands are in his pockets, and he has a slight smile.

Số lượng khách hàng
cá nhân đạt mốc

3,3 triệu

Thông điệp của Quyền Tổng Giám Đốc

Kính thưa quý vị,

Năm 2013, Techcombank đã vững vàng vượt qua nhiều thách thức khó khăn của nền kinh tế, từng bước thực hiện những điều chỉnh cần thiết phù hợp với tình hình mới. Qua đó, Ngân hàng tiếp tục củng cố, xây dựng vững chắc những cơ sở nền tảng quan trọng đồng thời chú trọng phát triển kinh doanh theo mục tiêu đã đặt ra.

Trong năm qua, Techcombank đã tập trung đầu tư vào hệ thống công nghệ, hệ thống quản trị rủi ro, nhân sự. Ngân hàng tăng cường sự hiện diện ở thị trường miền Nam với việc chính thức khai trương trụ sở bề thế tại vị trí đắc địa trung tâm thành phố Hồ Chí Minh.

Song song đó, với thế mạnh về nền tảng công nghệ, đội ngũ nhân viên chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, Techcombank chú trọng nhiều hơn vào việc nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm nhằm mang tới sự tiện lợi và hài lòng ngày càng cao cho khách hàng. Theo đó, số lượng khách hàng cá nhân của Techcombank đã đạt mốc 3,3 triệu người, hỗ trợ hiệu quả cho huy động dân cư tăng 7,64% so với năm 2012.

Kết quả kinh doanh năm 2013 đã thể hiện sự thận trọng, an toàn cần thiết của Ngân hàng trong định hướng phát triển vì các mục tiêu dài hạn và bền vững. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) vào thời điểm 31/12/2013 là 14.03%, cao hơn nhiều so với mức 9% theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Đáng chú ý trong năm 2013, ban lãnh đạo Techcombank quyết tâm đẩy mạnh xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo nên những giá trị đặc trưng riêng biệt. Nhiều chương trình truyền thông, sự kiện thi đua văn hóa đã được tổ chức trên toàn ngân hàng đã giúp nâng cao chất lượng dịch vụ, thay đổi hành vi ứng xử mỗi cá nhân, hỗ trợ hiệu quả các hoạt động kinh doanh.

Lãnh đạo gương mẫu, nhân viên tận tâm, nhiệt huyết, đồng lòng đã giúp Techcombank tự tin vượt qua mọi thách thức năm 2013, sẵn sàng phát huy thế mạnh trên nền tảng sẵn có để nắm bắt cơ hội kinh doanh, tạo đà tăng trưởng mới trong năm 2014.

Năm 2014, một năm được đánh giá vẫn tiềm ẩn nhiều thách thức khó khăn, Techcombank sẽ tiếp tục chú trọng phát triển ổn định bền vững với hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ hỗ trợ mạnh mẽ cho tăng trưởng và phát triển kinh doanh. Đồng thời, ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh hoạt động xây dựng văn hóa doanh nghiệp mạnh mẽ, tích cực, tạo nền tảng nội lực vững chắc thúc đẩy tốt cho sự phát triển lâu dài của Techcombank.



Đỗ Tuấn Anh
Quyền Tổng Giám Đốc



Những thành tựu nổi bật năm 2013



Chúng tôi tin rằng năng động và luôn chú trọng hoàn thiện hơn nữa ở từng hoạt động, từ quản lý vận hành hiệu quả tới nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng là chìa khóa quan trọng cho mọi thành công.

Một doanh nghiệp muốn đạt được thành công bền vững cần phải tạo dựng được cho mình một thế mạnh riêng. Nhận thức được điều đơn giản nhưng vô cùng quan trọng này, trong năm 2013 Techcombank đã tập trung nguồn lực để củng cố những yếu tố nền tảng, đặc biệt chú trọng tới công nghệ và vận hành. Bằng việc xem xét đánh giá lại hệ thống quản trị hoạt động, chúng tôi đã xác định được chính xác những gì mình cần cải thiện nhằm củng cố thế mạnh sẵn có, góp phần đưa Ngân hàng phát triển nhanh và mạnh hơn trong thời gian tới.

Trụ sở mới tại thành phố Hồ Chí Minh

Việc xây dựng và khánh thành Tòa nhà Techcombank hiện đại, mang tính biểu trưng cho Techcombank ngay khu trung tâm thành phố Hồ Chí Minh, số 9-11 Tôn Đức Thắng, đã giúp chúng tôi gửi một thông điệp rõ ràng và mạnh mẽ, tái khẳng định sự có mặt và phát triển rộng khắp tại thị trường miền Nam nhằm cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính tối ưu nhất cho khách hàng tại thị trường này.

Tiện ích nhiều hơn cho khách hàng

Techcombank luôn luôn tiên phong trong việc thiết kế những giải pháp đem lại tiện ích tối đa cho khách hàng, qua đó, nâng cao sự hài lòng của khách hàng.

25 dự án đã được triển khai từ việc tự động hóa quy trình Thương mại, tới quy trình Kinh doanh hàng hóa quốc tế; quy trình Quản lý khách hàng thân thiết; tới việc Đối chiếu Quản lý dữ liệu vận hành hay nâng cấp hệ thống chăm sóc khách hàng tự động. Tất cả các dự án này đều phục vụ mục tiêu tăng độ bền và năng lực công nghệ nhằm đáp ứng nhanh và tiện lợi nhất mọi nhu cầu về sản phẩm dịch vụ tài chính ngày càng đa dạng và phức tạp của khách hàng.

Với năng lực công nghệ hiện tại, hơn bao giờ hết khách hàng có thể dễ dàng tiếp cận và giao dịch với chúng tôi ở bất kỳ đâu, vào bất kỳ lúc nào.

Bảo mật thông tin khách hàng

Thế mạnh về công nghệ tiếp tục giúp chúng tôi phát triển sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao cũng như cải thiện tính bảo mật cao cho khách hàng.

Trong năm 2013, hàng loạt các biện pháp an ninh thông tin đã được áp dụng nhằm đảm bảo tính bảo mật và toàn vẹn thông tin, nổi bật trong số đó là ứng dụng Mật khẩu một lần – One Time Password (OTP) cho Internet Banking và các biện pháp tăng cường an ninh (Xác nhận bởi Visa – Verify by Visa) áp dụng cho các giao dịch trực tuyến của thẻ Visa. Chúng tôi cũng chuẩn hóa và tối ưu hóa Hệ thống ngăn chặn xâm nhập và củng cố an ninh mạng và dữ liệu.

Với nỗ lực của mình, năm 2013, Techcombank đã được trao giải Ngân hàng điện tử tốt nhất Việt Nam từ tạp chí Global Banking & Finance Review và Chứng chỉ quốc tế PCI-DSS cho hệ thống thanh toán thẻ (tiêu chuẩn PCI – DSS là chính sách và quy trình nhằm đảm bảo an toàn cho dữ liệu thẻ, cũng như các giao dịch tiền mặt qua thẻ và ngăn chặn việc sử dụng sai mục đích thông tin cá nhân của chủ thẻ).

Xây dựng văn hóa dịch vụ

Nhận thức được rằng xây dựng văn hoá dịch vụ là vấn đề then chốt cho sự thành công của Ngân hàng, chúng tôi từ lâu đã rất chú trọng nâng cao giá trị “Khách hàng là trên hết”.

Năm 2013, một loạt các sáng kiến đã được triển khai từ ban lãnh đạo cấp cao đến các giao dịch viên nhằm đẩy mạnh giá trị Khách hàng là trên hết trong toàn ngân hàng, và đặt khách hàng là trọng tâm trong từng hoạt động hàng ngày. Các hoạt động có thể kể đến như: “một ngày trực tiếp phục vụ” theo đó các cán bộ quản lý cấp cao trực tiếp tham gia phục vụ khách hàng, từ đó giúp họ hiểu rõ hơn nhu cầu của khách hàng, hay các cuộc thi kỹ năng phục vụ khách hàng dành cho nhân viên trên toàn hệ thống.

Chú trọng nâng cao chất lượng phục vụ đã góp phần không nhỏ vào việc gia tăng số lượng đáng

kể khách hàng trong năm 2013 lên 3,3 triệu khách hàng cá nhân và trên 45 nghìn khách hàng doanh nghiệp.

Quản trị rủi ro

Song song với các chính sách và chiến lược để liên tục củng cố hệ thống quản trị rủi ro, trong năm 2013, Techcombank đã thực hiện thành công rất nhiều sáng kiến để nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro. Hệ thống giá điều chuyển vốn (FTP) và hệ thống Quản lý nợ & có (ALM) được áp dụng những công cụ phân tích tiên tiến nhằm tăng đáng kể khả năng quản trị giữa yếu tố rủi ro thanh khoản và rủi ro lợi nhuận; giữa việc xây dựng kế hoạch nguồn vốn với các chương trình khuyến mại; đồng thời có những phân tích thường nhật về chênh lệch giữa lãi suất và khả năng thanh khoản, từ đó tối đa hóa việc sử dụng nguồn vốn. Sự kết hợp giữa 2 hệ thống công cụ FTP và ALM sẽ gia tăng một cách đáng kể năng lực của ngân hàng trong quản lý rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường, đồng thời đảm bảo các thước đo về rủi ro và lợi nhuận được phản ánh chính xác tại từng đơn vị kinh doanh. Đối với rủi ro hoạt động, chúng tôi đã thiết lập hệ thống nhận biết rủi ro tại mỗi đơn vị kinh doanh giúp xác định mọi rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động của mình. Ngoài ra, Ngân hàng còn được đảm bảo khỏi rủi ro hoạt động khi các hệ thống dữ liệu dự phòng cho một số hệ thống vận hành quan trọng được kiểm thử để đảm bảo chức năng dự phòng luôn sẵn sàng trong trường hợp hệ thống chính bị ngừng bất ngờ.

Chú trọng phát triển nhân lực

Ý thức rõ ràng về việc con người là tài sản quan trọng nhất của Ngân hàng, trong năm 2013, chúng tôi đã đẩy mạnh đầu tư vào việc xây dựng đội ngũ nhân sự vững mạnh, luôn có ý thức trau dồi năng lực bản thân. Ngân hàng cũng triển khai áp dụng Hệ thống quản lý nguồn nhân lực (HRM), cho phép người lao động tự quản lý hồ sơ cá nhân cũng như tham gia vào các khoá học trực tuyến bổ ích, đồng thời giảm thiểu tối đa các thủ tục giấy tờ hành chính khác. Gần 500 chương trình đào tạo chuyên nghiệp và hiệu quả đã được phát triển, với số lượng nhân viên tham dự mỗi khóa tăng hơn nhiều so với các năm trước. Năm 2013 cũng

là năm đầu tiên chương trình quản trị viên tập sự được triển khai. Cùng với chương trình phát triển Lãnh đạo tương lai hiện có, chương trình cũng nhằm mục đích bồi dưỡng thế hệ quản lý tiếp theo cho nhiều cấp khác nhau. Tất cả các hoạt động này đã giúp nâng chỉ số gắn kết nhân viên và chỉ số tạo điều kiện làm việc cho nhân viên năm 2013 trong Bảng khảo sát hiệu quả làm việc của nhân viên thực hiện bởi Hay Group, lần lượt tăng lên 12% và 9% so với năm 2012. Tổ chức Employer Branding Institution hàng đầu của khu vực đã trao giải thưởng Nhà tuyển dụng Tốt nhất Châu Á năm 2013 cho Techcombank vì những nỗ lực phát triển nguồn nhân lực.

Những giải thưởng quốc tế uy tín

Năm 2013, chúng tôi tiếp tục được một số tạp chí tài chính hàng đầu thế giới như The Asian Banker, Global Trade Review, Asian Banking & Finance, và Alpha Southeast Asia ghi nhận là Ngân hàng Tốt nhất cũng như Ngân hàng Hàng đầu Việt Nam trong một số lĩnh vực quan trọng.

Ngoài ra, phải kể đến một số giải thưởng trong nước uy tín, góp mặt vào bảng thành tích của chúng tôi như giải thưởng Sao vàng Đất Việt do Hiệp hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam trao tặng hay giải Ngân hàng Bán lẻ tiêu biểu tại Việt Nam được trao tặng trong diễn đàn Asean Banker Forum. Tổng số 13 giải thưởng trong nước và quốc tế giành được trong năm 2013 đã giúp chúng tôi tăng thêm niềm tin vào định hướng phát triển và thành công nhiều hơn nữa trong tương lai.



Kết quả kinh doanh năm 2013

Tiếp tục tập trung vào tăng trưởng bền vững

Tóm tắt

2013 tiếp tục là một năm khó khăn đối với nền kinh tế nói chung và ngành ngân hàng nói riêng. Techcombank một mặt vừa duy trì tăng trưởng kinh doanh, mặt khác tiếp tục tập trung vào công tác quản trị rủi ro, chất lượng tín dụng và củng cố bảng cân đối kế toán.

Một số nét nổi bật về kết quả hoạt động của Ngân hàng như sau:

- Tổng huy động khách hàng tăng 7,6% đạt 119.978 tỷ đồng.
- Tổng cho vay khách hàng tăng 2,9% đạt VND 70.275 tỷ đồng.
- Thu nhập hoạt động giảm 1.9% xuống còn 5.648 tỷ đồng do việc giảm biên lãi thuần (NIM) từ mức 3,4% xuống 3,2 % theo xu hướng giảm lãi suất trong năm 2014.
- Với việc quản trị rủi ro nhất quán, thận trọng và minh bạch, Ngân hàng đã trích lập dự phòng rủi ro 1.414 tỷ đồng cho các khoản nợ. Tính đến 31/12/2013, Ngân hàng đã bán gần 2 nghìn tỷ đồng nợ xấu cho Công ty Quản lý Tài sản của các Tổ chức Tín dụng Việt Nam (VAMC).
- Chi phí hoạt động tăng 1.87% lên mức 3.356 tỷ

đồng, phản ánh các khoản chi cho đầu tư cơ sở hạ tầng, tuyển dụng nhân sự có chất lượng và duy trì mạng lưới chi nhánh.

- Lợi nhuận trước thuế giảm 13,7 % đạt 878 tỷ đồng.
- Hệ số an toàn vốn (CAR) tăng từ 12,6% năm 2012 lên 14,03% vào cuối năm 2013, trong khi đó tỷ lệ cho vay trên huy động được duy trì quanh mức 58,6%.

Kết quả hoạt động của Ngân hàng

Tổng thu nhập hoạt động của Ngân hàng đạt 5.648 tỷ đồng, giảm 1.9% so với năm ngoái.

Mặc dù thu nhập lãi thuần giảm 16,9% xuống còn 4.336 tỷ đồng do NIM bị giảm từ mức 3,4% xuống 3,2%, song thu nhập lãi thuần từ hoạt động dịch vụ lại tăng 30,2%, tương đương 736 tỷ đồng. Thu nhập từ hoạt động đầu tư và kinh doanh được cải thiện đáng kể so với năm ngoái, đạt 145 tỷ đồng so với con số -311 tỷ đồng của năm 2012.

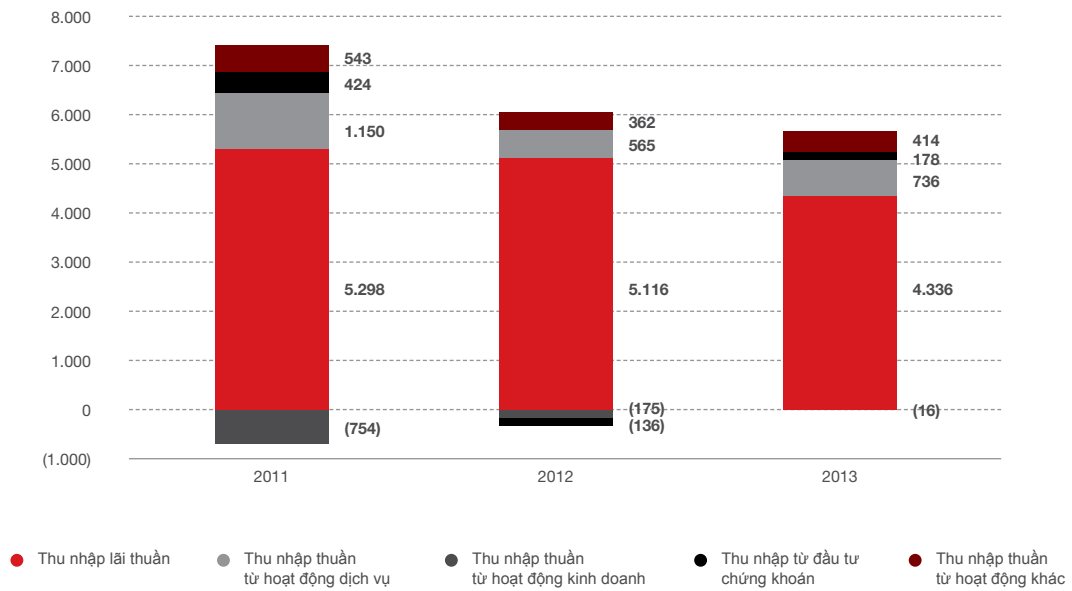
Chi phí hoạt động tăng 62 tỷ đồng, tương đương 1,87 % so với năm ngoái. Ngân hàng tiếp tục đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và mạng lưới bao gồm 315 chi nhánh trên toàn quốc.

Dự phòng rủi ro mất vốn được duy trì ở mức 1.414 tỷ đồng, giảm 36 tỷ so với năm 2012 do tác động của môi trường kinh tế khó khăn và cách tiếp cận thận trọng trong việc đánh giá nợ xấu (NPL). Tính đến ngày 31/12/2013, tỷ lệ nợ xấu của Ngân hàng đang ở mức 3,65%, giảm mạnh so với mức 5,9% tại thời điểm 30/9/2013. Ngân hàng đã và đang chú trọng công tác quản lý và thu hồi nợ xấu, song song với việc kiểm soát rủi ro tín dụng theo các chuẩn mực quốc tế.

Lợi nhuận trước thuế đạt 878 tỷ đồng, giảm 13,72% so với năm ngoái. Theo đó tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) giảm từ 0,42% xuống còn 0,39% trong khi đó lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) giảm từ 5,58% xuống 4,47% trong năm 2013.



Cơ cấu lợi nhuận (tỷ đồng)



Bảng cân đối kế toán

Mặc dù thị trường năm 2013 có nhiều khó khăn, nhưng với sự tin tưởng của khách hàng, Ngân hàng vẫn đạt được mức tăng trưởng cả về số dư huy động và cho vay so với năm 2012. Cho vay khách hàng tăng 2,9%, trong khi đó huy động khách hàng tăng 7,6% đạt 119.978 tỷ đồng. Tỷ lệ cho vay trên huy động giảm nhẹ từ mức 61,2% xuống 58,6% trong năm 2013. Hệ số an toàn vốn của ngân hàng được cải thiện, tăng 1,43% lên mức 14,03% tính đến cuối năm 2013, cao hơn nhiều so với mức yêu cầu tối thiểu 9% của Ngân hàng Nhà nước.

Cho vay khách hàng

Tính đến cuối năm 2013, với chính sách cho vay thận trọng, dư nợ cho vay khách hàng của ngân hàng đạt 70.275 tỷ đồng, tăng 2,9% so với năm 2012. Năm 2013 đánh dấu sự thay đổi trong cơ cấu cho vay theo ngành. Cho vay ngành Nông nghiệp và Lâm nghiệp giảm 16,69% trong khi đó ngành Xây dựng tăng 66%, do thị trường bất động sản đang dần hồi phục. Cho vay ngành Thương mại Sản xuất Chế biến cũng tăng 10,3%.

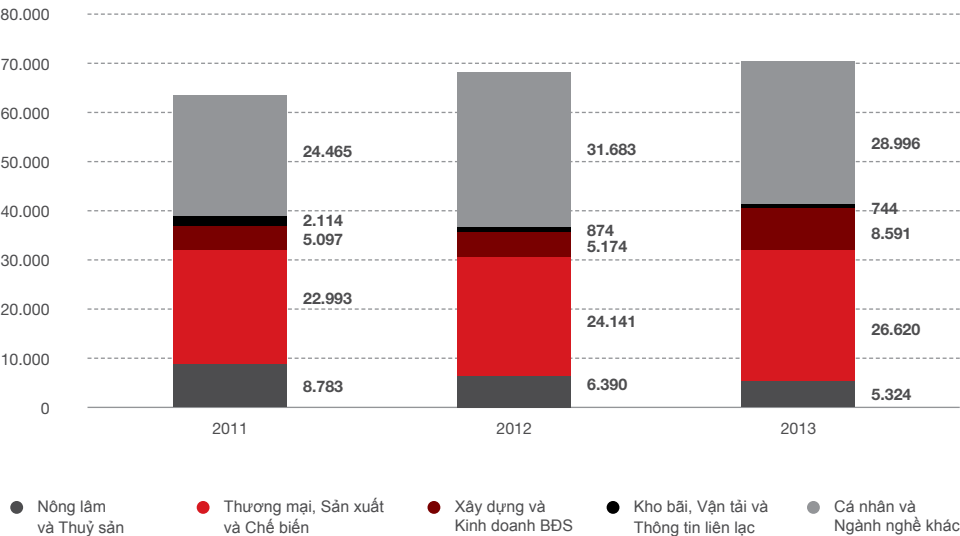
Chứng khoán đầu tư

Tổng danh mục chứng khoán đầu tư năm 2013 đạt 49,8 nghìn tỷ đồng, tăng 6,12% so với năm trước. Trong khi trái phiếu chính phủ tăng 5.205 tỷ đồng đạt mức 12.863 tỷ đồng, danh mục trái phiếu doanh nghiệp lại giảm 2.645 tỷ đồng xuống còn 24.301 tỷ đồng so với con số 26.947 tỷ đồng đạt được năm 2012.

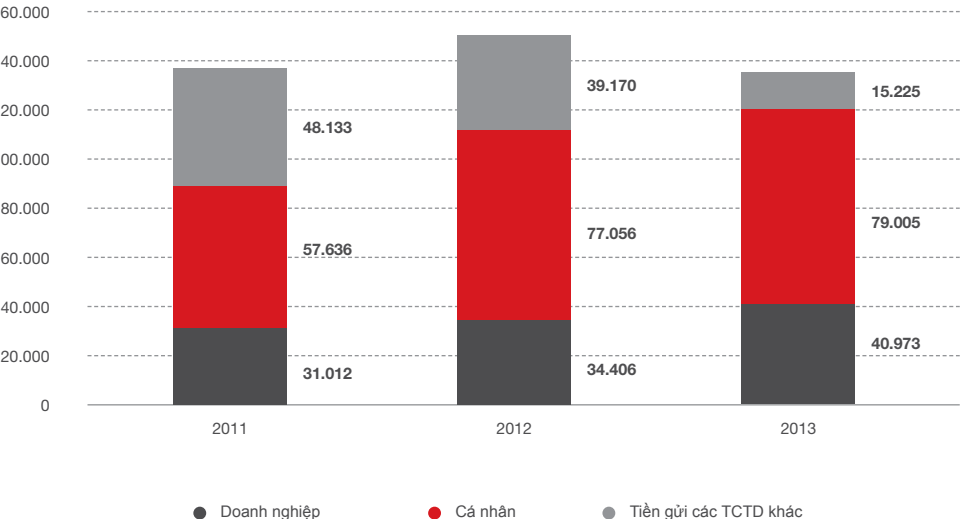
Tiền gửi khách hàng

Với sự tin tưởng của khách hàng, huy động khách hàng đã tăng 7,6% đạt 119.978 tỷ đồng. Huy động khách hàng cá nhân tăng nhẹ 2,5% trong khi đó huy động khách hàng doanh nghiệp tăng 19,1%. Tiền gửi Việt Nam đồng tăng 10,3% so với năm 2012 trong khi đó tiền gửi ngoại tệ giảm 11,9%, chủ yếu là trong mảng huy động khách hàng cá nhân.

Dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh (tỷ đồng)



Huy động phân theo đối tượng khách hàng (tỷ đồng)







Dịch Vụ Tài Chính Cá Nhân

Định hướng kinh doanh 2013

Trong suốt năm 2013, giá trị cốt lõi “Khách hàng là trên hết” luôn được chúng tôi chú trọng xây dựng vun đắp trong mọi hoạt động ở mảng Dịch vụ tài chính cá nhân, thể hiện cụ thể như:

- **Sản phẩm dịch vụ phù hợp:** Sản phẩm dịch vụ được cải tiến nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng và cạnh tranh trên thị trường. Chính điều này góp phần xây dựng danh mục sản phẩm tốt giúp tối ưu hóa chi phí, mang hiệu quả cao cho ngân hàng.
- **Giao dịch nhanh chóng và thuận tiện trên các kênh:** Cải tiến mô hình phục vụ tại chi nhánh đa năng và siêu chi nhánh, phát triển ứng dụng đa dạng trên kênh giao dịch điện tử nhằm mang đến thuận tiện tối đa cho khách hàng.

- **Nâng cao sự hài lòng của khách hàng:** Rất nhiều hoạt động được triển khai xuyên suốt từ các cấp lãnh đạo tới từng nhân viên nhằm nâng cao tinh thần “Khách hàng là trên hết”. Ngân hàng tổ chức định kỳ các buổi trò chuyện cùng khách hàng; Chương trình “khách hàng bí mật” triển khai tại chi nhánh đánh giá hiệu quả phục vụ.
- **Mang đến nhiều lợi ích hơn cho khách hàng:** Các chương trình chăm sóc khách hàng, chương trình khuyến mãi, chương trình Gắn kết bền lâu được triển khai liên tục. Ngoài ra, Techcombank còn chú trọng mở rộng liên kết đối tác nhằm mang đến nhiều lợi ích hơn cho khách hàng.
- **Tập trung phân khúc khách hàng thu nhập trung bình và cao:** Định hướng này giúp chúng tôi tăng trưởng bền vững trong năm 2013 và những năm tiếp theo.

Kết quả hoạt động tài chính trong năm 2013

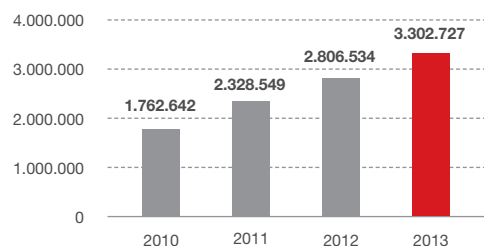
Trong năm 2013, nỗ lực của chúng tôi được ghi nhận qua nhiều giải thưởng quốc tế uy tín, trong đó phải kể đến giải thưởng Ngân hàng Bán lẻ Tiêu biểu của năm 2013 do tạp chí Asean Banker trao tặng hay giải Ngân hàng Bán lẻ Nội địa Tốt nhất Việt Nam do tạp chí Asian Banking and Finance bình chọn.

Trong năm qua, Dịch vụ tài chính cá nhân đã đạt và vượt nhiều chỉ tiêu kinh doanh như: số lượng khách hàng, số dư huy động, thu nhập từ phí.

Số lượng khách hàng

Số lượng khách hàng cá nhân tăng lên 17,7% đạt khoảng 3,3 triệu khách hàng, trong đó đặc biệt phân khúc khách hàng Ưu tiên có số lượng khách hàng tăng vượt bậc 35%.

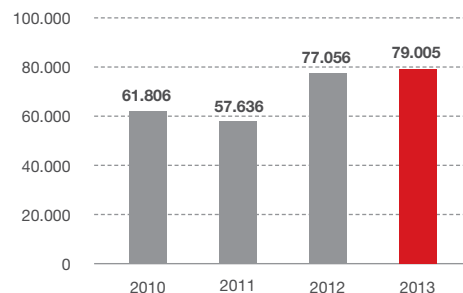
Số lượng khách hàng



Huy động

Dù là năm khó khăn, Techcombank vẫn tiếp tục duy trì mức tăng trưởng 2,5% đạt mức 79.005 tỷ đồng.

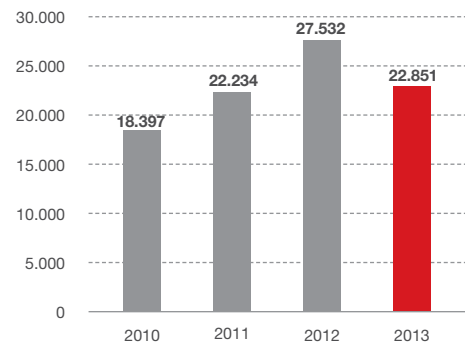
Huy động (tỷ đồng)



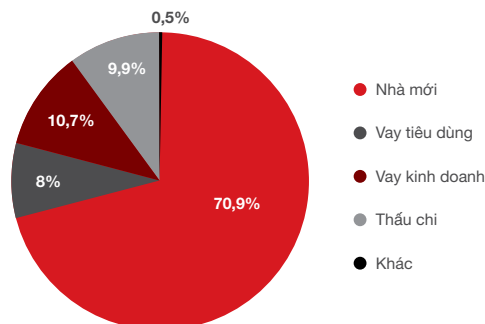
Cho vay

Tiếp tục định hướng quản trị rủi ro thận trọng, Ngân hàng tập trung vào nhóm khách hàng tốt với sản phẩm dịch vụ được cải tiến phù hợp. Trong năm 2013, Techcombank vẫn giữ được tăng trưởng cho nhóm sản phẩm chính như vay mua nhà, vay tiêu dùng, vay kinh doanh với mức tăng trưởng từ 3 – 9%.

Dư nợ (tỷ đồng)



Cơ cấu dư nợ cho vay theo sản phẩm 2013



Thẻ

Ưu đãi hấp dẫn trong chương trình Techcombank Smile và chương trình tiếp thị khuyến khích mở thẻ đã giúp chúng tôi tiếp tục giữ vị trí trong nhóm đầu về tổng chi tiêu qua thẻ cũng như có tăng trưởng tốt số lượng thẻ phát hành:

- Là ngân hàng đứng thứ hai về tổng chi tiêu qua thẻ tín dụng Visa. Dư nợ thẻ tín dụng tăng 71% so với năm 2012
- Là ngân hàng đứng thứ ba về tổng chi tiêu qua thẻ ghi nợ Visa Debit. Tổng số lượng thẻ Visa Debit mở mới tăng 69% so với 2012

Số lượng khách hàng cá nhân tăng 17,7% đạt khoảng

3,3 triệu

Phân khúc khách hàng Ưu tiên
tăng vượt bậc

35 %

Các thành tựu khác

Lựa chọn đúng đắn phân khúc khách hàng mục tiêu và tăng trưởng tốt trên phân khúc khách hàng Ưu tiên

Phân khúc khách hàng ưu tiên đạt tăng trưởng tốt về số lượng khách hàng (tăng 35%). Đạt được kết quả này là nhờ hoạt động chăm sóc và phục vụ khách hàng liên tục được cải tiến, hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ chuyên viên quan hệ khách hàng ưu tiên, chương trình chăm sóc khách hàng mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho khách hàng. Bên cạnh đó, các sản phẩm đầu tư được thiết kế chuyên biệt cho nhóm khách hàng Ưu tiên đóng vai trò như công cụ tư vấn hoạch định tài chính hữu ích cho khách hàng đã được phát triển thành công.

Chú trọng vào đầu tư công nghệ và bảo mật

Techcombank luôn chú trọng việc xây dựng một hệ thống ngân hàng với nền tảng công nghệ cao và bảo mật an toàn tốt nhất theo các tiêu chuẩn quốc tế. Trong năm 2013, Techcombank đã nhận giải thưởng quốc tế cho ghi nhận nỗ lực này:

- Tháng 11/2013, Hội đồng Châu Á - Thái Bình Dương về thuận lợi hóa thương mại & kinh doanh điện tử (AFACT), trao tặng Techcombank giải thưởng thương mại điện tử eAsia Award. Giải thưởng này là sự ghi nhận nỗ lực không ngừng của Techcombank triển khai từ năm 2007 với mục

tiêu phát triển các kênh giao dịch thay thế nhằm đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ và giảm thời gian thực hiện giao dịch, qua đó, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

- Ngày 12/11/2014, Techcombank đã vinh dự đón nhận chứng chỉ quốc tế PCI DSS về an toàn bảo mật cho hệ thống thẻ do tổ chức đánh giá quốc tế Control Case trao tặng. Từ cuối năm 2011, Techcombank đã bắt đầu triển khai thực hiện dự án chuẩn hóa hệ thống công nghệ, quy trình vận hành, quy trình quản lý dịch vụ, tăng cường an toàn bảo mật dữ liệu thẻ trong suốt quá trình xử lý dữ liệu, lưu trữ dữ liệu và quá trình truyền dữ liệu thanh toán thẻ giữa khách hàng, ngân hàng và các đơn vị có liên quan đến cung ứng dịch vụ thanh toán thẻ nhằm hạn chế có lỗi hổng bảo mật và rủi ro bị đánh cắp thông tin. Ngoài ra, chúng tôi cũng đẩy mạnh việc ứng dụng các tiêu chuẩn EMV cho Thẻ, ATM và POS; sử dụng công nghệ bảo mật 3D Secure cho dịch vụ thanh toán thẻ trực tuyến.

Sản phẩm dịch vụ được đầu tư và cải tiến cạnh tranh hơn

Việc đóng gói tài khoản thành 4 gói: Cơ bản, Năng động, Đầu tư, Kinh doanh đáp ứng nhu cầu giao dịch tài khoản thuận tiện và phù hợp cho mọi nhu cầu giao dịch từ cơ bản đến nhu cầu chuyên biệt của từng nhóm khách hàng khác nhau với mức phí cạnh tranh đã giúp chúng tôi đạt tăng trưởng

tốt trên số lượng khách hàng với 907.212 gói tài khoản mở được tính đến hết năm 2013.

Năm 2013 đã đánh dấu sự thành công của chúng tôi trong việc nâng cao chất lượng tín dụng. Hệ thống quản lý tín dụng LOS tiếp tục được đầu tư giúp rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, cải tiến chất lượng thẩm định và phê duyệt, giảm thiểu giả mạo hồ sơ. Techcombank tập trung cải tiến quy trình cung cấp sản phẩm tín dụng sát với thực tế kinh doanh và theo từng nhóm đối tượng khách hàng. Các sản phẩm được sửa đổi và điều chỉnh phù hợp với từng nhóm khách hàng nhỏ. Những hoạt động này giúp Techcombank có tăng trưởng trên nhóm khách hàng vay tốt.

Mở rộng đối tác liên kết mang đến nhiều lợi ích hơn cho khách hàng

Techcombank chú trọng mở rộng liên kết với các đối tác nhằm mang lại nhiều lợi ích hơn cho khách hàng như: Gói cho vay với ưu đãi vượt trội tại dự án của VinGroup, ra mắt thẻ đồng thương hiệu Vincom Loyalty cho khách hàng mua sắm ưu đãi tại hệ thống siêu thị của tập đoàn VinGroup, mở rộng mạng lưới ưu đãi cho chủ thẻ Techcombank về số lượng điểm ưu đãi và ngành hàng ưu đãi.

Mục tiêu và định hướng 2014

Trong năm 2014, chúng tôi tiếp tục theo đuổi đầu tư vào các giá trị cốt lõi và công nghệ nền tảng nhằm tạo dựng phát triển bền vững.

Phân khúc khách hàng mục tiêu tập trung vào nhóm thu nhập khá và cao, và trong năm 2014 mở rộng thêm nhóm thu nhập trung bình khá.

Các hoạt động nhằm nâng cao sự hài lòng và gắn kết của khách hàng với ngân hàng tiếp tục được triển khai mạnh mẽ hơn, xuyên suốt từ bước phát triển sản phẩm cho đến bước chăm sóc khách hàng sau bán. Chương trình khách hàng bí mật

triển khai toàn hệ thống đảm bảo chất lượng dịch vụ cao nhất và đồng bộ đến khách hàng. Mục tiêu năm 2014 sẽ tiếp tục đạt tăng trưởng tốt về số lượng khách hàng, tăng mức độ gắn kết của khách hàng với ngân hàng.

Tối ưu hóa mạng lưới bán hàng và tiếp tục phát triển kênh giao dịch thay thế. Mô hình phục vụ thí điểm tại chi nhánh đa năng và siêu chi nhánh đã góp phần rút ngắn thời gian giao dịch, tăng cường bán chéo hiệu quả sẽ được triển khai tích cực trên toàn hệ thống. Kênh giao dịch trực tuyến, trên điện thoại di động và trên ATM tiếp tục được đầu tư phát triển ứng dụng thiết thực cho nhu cầu sử dụng hàng ngày của khách hàng.

Củng cố và đẩy mạnh phát triển sản phẩm bán lẻ theo nhu cầu của từng phân khúc nhỏ, mức độ rủi ro. Liên tục rà soát và cải thiện danh mục sản phẩm tối ưu hơn. Năm 2014, tập trung nắm bắt cơ hội trong mảng cho vay tiêu dùng.

Đẩy mạnh liên kết đối tác và với khách hàng Doanh nghiệp hiện có nhằm khai thác tối đa cơ hội kinh doanh cho các bên cũng như mang lại nhiều lợi ích hơn cho khách hàng. Các chương trình chăm sóc khách hàng, khuyến mãi tiếp tục được chú trọng nhằm mang đến lợi ích cộng thêm cho khách hàng.





Dịch Vụ Khách Hàng Doanh Nghiệp

Hiểu được những khó khăn cũng như vai trò của mình trong việc thực thi các chiến lược của ngân hàng, những năm qua khối Khách hàng doanh nghiệp (KHDN) đã rất nỗ lực trong việc phát triển các chính sách, sản phẩm, dịch vụ nhằm đáp ứng một cách tốt nhất mọi nhu cầu của khách hàng doanh nghiệp thuộc các phân khúc mục tiêu.



Dưới đây là một số sáng kiến tiêu biểu của Khối KHDN đã triển khai đạt hiệu quả cao trong năm 2013:

- Triển khai thành công chương trình cho vay ưu đãi lãi suất VND và USD nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn giá rẻ, ổn định. Đây là một điểm nhấn nổi bật và được nhiều khách hàng đón nhận với tổng giá trị giải ngân xấp xỉ 7.000 tỷ đồng.
- Triển khai các sản phẩm, chính sách ưu đãi phù hợp với từng loại hình, ngành nghề và quy mô kinh doanh của các doanh nghiệp với các ưu điểm vượt trội như gói sản phẩm dành cho khách hàng doanh nghiệp mới thành lập, áp dụng cơ chế miễn giảm phí lên đến 15 loại phí giao dịch với ngân hàng; Nhóm sản phẩm tiền gửi phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn linh hoạt hoặc đầu tư dài hạn của khách hàng (B-Express, B-Plus); Bộ sản phẩm tiền gửi trả lãi linh hoạt (trả lãi định kỳ, đầu kỳ, cuối kỳ tùy theo nhu cầu đa dạng của khách hàng); sản phẩm cho vay bổ sung vốn lưu động với ưu điểm nổi bật về tốc độ xử lý hồ sơ trong vòng 16 giờ làm việc; Gói sản phẩm dịch vụ dành cho các trường học (B-School); ...
- Nhằm mục tiêu cung cấp các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng trọn gói đến khách hàng doanh nghiệp, Khối KHDN đã triển khai liên kết với các doanh nghiệp lớn, qua đó hỗ trợ các giải pháp tài chính cho nhà cung cấp, các nhà phân phối của những doanh nghiệp này một cách đầy đủ, đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của khách hàng với nhiều ưu đãi về giá, phí và phương thức cung ứng dịch vụ.

Thành tựu

Trong năm 2013, chất lượng dịch vụ dành cho khách hàng doanh nghiệp tiếp tục được nâng cao và mang tính chuyên nghiệp, đảm bảo chất lượng phục vụ là đồng nhất, mang đến sự hài lòng cho khách hàng trên toàn hệ thống.

Bên cạnh việc tối ưu hóa các quy trình hoạt động, đặc biệt đối với các quy trình liên quan đến phê duyệt tín dụng, giải ngân, quản lý tài sản bảo đảm. Khối KHDN đã triển khai các chương trình chăm sóc khách hàng theo chiều sâu, hướng đến giá trị cốt lõi “Khách hàng là trên hết”. Các chương trình, hội thảo chuyên đề với các diễn giả hàng đầu thế giới như Ernst & Young, Mc Kinsey đã được tổ chức nhằm chia sẻ thông tin, tư vấn cho khách hàng các giải pháp quản lý, điều hành trong bối cảnh môi trường kinh doanh nhiều biến động.

Hưởng ứng chủ trương của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước trong việc hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ để thúc đẩy sản xuất kinh doanh, hỗ trợ vốn giá rẻ cho các doanh nghiệp thu mua tạm trữ: thóc gạo, Khối KHDN

cũng đã cung cấp nguồn vốn giá rẻ để tài trợ cho nhóm khách hàng này, thể hiện được tinh thần chia sẻ của Ngân hàng đối với khách hàng trong bối cảnh khó khăn. Qua đó tăng cường sự gắn kết và thắt chặt thêm mối quan hệ với nhóm khách hàng vừa và nhỏ tại các địa bàn hoạt động.

Trong công tác quản lý rủi ro hoạt động, đặc biệt là rủi ro tín dụng đã được Khối KHDN quan tâm sâu sát thông qua việc tái cấu trúc bộ máy tổ chức của Khối, nâng cao chất lượng đội ngũ, xây dựng quy trình kiểm soát và phân khúc khách hàng cụ thể. Năm 2013, Khối KHDN đưa vào áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng (CRIB) thống nhất trên toàn hệ thống, giúp đánh giá tổng thể mức độ rủi ro của từng khách hàng, phù hợp với đặc trưng của điều kiện thị trường và chuẩn mực quốc tế trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Định hướng kinh doanh 2014

Yếu tố chủ lực để nâng cao khả năng cạnh tranh vẫn tiếp tục tập trung vào chất lượng dịch vụ và phát triển sản phẩm phù hợp với từng phân khúc khách hàng.

Khối KHDN đặt mục tiêu tiếp tục nâng cao thị phần, tập trung vào một số nhóm giải pháp cơ bản sau:

- Luôn song hành, thấu hiểu nhu cầu khách hàng, không ngừng thay đổi và đa dạng hoá các sản phẩm, dịch vụ. Tăng cường hoạt động nghiên cứu, thăm dò thị trường nhằm xây dựng hệ thống các chính sách, sản phẩm, dịch vụ phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp, ngành nghề và quy mô hoạt động từng nhóm khách hàng theo địa bàn kinh doanh.
- Tiếp tục xây dựng và củng cố các yếu tố cơ bản của hệ thống như năng lực của đội ngũ bán hàng, chính sách quản lý rủi ro, hệ thống báo cáo quản trị. Đây sẽ là những công cụ hiệu quả, giúp thiết lập nền tảng vững chắc cho sự phát triển của Khối trong năm 2014 và những năm tiếp theo.
- Duy trì và triển khai mới các chương trình chăm sóc khách hàng hiệu quả, thực sự mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng, hướng đến mục tiêu nâng cao hơn nữa sự gắn bó của khách hàng hiện hữu, thu hút thêm khách hàng mới, thuyết phục khách hàng chuyển giao dịch trọng yếu về Ngân hàng. Techcombank luôn là lựa chọn ưu tiên trong các hoạt động phát triển kinh doanh của khách hàng.



Ngân Hàng Bán Buôn

Năm 2012, Techcombank thành lập Khối Ngân hàng Bán buôn (NHBB) nhằm đáp ứng tốt hơn các yêu cầu dịch vụ ngân hàng phức tạp của khách hàng doanh nghiệp. Đây là một bước đi hợp lý và là sáng kiến lớn trong chương trình chuyển đổi hướng tới mục tiêu trở thành Ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam.

Để có thể đạt được mục tiêu này, Ngân hàng đã tiến hành phân tích và định vị các phân khúc Khách hàng doanh nghiệp theo đặc thù về quy mô doanh thu, vốn, loại hình sở hữu, mô hình kinh doanh thành ba phân khúc chính, bao gồm:

- i) Doanh nghiệp lớn
- ii) Doanh nghiệp quy mô trung bình
- iii) Doanh nghiệp vừa và nhỏ

Khối NHBB được thành lập với định vị chiến lược đặc thù phục vụ cho hai phân khúc khách hàng đầu tiên và Khối Khách hàng Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về phân khúc Doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Việc định vị rõ các phân khúc khách hàng với các phân tích cụ thể về mô hình, nhu cầu dịch vụ tài chính của khách hàng và tiềm năng khai thác đã giúp Ngân hàng tạo ra sự khác biệt trong sản phẩm và dịch vụ cho mỗi phân khúc, thiết lập cơ cấu tổ chức nhằm định vị giá trị khách hàng tối ưu cho tất cả các khách hàng ở mỗi phân khúc mục tiêu. Định hướng tập trung phát triển các giải pháp về Ngân hàng giao dịch, trước mắt là các giải pháp Quản lý dòng tiền và Thanh toán quốc tế/tài trợ

thương mại là một trong 3 mũi nhọn chiến lược của Ngân hàng, và là một nền tảng được chú trọng hàng đầu về giải pháp để tạo ra năng lực cạnh tranh về lâu dài của chiến lược Ngân hàng bán buôn, kết hợp cùng việc phát triển mạnh các quan hệ với các định chế tài chính trong nước và quốc tế nhằm đảm bảo năng lực phát triển và cung cấp sản phẩm xuất sắc và đồng nhất cho khách hàng.

Chiến lược Ngân hàng bán buôn và việc xây dựng các giải pháp tài chính cao cấp và hiệu quả cho khách hàng được kết hợp chặt chẽ với các giải pháp của Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính, các giải pháp Ngân hàng đầu tư. Đây là một trong những đột phá của Techcombank giúp tạo ra các công cụ vốn và các công cụ quản lý tài chính doanh nghiệp hiệu quả cho khách hàng.

Quan hệ với Khách hàng doanh nghiệp được tập trung quản lý thông qua lực lượng Cán bộ quản lý quan hệ khách hàng cao cấp (RM) thuộc Khối NHBB, đảm bảo “Dịch vụ một cửa”, các bộ phận khác kết hợp chặt chẽ với RM, đóng vai trò tư vấn, thiết kế và triển khai về các giải pháp sản phẩm cụ thể trong tổng giải pháp của Ngân hàng được thiết kế cụ thể cho từng Khách hàng doanh nghiệp, do RM tổng hợp và dẫn dắt trong quá trình tiếp cận khách hàng. Mỗi Khách hàng doanh nghiệp có RM cụ thể được phân công chăm sóc, tư vấn và RM này chịu trách nhiệm dẫn dắt việc tìm hiểu, thiết kế giải pháp, triển khai và chăm sóc dịch vụ cho khách hàng theo mức độ công ty, tập đoàn trên địa

bàn và trong toàn quốc, đảm bảo chính sách thống nhất và thông suốt cho khách hàng, công ty con, đối tác của khách hàng, cùng với sự hỗ trợ của mô hình dịch vụ khách hàng được thiết kế tập trung tại Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh phục vụ các nhu cầu tìm hiểu, tra soát, hỗ trợ các giao dịch tập trung của Khách hàng. Đội ngũ RM, vì vậy, được bố trí tại các địa bàn trọng điểm như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và một số Trung tâm khác sẽ được mở rộng theo nhu cầu phục vụ khách hàng doanh nghiệp trong tương lai. Bên cạnh đó, mạng lưới chi nhánh tiếp tục phát huy lợi thế cung cấp dịch vụ giao dịch tại chỗ cho khách hàng trên các địa bàn toàn quốc.

Các trụ cột chính trong chiến lược của Khối NHBB là: i) hiểu biết rõ ràng về nhu cầu của Khách hàng Doanh nghiệp; ii) thiết kế các sản phẩm ngân hàng đáp ứng cụ thể với nhu cầu tài chính của từng khách hàng doanh nghiệp với tiện ích và chất lượng dịch vụ tốt nhất; và iii) quản lý khẩu vị rủi ro một cách chặt chẽ song song với quy trình phê duyệt tín dụng và quản lý danh mục hiệu quả.

Trong năm 2013, Khối NHBB đã nhanh chóng chuẩn hóa mô hình, ổn định nhân sự, ban hành các quy trình cốt lõi để sẵn sàng cho các thách thức kinh doanh năm 2014 với cam kết phục vụ tốt nhất nhu cầu của Khách hàng và tạo ra hiệu quả kinh doanh cao, đóng góp hơn nữa vào nguồn thu của Ngân hàng.



TECHCOMBANK





Báo Cáo Thường Niên 2013

Con người và cộng đồng

Con người là yếu tố quan trọng cho sự thành công bền vững của Ngân hàng, chính vì vậy tại Techcombank chúng tôi luôn chú trọng tới việc thu hút và phát triển tối đa tiềm năng của đội ngũ nhân sự năng động, giàu khát vọng sẵn sàng cho giai đoạn phát triển mới với quy mô và vị thế của một Ngân hàng Tốt nhất Việt Nam



Phát Triển Nguồn Nhân Lực

Chú trọng tới đào tạo và nâng cao mức độ gắn kết của nhân viên



2013 - Kiên định chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Năm 2013 đánh dấu 20 năm thành lập và phát triển Techcombank. Để thành công và tạo nên sự phát triển bền vững của Ngân hàng, yếu tố con người đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Trong năm 2013, Techcombank tiếp tục kiên định chú trọng vào chiến lược phát triển con người song song với việc kiện toàn bộ máy tổ chức. Ban Lãnh đạo Ngân hàng luôn dành sự quan tâm tối đa cho hoạt động đào tạo và phát triển nhân tài của tổ chức.

Trong năm 2013 vừa qua, lĩnh vực đào tạo của Techcombank đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận, đánh dấu một bước tiến nhanh và mạnh mẽ với phương pháp đào tạo đa kênh; Đào tạo thông qua hệ thống E-learning, đào tạo trên lớp học và đào tạo hỗn hợp tại đơn vị. Các khóa học được xây dựng chuyên nghiệp và hiệu quả đáp ứng được nhu cầu học tập của cán bộ nhân viên với 207 khóa học nghiệp vụ; 123 khóa học kỹ năng; 78 khóa học chung cùng 230 kỳ thi và sát hạch.

Các chương trình đào tạo liên tục được cải tiến, cập nhật về nội dung, hình thức, phương pháp đào tạo để phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế.

Techcombank đã phối hợp với các chuyên gia và tổ chức đào tạo hàng đầu trong và ngoài nước để xây dựng và triển khai nhiều chương trình đào tạo từ cơ bản đến nâng cao. Trong năm 2013, cơ cấu tổ chức và chức năng của bộ phận đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được thay đổi nhằm tối ưu hóa nguồn lực cho chiến lược phát triển con người của Techcombank. Bên cạnh sự đầu tư để phát triển hệ thống và tổ chức quản lý, chúng tôi xác định sẽ không ngừng cải tiến, tiếp tục đề ra các chiến lược đào tạo với các hình thức đào tạo khác nhau; phục vụ khách hàng một cách chuyên nghiệp, hiệu quả.

Văn hóa doanh nghiệp & Đầu tư phát triển nhân sự dài hạn - Chiến lược phát triển bền vững của Techcombank

Với khát khao chinh phục mục tiêu trở thành Ngân hàng được yêu thích nhất tại Việt Nam, Techcombank tiếp tục đầu tư vào chiến lược phát triển nhân sự dài hạn hướng đến sự phát triển bền vững của Techcombank.

Năm 2013 là năm thứ ba liên tiếp Techcombank phối hợp với Tổ chức tư vấn nhân sự quốc tế HayGroup để tiến hành khảo sát mức độ hiệu quả



làm việc của cán bộ nhân viên. Kết quả khảo sát năm 2013 đã tăng cao đáng kể so với kết quả năm 2012 về mức độ gắn bó và mức độ tạo điều kiện của tổ chức đối với người lao động. Kết quả này là một minh chứng sống động cho những nỗ lực đầu tư của Ban lãnh đạo ngân hàng nhằm hướng đến sự phát triển lâu dài và bền vững nguồn nhân lực Techcombank. Những giá trị cốt lõi của Ngân hàng được coi là kim chỉ nam cho sự vận hành của Ngân hàng. Năm 2013, hoạt động xây dựng văn hóa tổ chức được phổ biến và triển khai sâu rộng trong toàn hệ thống Techcombank, cụ thể qua Chương trình “Hành trình Văn hóa” với chủ đề “Khách hàng là trên hết”. Nhiều hoạt động và các cuộc thi đã được tổ chức với sự ủng hộ nhiệt tình của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên Techcombank trên khắp các vùng miền. Các chương trình đa dạng như WeReds, WeAct, WeGood đã được triển khai xuyên suốt năm 2013 nhằm nâng cao sự cải tiến, tính sáng tạo, tinh thần phối hợp...

Với mục tiêu khuyến khích tinh thần đổi mới sáng tạo, nâng cao hiệu suất làm việc tốt nhất của mỗi cán bộ nhân viên, hàng loạt các chương trình thi đua khen thưởng đã được triển khai rộng khắp

quy mô toàn Ngân hàng. Cụ thể như chương trình khen thưởng sáng kiến, đã có hơn 40 cá nhân và tập thể đã được trao giải với các sáng kiến thuộc nhóm tiết kiệm chi phí, cải tiến quy trình, nâng cao hiệu quả làm việc; cuộc thi “Đường đua rực lửa” gay cấn từng ngày từng giờ với sự vinh danh kịp thời các cán bộ bán hàng đạt giải.

Ngoài ra, Ngân hàng còn đầu tư vào chính sách nhân sự nhằm phát triển đội ngũ nhân tài như chương trình tìm kiếm và giữ chân nhân tài được thiết kế chi tiết, toàn diện cho từng đối tượng nhân viên tài năng. Đối với đội ngũ nhân tài kế cận Ngân hàng có diễn đàn “Nhà lãnh đạo tương lai”. Đây là chương trình phát triển nhân tài nằm trong chính sách dài hạn về phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, gắn kết và đầy nhiệt huyết hướng tới mục tiêu phát triển Techcombank trở thành Ngân hàng hàng đầu Việt Nam.

Các chính sách nhân sự tiên phong của Techcombank được xây dựng từ năm trước tiếp tục được duy trì, cải tiến và bổ sung như WeCare, WeShare nhằm mang đến môi trường làm việc lý tưởng và tạo sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống của mỗi cán bộ nhân viên Techcombank.

Định hướng 2014

Năm 2014 Techcombank tiếp tục ưu tiên triển khai lộ trình chiến lược nhân sự (2013-2015) nhằm trở thành ngân hàng tốt nhất Việt Nam và môi trường làm việc tốt nhất với mỗi cán bộ nhân viên.

Khối Quản trị Nguồn nhân lực tiếp tục vai trò là đối tác chiến lược của đơn vị kinh doanh trong việc: nâng cao chất lượng dịch vụ nhân sự; phối hợp kiểm soát và giảm chi phí; nâng cao tính tuân thủ; nâng cao tỷ lệ hài lòng của khách hàng nội bộ; nâng cao mức độ cam kết của cán bộ nhân viên với Techcombank.



Các Giải Thưởng Lớn Trong Năm 2013



Ngân hàng Tài trợ Thương mại Tốt nhất Việt Nam 2013



Ngân hàng Tài trợ Thương mại Tốt nhất Việt Nam 2013

Ngân hàng Bán lẻ Nội địa của năm tại Việt Nam



Nhà Tuyển dụng Tốt nhất châu Á năm 2013



Giải thưởng Lãnh đạo công nghệ thông tin và an ninh
thông tin Đông Nam Á tiêu biểu

Giải thưởng Ngân hàng Bán lẻ Tiêu biểu năm 2013



Giải thưởng Tin & Dùng cho Dịch vụ thẻ thanh toán và
chăm sóc khách hàng sử dụng thẻ Techcombank

Techcombank tự hào đón nhận nhiều giải thưởng lớn, danh giá do các tổ chức, các tạp chí tài chính uy tín trong nước và quốc tế ghi nhận trên nhiều lĩnh vực



Ngân hàng Tài trợ Thương mại
Tốt nhất Việt Nam 2013



Ngân hàng Tốt nhất Việt Nam 2013
Ngân hàng Cung cấp Dịch vụ Ngoại hối
cho các doanh nghiệp và định chế
tài chính Tốt nhất Việt Nam



Sao Vàng Đất Việt 2013



Ngân hàng Tài trợ Thương mại Tốt nhất
Việt Nam 2013
Ngân hàng Điện tử Tốt nhất Việt Nam 2013



Trách Nhiệm Với Cộng Đồng

Tại Techcombank, chúng tôi hiểu rằng doanh nghiệp chỉ phát triển bền vững khi xã hội phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội không đơn thuần là viết một tấm séc tài trợ



Là một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực tài chính, chúng tôi ý thức rõ ràng tầm quan trọng và sự cần thiết trong việc đóng góp vào sự phát triển bền vững và lâu dài của cộng đồng. Trong những năm vừa qua, Techcombank đã đầu tư hàng trăm tỷ đồng vào các dự án, các chương trình hỗ trợ cộng đồng với 3 trọng tâm chính là: Giáo dục, Môi trường và Chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Những hoạt động này được triển khai nghiêm túc và liên tục qua nhiều năm, tiêu biểu như chương trình “Techcombank – Khăn đỏ đến trường”. Điều này thể hiện rõ cam kết đầu tư vào các hoạt động xã hội một cách bền vững và lâu dài của chúng tôi.

Vì một tương lai tươi sáng cho thế hệ trẻ

Nhân tài là nguyên khí của quốc gia, giáo dục là nền tảng tương lai của đất nước. Techcombank hiểu rõ tầm quan trọng của giáo dục và không ngừng đầu tư cho các chương trình hỗ trợ giáo dục trên khắp 3 miền đất nước với số tiền lên tới hàng chục tỷ đồng.

Tính đến năm 2013, chương trình “Techcombank – Khăn đỏ đến trường” đã thực hiện được 3 năm, triển khai tại 44 tỉnh thành trên cả nước. Mừng sinh nhật tuổi 20, Techcombank đã tài trợ 2.000 suất học bổng cho trẻ em nghèo, hiếu học, nâng tổng số kinh phí hỗ trợ trong 3 năm vừa qua lên 5,4 tỷ đồng. Điều đặc biệt của chương trình này là sự tham gia nhiệt tình của cán bộ nhân viên Ngân hàng; không chỉ đóng góp tài chính mà còn trực tiếp tham gia vào quá trình tìm kiếm, đề xuất những gương học sinh nghèo hiếu học tại địa phương vào danh sách nhận học bổng. Trong hơn 3 năm, chương trình “Techcombank – Khăn đỏ đến trường” đã thấp

sáng hàng nghìn nụ cười và ước mơ đến trường của các trẻ em thiếu may mắn.

Ngoài ra, Ngân hàng Techcombank còn triển khai nhiều hoạt động khuyến học, khuyến tài, góp phần tạo dựng nguồn lực tri thức cho đất nước. Năm 2012, Techcombank phối hợp cùng báo Nhân Dân đã sáng lập quỹ “Hạt giống Việt”, với 5 tỷ đóng góp ban đầu, nhằm tạo một quỹ học bổng thường niên cho các sinh viên tài năng hiếu học của Việt Nam. Năm 2013, trong khuôn khổ Quỹ Khuyến học Khuyến tài Đất Tổ, Techcombank đã tài trợ 3 tỷ đồng, hỗ trợ khen thưởng kịp thời 25 giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên trực tiếp có học sinh đạt giải các kỳ thi văn hoá và năng khiếu cấp Quốc gia; 30 vận động viên đạt HCV, HCB tại các giải thể thao toàn quốc; 3 thủ khoa các trường đại học và 17 học sinh có hoàn cảnh khó khăn thi đại học đạt 27 điểm trở lên; 20 học sinh, sinh viên đạt giải Nhất, Nhì quốc gia các môn văn hóa, cuộc thi Khoa học kỹ thuật và Olympic Toán sinh viên toàn quốc.

Trong năm 2013, Techcombank tiếp tục thể hiện cam kết hỗ trợ giáo dục cộng đồng thông qua các chương trình đầu tư giáo dục trên khắp 3 miền đất nước như: Đầu tư 5 tỷ đồng xóa đói giảm nghèo và tăng cường giáo dục tại Hà Tĩnh, tài trợ gần 13 tỷ đồng xây dựng trường học tại Quảng Ngãi, và 4 tỷ đồng tại Hậu Giang.

Vì một nền tảng chăm sóc sức khỏe tốt hơn cho cộng đồng

Techcombank hiểu rằng, một xã hội khỏe mạnh khi tất cả những người dân đều được chăm sóc

sức khỏe toàn diện và đầy đủ. Chúng tôi tin rằng, những đóng góp của mình, cùng chung tay với xã hội, sẽ mang tới cơ hội được tiếp cận với những điều kiện chăm sóc sức khỏe tốt hơn cho mọi người dân Việt Nam.

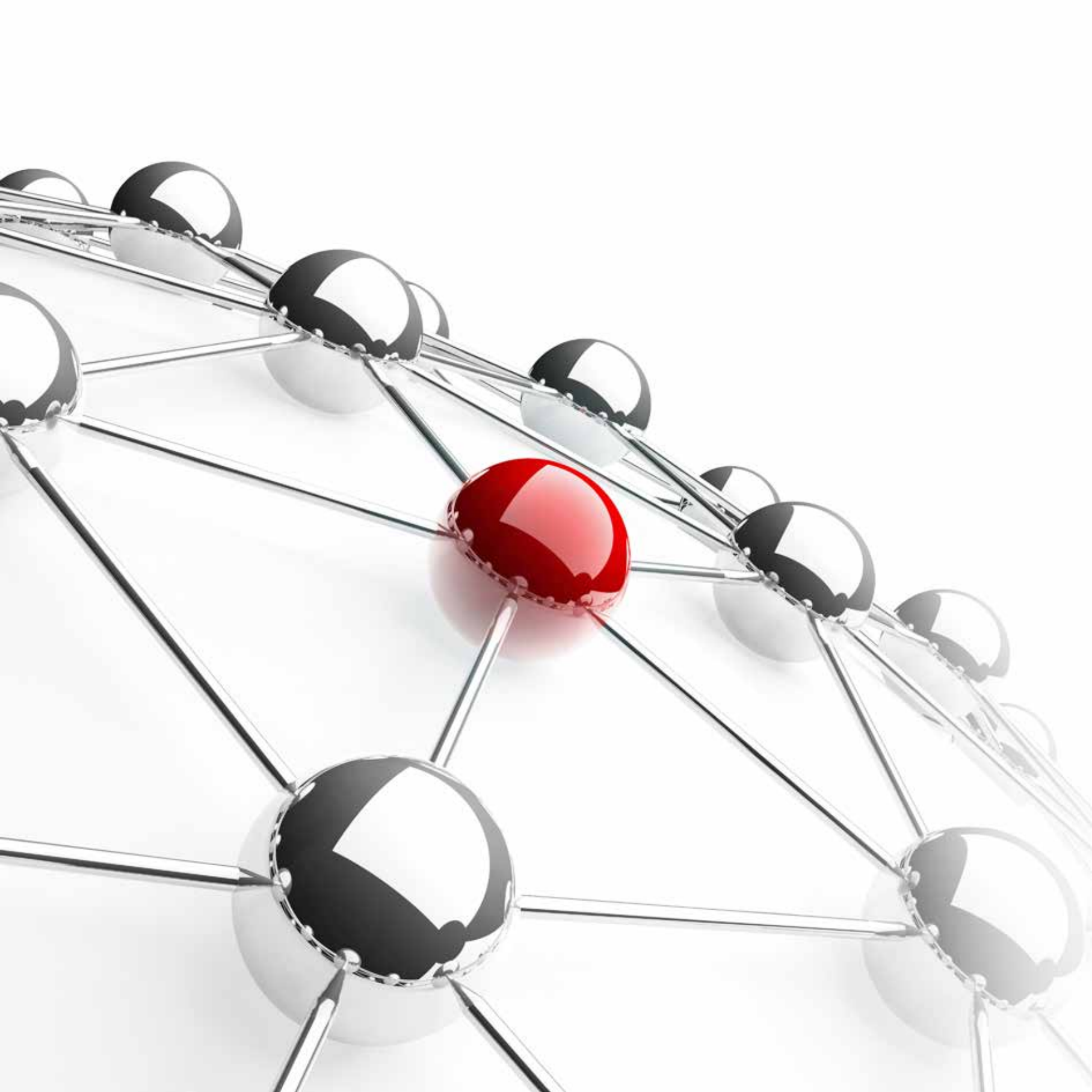
Cũng trong năm 2013, Techcombank đã hỗ trợ 4 tỷ đồng cho bệnh viện đa khoa Thanh Hóa để mua sắm những thiết bị tiên tiến, phục vụ cho việc chăm sóc sức khỏe của người dân trên địa bàn. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng hỗ trợ 6 tỷ đồng để xây dựng 4 trung tâm văn hóa và 2 trạm y tế tại địa bàn tỉnh vùng cao còn nhiều khó khăn như Yên Bái.

Vì một môi trường sống trong lành và tốt đẹp hơn

Môi trường luôn là một trong những mối quan tâm hàng đầu của Chính phủ và xã hội Việt Nam. Vấn đề bảo vệ môi trường và phát triển bền vững càng trở nên cấp bách hơn khi Việt Nam là một trong 5 nước chịu ảnh hưởng nặng nhất của biến đổi khí hậu toàn cầu.

Techcombank cùng toàn thể cán bộ nhân viên Ngân hàng đều ý thức rõ tầm quan trọng của vấn đề. Chúng tôi đã và đang tích cực ủng hộ nhiều hoạt động bảo vệ môi trường trên khắp cả nước, đó có thể là đóng góp tài chính, hiện vật, hay tinh thần như đi bộ vì môi trường, hay tham gia dọn dẹp vệ sinh địa bàn dân cư xung quanh các chi nhánh.

Nỗ lực vì cộng đồng của chúng tôi sẽ không dừng lại. Chúng tôi sẽ tiếp tục kiên định với cam kết vì cộng đồng, không chỉ thông qua việc tài trợ vật chất, mà còn thông qua sự tham gia trực tiếp của cán bộ nhân viên ngân hàng vào những hoạt động xã hội đầy ý nghĩa. Chúng tôi hiểu rằng, làm điều đúng với cái tâm thiện nguyện, chính là cách thức đúng đắn nhất trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội của mình.



The background features several large, abstract, three-dimensional red geometric shapes that resemble stylized, jagged mountain peaks or architectural structures. These shapes are rendered with a gradient from a deep red to a lighter, almost white glow at their bases, creating a sense of depth and light. They are positioned on the right side of the frame, extending towards the center.

Báo Cáo Thường Niên 2013

Những thể mạnh trọng tâm

Với thể mạnh vượt trội về cơ sở hạ tầng công nghệ và tinh thần liên tục sáng tạo đổi mới, chúng tôi đang nỗ lực mỗi ngày mang lại cho khách hàng các sản phẩm dịch vụ đa dạng, tối ưu, cùng chất lượng dịch vụ vượt trội



Công nghệ và Vận hành

Xây dựng thể mạnh công nghệ, tạo sự đột phá cho việc phát triển các sản phẩm dịch vụ tối ưu



Tại Techcombank, chúng tôi luôn coi khách hàng là trọng tâm, nên chúng tôi không ngừng đầu tư, đổi mới công nghệ, cũng như thiết kế các giải pháp phù hợp theo nhu cầu của khách hàng.

Khối Công nghệ và Vận hành đã luôn đi đầu trong rất nhiều sáng kiến nhằm nâng cao sự tiện dụng cho khách hàng và hiệu quả hoạt động qua các kênh và quy trình sử dụng công nghệ tối ưu. Khả năng phục hồi và mở rộng của hạ tầng công nghệ đã được cải tiến đáng kể và đảm bảo các sản phẩm và dịch vụ ngày càng ổn định cho khách hàng.

Trong năm 2013, đã có trên 50 dự án công nghệ được khởi tạo. Những dự án quan trọng được triển khai bao gồm tự động hóa quy trình Thương mại, mua bán hàng hóa, quản lý Gắn kết bền lâu, đổi chiều Dữ liệu Vận hành và nâng cấp Hệ thống Chăm sóc Khách hàng Tự động.

Bên cạnh đó, Khối cũng triển khai hàng loạt biện pháp an ninh thông tin để đảm bảo tính bảo mật và toàn vẹn thông tin khách hàng. Ngân hàng trong năm qua đã nhận được Chứng chỉ Tuân thủ PCI-DSS, là một bộ các quy định, thủ tục được công nhận rộng rãi trên thế giới dùng cho việc tối

ưu tính bảo mật của các giao dịch thẻ tín dụng, ghi nợ, tiền mặt và bảo vệ thông tin người dùng thẻ khỏi không bị sử dụng sai mục đích. Ngoài ra, Khối cũng đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng khác như Mật khẩu xác thực một lần qua tin nhắn cho hệ thống Ngân hàng Trực tuyến và nâng cao biện pháp an ninh (Verify by Visa) cho các giao dịch Visa trực tuyến. Khối đã hoàn thành chuẩn hóa, tối ưu hóa hệ thống ngăn chặn tấn công từ bên ngoài và tăng cường an ninh dữ liệu. Hệ thống bao gồm giải pháp mã hóa thư điện tử, máy tính xách tay.

Bên cạnh đó, Khối cũng đã củng cố lại chức năng Quản trị Rủi ro thông qua hệ thống Đánh giá Rủi ro Tín dụng, Phân loại nợ và Quản lý nợ. Hệ thống Điều chuyển vốn & Quản lý tài sản Nợ có được triển khai với các công cụ phân tích hiện đại giúp nâng cao việc quản lý Rủi ro Thanh khoản & Rủi ro Lãi suất, lập kế hoạch ngân sách vốn & Chương trình khuyến mại; Phân tích chênh lệch lãi suất và thanh khoản hàng ngày để tối ưu hóa sử dụng vốn. Các hệ thống dữ liệu dự phòng cho hệ thống quan trọng được kiểm thử để đảm bảo hệ thống dự phòng luôn sẵn sàng trong trường hợp hệ thống chính bị dừng bất ngờ.



Tại Techcombank, công nghệ được xem là chìa khoá tạo nên các tiện ích khác biệt mang lại lợi thế cạnh tranh vượt trội trên thị trường cho các sản phẩm dịch vụ

Kiến trúc rời rạc, tích hợp điểm tới điểm, nhiều phần mềm lớp giữa và các tiêu chuẩn công nghệ chồng chéo đã được thay thế bằng Kiến trúc định hướng dịch vụ, trực tích hợp dịch vụ và các tiêu chuẩn dịch vụ kinh doanh rõ ràng. Hệ thống kiến trúc mới có thể giúp Ngân hàng tận dụng, tối ưu hóa phát triển, chi phí bảo trì và thời gian đưa sản phẩm và dịch vụ mới vào thị trường. Tài nguyên hạ tầng được ảo hóa làm tăng tính tận dụng lên trung bình khoảng 65%.

Hệ thống HRM được triển khai để quản lý nguồn nhân lực, một trong những tài sản quý của doanh nghiệp. Các chức năng bao gồm cập nhật hồ sơ nhân viên, tuyển dụng nhân tài, đào tạo và quản lý trợ cấp, phúc lợi.

Trong năm qua, Khối cũng nâng cao năng lực của nhân viên, củng cố các chức năng chiến lược của Khối (Quản lý Kiến trúc, Dự án, Phân tích và tư vấn nghiệp vụ) và xây dựng tiêu chuẩn chức năng quản trị công nghệ (Quản lý danh mục dự án IT, quản lý chất lượng, an ninh thông tin, kiểm soát đầu tư IT). Tất cả những việc này được thực hiện để đảm bảo các đầu tư của Khối được sử dụng thận trọng và đúng cách, cũng như tăng giá trị

đầu tư và tối đa hóa doanh thu qua chiến lược kinh doanh.

Năm tới, chúng ta sẽ tiếp tục chặng đường mang lại những sản phẩm, dịch vụ khác biệt, khám phá đường hướng mới trong thương mại di động, Marketing và thanh toán qua mạng xã hội, tài trợ chuỗi cung ứng và Ngân hàng trực tuyến thế hệ mới.

Hệ thống Data Ware House và Data Mart chuyên dụng thế hệ tiếp theo sẽ giúp nâng cao năng lực kinh doanh và am hiểu khách hàng. Trong khi sáng kiến về phân tích lợi nhuận và phân bổ chi phí sẽ được áp dụng nhằm cung cấp cái nhìn rõ hơn về sản phẩm, kênh và phân hạng khách hàng để định hướng chi phí và các lĩnh vực đi đầu về doanh thu.

Năng lực Cho vay doanh nghiệp và Quản lý Rủi ro tín dụng sẽ được nâng cao hơn nữa thông qua các mô đun Quản lý danh mục, hạn mức và kỳ quỹ. Mô đun Quản lý nợ sẽ được phát triển để cải tiến quy trình thu hồi nợ. Tương tự, Quản trị Rủi ro Vận hành sẽ được đẩy mạnh do quy trình KRI & KCSEA đã tự động hóa qua hệ thống ORM.

Khối cũng đã hoàn thành ảo hóa máy chủ và kho lưu trữ và sẽ tiếp tục xây dựng mô hình đám mây riêng cho Techcombank về Cơ sở dữ liệu, server farm web và ứng dụng. Hệ thống Standardization & Consolidation có thể giúp ngân hàng giảm thiểu chi phí hoạt động và bảo trì, bảo dưỡng trong khi hạ tầng đám mây sẽ hỗ trợ những yêu cầu mới một cách kịp thời hơn.

Thay đổi quan niệm từ “Xây dựng để duy trì” sang “Xây dựng để đột phá” sẽ tạo ra một bước chuyển mình trong phát triển ứng dụng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng và hướng tới hoàn thành công việc trước hạn. Việc này có thể thực hiện thông qua nền tảng Quản lý Quy trình nghiệp vụ (BMP) & Kiểm soát hoạt động kinh doanh (BAM). BPM có thể hỗ trợ dịch nhanh và tự động hóa thay đổi yêu cầu nghiệp vụ vào quy trình nghiệp vụ và BAM hỗ trợ theo dõi thời gian xử lý hoạt động kinh doanh trên hệ thống.

Khối sẽ phát triển theo đúng chiến lược với nghiệp vụ để tạo nên một nghiệp vụ ngân hàng tốt nhất và tiện lợi chạy bằng công nghệ tiên tiến và hiện đại.



Dịch Vụ Ngân Hàng Ưu Tiên

Chúng tôi tự hào là một trong những ngân hàng đầu tiên giới thiệu công cụ tư vấn và hoạch định tài chính cho khách hàng

Trong giai đoạn gần đây, ngành ngân hàng chứng kiến sự tăng trưởng ổn định trong phân khúc khách hàng giàu có. Theo đó, trong năm 2013, Dịch vụ Ngân hàng Ưu tiên của Techcombank đã ngày càng củng cố vị thế của mình trên thị trường với việc tăng trưởng 35% về số lượng so với năm 2012. Tính đến nay, Dịch vụ Ngân hàng Ưu tiên đã đạt được cơ sở bền vững về số lượng cũng như chất lượng khách hàng. Số lượng khách hàng ưu tiên chấp nhận và sử dụng các sản phẩm khác nhau của Techcombank luôn tăng trưởng, đặc biệt là tỷ lệ khách hàng sử dụng thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ quốc tế.

Xu hướng giảm lãi suất tác động mạnh mẽ tới việc lựa chọn những hình thức đầu tư thay thế của khách hàng. Theo đó, Dịch vụ Ngân hàng Ưu tiên của Techcombank đã tạo cơ hội cho khách hàng phát triển danh mục đầu tư bằng các sản phẩm đầu tư được thiết kế chuyên biệt. Tại thời điểm này, Dịch vụ Ngân hàng Ưu tiên tập trung và phát triển cơ sở khách hàng sẵn có và đã đạt được tỷ lệ sử dụng sản phẩm khá cao. Bên cạnh đó, nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng, chúng tôi đã mở rộng mạng lưới phục vụ và đội ngũ Chuyên viên Quan hệ Khách hàng Ưu tiên với 140 cán bộ tận tâm, chuyên nghiệp và được đào tạo chuyên sâu.



Thành tựu nổi bật năm 2013

- Số dư huy động tăng 10% với tỷ lệ đóng góp vào lợi nhuận cao hơn từ phân khúc khách hàng ưu tiên.
- Tính đến tháng 12 năm 2013, tổng số lượng thẻ tín dụng tăng 45% từ 9.764 lên 17.191 thẻ.
- Giá trị định vị khách hàng được gia tăng: 1.290 khách hàng Ưu tiên đã được trải nghiệm các sản phẩm Đầu tư và Bảo hiểm nhiều tiện ích.
- Tỷ lệ khách hàng sử dụng tài khoản thanh toán cao hơn, số dư tài khoản thanh toán tăng 118% so với năm 2012.
- Nhờ vào việc cải tiến và phát triển sản phẩm, Dịch vụ Ngân hàng Ưu tiên tự hào là một trong những ngân hàng đầu tiên giới thiệu công cụ tư vấn và hoạch định tài chính cho khách hàng.

Định hướng năm 2014

Dịch vụ Ngân hàng Ưu tiên kỳ vọng tăng tỷ lệ khách hàng sử dụng sản phẩm và thu nhập từ phí qua việc đa dạng hóa và mở rộng các sản phẩm đầu tư.

Năm 2014, chúng tôi tiếp tục củng cố cải thiện việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ của mình bằng việc trang bị đồng bộ cho toàn bộ lực lượng Chuyên viên Quan hệ Khách hàng Ưu tiên các máy tính bảng được cài đặt phần mềm hỗ trợ tổng hợp các quyền lợi của hội viên Dịch vụ Ngân hàng Ưu tiên, công cụ quản lý thông tin khách hàng và công cụ phân tích nhu cầu tài chính điện tử. Hơn thế nữa, chúng tôi sẽ tiến hành tăng cường đào tạo nâng cao kiến thức và kỹ năng cho đội ngũ bán hàng nhằm thực hiện cam kết đem đến cho khách hàng ưu tiên một dịch vụ xứng tầm.

Số dư huy động tăng

10%

Số lượng thẻ tín dụng tăng

45%

Số dư tài khoản thanh toán tăng

118%



Dịch Vụ Ngân Hàng Trực Tuyến

Techcombank là ngân hàng đầu tiên triển khai dịch vụ chuyển tiền tới thuê bao di động qua Ngân hàng trực tuyến và nhận tiền tại ATM không cần dùng thẻ

Hiểu rõ vai trò của đầu tư phát triển kênh giao dịch điện tử là yếu tố quan trọng quyết định thành bại chiến lược phát triển bền vững, Techcombank đã liên tục đầu tư cho công nghệ từ năm 1995. Dám chấp nhận đầu tư dài hạn với nguồn vốn đầu tư không hề nhỏ đã giúp chúng tôi luôn là ngân hàng dẫn đầu về công nghệ và mang đến cho khách hàng ứng dụng đầy đủ và tiện ích nhất.

Hầu hết các dịch vụ ngân hàng đều có thể thực hiện trên ngân hàng điện tử của Techcombank: Chuyển khoản; Gửi tiết kiệm với sản phẩm đa dạng; Thanh toán hoá đơn tự động gồm hoá đơn điện lực, điện thoại, viễn thông, bảo hiểm, nợ thẻ tín dụng...; Mua sắm trực tuyến, Quản lý tài chính cá nhân trực tuyến thuận tiện. Những ứng dụng trong từng nhóm dịch vụ này đa dạng và thiết thực với nhu cầu giao dịch hàng ngày của khách hàng. Như, với nhóm dịch vụ chuyển khoản, ngoài hai hình thức chuyển khoản tới số tài khoản và chuyển tiền tới số thẻ, Techcombank là ngân hàng đầu tiên triển khai chuyển tiền tới thuê bao di động – nhận tiền tại ATM không cần dùng thẻ.

Techcombank luôn chú trọng vấn đề bảo mật cho khách hàng. Năm 2013, Techcombank triển khai thêm phương thức xác thực mật khẩu mới qua tin nhắn di động (SMS OTP) đối với dịch vụ ngân hàng điện tử.

Lộ trình phát triển kênh giao dịch điện tử được

xác định, mục tiêu đến năm 2016 số lượng giao dịch trên kênh điện tử (Internet Banking, Mobile Banking, Social Network) đạt 30% trên tổng số giao dịch tại quầy. Đây là một con số thách thức nhưng cũng là một con số hoàn toàn có thể thực hiện được với tinh thần quyết tâm của ban lãnh đạo cũng như đội ngũ cán bộ nhân viên Techcombank.

Thành tựu nổi bật trong năm 2013

- Thu nhập phí đến từ kênh điện tử tăng trưởng hơn 100% so với 2012
- Số lượng khách hàng sử dụng sản phẩm ngân hàng điện tử tăng 39%
- Số lượng giao dịch trên kênh điện tử đạt 2,7 triệu giao dịch, chiếm 10% tổng số giao dịch trên (so sánh với lượng giao dịch tại quầy)
- Đưa công nghệ SMS OTP vào khai thác, để thuận tiện cho việc bán hàng cũng như đáp ứng nhu cầu sử dụng của phần đa khách hàng, tuy nhiên vẫn đảm bảo tính an toàn trong giao dịch.
- Mở rộng kết nối với các công ty cung cấp dịch vụ điện và điện thoại trên toàn quốc để đáp ứng nhu cầu thanh toán của toàn bộ khách hàng.
- Kết nối với 05 cổng thanh toán với 300 website cho phép khách hàng có thể mua sắm hàng hóa online, thuận tiện, mọi nơi mọi lúc.
- Đạt giải thưởng thương mại điện tử eAsia Award do Hội đồng Châu Á- Thái Bình Dương về thuận lợi hóa thương mại & kinh doanh điện tử (AF-ACT) trao tặng vào tháng 11/2013.

Mục tiêu chính trong năm 2014

Từng bước tiến tới đặt vào tay khách hàng một ngân hàng thu nhỏ đáp ứng nhu cầu của mọi khách hàng thông qua dự án phát triển sản phẩm ngân hàng điện tử hoàn thiện về chất lượng và chương trình truyền thông khuyến mãi thu hút khách hàng trải nghiệm dịch vụ:

- Hoàn thành mục tiêu số lượng giao dịch trên kênh điện tử sẽ chiếm 15% so với tổng giao dịch toàn hệ thống, gián tiếp giúp đạt mục tiêu giảm chi phí hoạt động của ngân hàng.
- Phát triển dự án Mobile Banking và Social Network giúp khách hàng dễ dàng thuận tiện tiếp cận sản phẩm dịch vụ của ngân hàng.
- Mở rộng liên kết đối tác như điện lực, điện thoại, nước, trường học... với mục tiêu đáp ứng mọi nhu cầu thanh toán các dịch vụ thường ngày của khách hàng.

Số lượng khách hàng sử dụng sản phẩm ngân hàng điện tử tăng

39%

Thu nhập phí đến từ kênh điện tử tăng

100%

F@ST i-bank





Báo Cáo Thường Niên 2013

Đội ngũ quản trị vững mạnh

Đội ngũ quản trị giàu kinh nghiệm và cơ chế quản trị vững mạnh là nguyên tắc tối ưu để đảm bảo cho sự thành công của chúng tôi



Mô Hình Quản Trị Ngân Hàng

Quản trị ngân hàng là một trong những yếu tố cốt lõi cho thành công của Ngân hàng từ cách thức tổ chức và điều hành tới người dẫn dắt và mang lại các giá trị cho cổ đông, khách hàng và nhân viên.

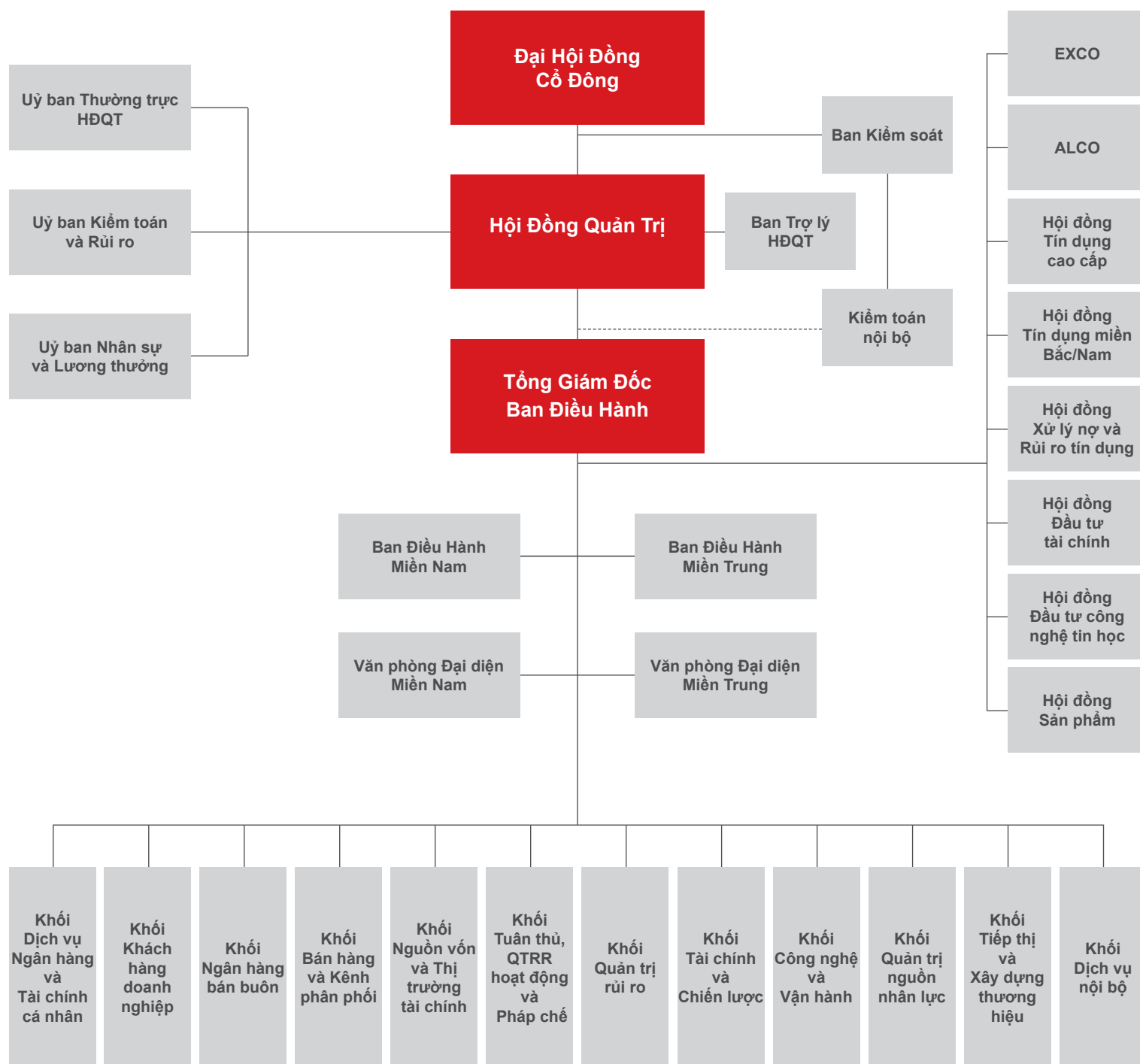
Chúng tôi tổ chức mô hình quản trị Ngân hàng dựa trên:

- Các bộ luật theo quy định của pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng và các quy định liên quan đến hoạt động của Ngân hàng
- Quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam cho các Tổ chức tín dụng Việt Nam
- Các quy chuẩn thông lệ Quốc tế và tư vấn từ đối tác chiến lược HSBC cũng như đội ngũ lãnh đạo ở nhiều lĩnh vực khác nhau thể hiện sự kết hợp giữa các chuyên gia ngân hàng trong nước và nước ngoài.

Hội đồng quản trị thừa ủy quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông cam kết thực hiện vai trò và trách nhiệm của mình trên cương vị đại diện cho ngân hàng Techcombank. Hội đồng Quản trị điều hành thông qua việc giám sát, rà soát và cung cấp các hướng dẫn trong quá trình thiết lập định hướng chiến lược.

Hội đồng Quản trị thành lập các **Ủy ban** nhằm thực hiện một cách có hiệu quả các nhiệm vụ được giao. Các Ủy ban được tổ chức nhằm nâng cao năng lực của Hội Đồng quản trị và phát triển chuyên môn đa dạng của lãnh đạo cao cấp trong Ngân hàng.

Trong năm 2013, chúng tôi tiếp tục tinh chỉnh phương thức làm việc của Ngân hàng vì chúng tôi tin tưởng rằng việc giải phóng tiềm năng và hiện thực hóa khát vọng của ngân hàng là vô cùng quan trọng. Chúng tôi thay đổi cơ cấu tổ chức theo cách chọn đúng người làm đúng việc và đạt được sự phối hợp và hiệu quả, tận dụng sự hiểu biết sâu sắc về văn hóa bản địa và thông lệ quốc tế. Cụ thể là, chúng tôi cùng cố các khối Kinh doanh (Dịch vụ Ngân hàng và Tài chính cá nhân, Khách hàng doanh nghiệp, Ngân hàng Bán buôn, Nguồn vốn và Thị trường tài chính), tập trung hóa việc quản lý các kênh phân phối, và tăng cường Quản trị rủi ro.



Mô hình quản trị ngân hàng



Hội Đồng Quản Trị

Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) là cơ quan quản trị Techcombank với các thành viên được bầu bởi đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền nhân danh Techcombank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Techcombank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông.

Thành viên

HĐQT bao gồm 8 thành viên trong đó có: chủ tịch HĐQT; phó chủ tịch thứ nhất và 2 phó chủ tịch. Toàn bộ thành viên HĐQT không phải là người điều hành. Chủ tịch và các phó chủ tịch HĐQT do các thành viên HĐQT bầu hoặc bãi miễn với đa số phiếu bằng thẻ thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 5 năm.



Ông Hồ Hùng Anh

Chủ tịch

Tốt nghiệp kỹ sư điện tử tại Liên Bang Nga, ông Hồ Hùng Anh tham gia quản trị Ngân hàng với các vị trí khác nhau trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng từ năm 2004. Ông là Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 05 năm 2008 tới nay.



Ông Nguyễn Đăng Quang

Phó Chủ tịch thứ nhất

Tốt nghiệp Tiến sỹ kỹ thuật về vật lý hạt nhân và trình độ sau đại học về Quản trị Tài chính tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Đăng Quang tham gia điều hành và quản trị Ngân hàng với các vị trí khác nhau từ năm 1995. Ông là Phó chủ tịch thứ nhất HĐQT Techcombank từ tháng 5 năm 2008 tới nay.



Ông Nguyễn Thiệu Quang

Phó Chủ tịch HĐQT

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Thiệu Quang tham gia quản trị Ngân hàng tại các vị trí khác nhau trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng từ năm 1999. Ông là Phó chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 5 năm 2008 tới nay.



Ông Nguyễn Cảnh Sơn

Phó Chủ tịch HĐQT

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Cảnh Sơn là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 5 năm 2008 tới tháng 03 năm 2009. Từ tháng 4 năm 2009 tới nay ông là Phó chủ tịch HĐQT Techcombank.



Ông Stephen Charles Banner

Thành viên

Tốt nghiệp cử nhân Quản trị kinh doanh của trường Đại học Sheffield, Vương Quốc Anh và Cao học của Học Viện Ngân Hàng, Vương Quốc Anh, ông Stephen Charles Banner có nhiều năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính ngân hàng ở nhiều nước tại Ngân hàng HSBC. Từ tháng 4 năm 2011 đến nay, ông Stephen Charles Banner là thành viên HĐQT Techcombank.



Ông Timothy Mark Francis Kennedy

Thành viên

Tốt nghiệp Cử nhân lịch sử Trường Đại học Tổng hợp Bristol, ông Timothy Mark Francis Kennedy có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và là cán bộ đảm nhận nhiều vị trí quản lý quan trọng tại Ngân hàng HSBC. Từ tháng 4 năm 2012 ông Timothy Mark Francis Kennedy là thành viên HĐQT Techcombank.



Ông Đỗ Tuấn Anh

Thành viên

Tốt nghiệp Thạc sỹ Quản lý tài sản đầu tư tại Đại học tổng hợp Quản lý Singapore và cử nhân Ngoại ngữ - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Ông Đỗ Tuấn Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Techcombank và các tổ chức, doanh nghiệp khác. Ông Đỗ Tuấn Anh là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 12 năm 2012, và kiêm Quyền Tổng Giám đốc Techcombank từ tháng 08 năm 2013 đến nay.



Ông Lee Boon Huat

Thành viên độc lập

Tốt nghiệp Cử nhân kinh doanh (ngành kế toán) tại Viện Công nghệ Tây Australia (nay là Đại học Curtin), ông Lee Boon Huat đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ủy ban tiền tệ Singapore và các tổ chức tài chính lớn như: Ngân hàng HSBC, Ngân hàng Thương mại Hoàng gia, Ngân hàng Hóa học, Ngân hàng Standard Chartered. Từ tháng 12 năm 2012 đến nay, ông Lee Boon Huat là thành viên HĐQT độc lập của Techcombank.



Ủy Ban Thường Trực Hội Đồng Quản Trị

Ủy ban thường trực Hội đồng quản trị (UBTT HĐQT) là cơ quan được Hội đồng quản trị thành lập để thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị.

Thành viên

Thành phần UBTT HĐQT gồm 7 thành viên: Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT và một số thành viên khác của UBTT HĐQT. Thông tin chi tiết về thành viên của Ủy ban Thường trực HĐQT như sau:



Ông Hồ Hùng Anh

Chủ tịch HĐQT

Tốt nghiệp Kỹ sư điện tử tại Liên Bang Nga, ông Hồ Hùng Anh tham gia quản trị Ngân hàng với các vị trí khác nhau trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng từ năm 2004. Ông là Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 05 năm 2008 tới nay.



Ông Nguyễn Đăng Quang

Phó Chủ tịch thứ nhất

Tốt nghiệp Tiến sỹ kỹ thuật về vật lý hạt nhân và trình độ sau đại học về Quản trị Tài chính tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Đăng Quang tham gia điều hành và quản trị Ngân hàng với các vị trí khác nhau từ năm 1995. Ông là Phó chủ tịch thứ nhất HĐQT Techcombank từ tháng 5 năm 2008 tới nay.



Ông Nguyễn Thiều Quang

Phó Chủ tịch thứ nhất

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Thiều Quang tham gia quản trị Ngân hàng tại các vị trí khác nhau trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng từ năm 1999. Ông là Phó chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 5 năm 2008 tới nay.



Ông Nguyễn Cảnh Sơn

Phó Chủ tịch HĐQT

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Cảnh Sơn là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 5 năm 2008 tới tháng 03 năm 2009. Từ tháng 4 năm 2009 tới nay ông là Phó chủ tịch HĐQT Techcombank.



Ông Stephen Charles Banner

Thành viên

Tốt nghiệp cử nhân Quản trị kinh doanh của trường Đại học Sheffield, Vương Quốc Anh và Cao học của Học Viện Ngân Hàng, Vương Quốc Anh, ông Stephen Charles Banner có nhiều năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính ngân hàng ở nhiều nước tại ngân hàng HSBC. Từ tháng 4 năm 2011 đến nay, ông Stephen Charles Banner là thành viên HĐQT Techcombank.



Ông Đỗ Tuấn Anh

Thành viên

Tốt nghiệp Thạc sỹ Quản lý tài sản đầu tư tại Đại học tổng hợp Quản lý Singapore và cử nhân Ngoại ngữ - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Ông Đỗ Tuấn Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Techcombank và các tổ chức, doanh nghiệp khác. Ông Đỗ Tuấn Anh là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 12 năm 2012, và kiêm Quyền Tổng Giám đốc Techcombank từ tháng 08 năm 2013 đến nay.



Ông Lee Boon Huat

Thành viên

Tốt nghiệp Cử nhân kinh doanh (ngành kế toán) tại Viện Công nghệ Tây Australia (nay là Đại học Curtin), ông Lee Boon Huat đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ủy ban tiền tệ Singapore và các tổ chức tài chính lớn như: Ngân hàng HSBC, Ngân hàng Thương mại Hoàng gia, Ngân hàng Hỏa học, Ngân hàng Standard Chartered. Từ tháng 12 năm 2012 đến nay, ông Lee Boon Huat là thành viên HĐQT độc lập của Techcombank.



Ban Kiểm Soát

Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của Ngân hàng theo quy định pháp luật và Điều lệ ngân hàng.

Thành viên

Ban kiểm soát có 4 thành viên bao gồm cả Trưởng Ban kiểm soát, trong đó có một nửa số thành viên là thành viên chuyên trách. Thông tin chi tiết về thành viên của Ban kiểm soát như sau:



Ông Hoàng Huy Trung

Trưởng Ban Kiểm Soát

Tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành ngân hàng tại Trường Đại học kinh tế quốc dân và Cử nhân kinh tế chuyên ngành tài chính ngân hàng tại Học Viện Tài chính, ông Hoàng Huy Trung đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Techcombank. Từ tháng 12 năm 2012 đến nay, ông Hoàng Huy Trung là Trưởng Ban kiểm soát kiêm thành viên chuyên trách Techcombank.



Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes

Thành viên Ban Kiểm Soát

Tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Tài chính, ngân hàng và Tiếp thị - Đại học Klagenfurt, ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và đảm nhiệm các vị trí quản lý quan trọng tại các tổ chức tài chính, doanh nghiệp lớn. Từ tháng 4 năm 2012 đến nay, ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes là thành viên Ban kiểm soát Techcombank.



Bà Nguyễn Thu Hiền

Thành viên Ban Kiểm Soát

Tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tài chính Tín dụng tại Liên Bang Nga, Bà Nguyễn Thu Hiền tham gia hoạt động trong lĩnh vực kế toán và kiểm soát tại Ngân hàng từ năm 1999. Từ tháng 04 năm 2010 đến ngày 20 tháng 12 năm 2012, bà là Trưởng Ban Kiểm soát kiêm thành viên chuyên trách Techcombank. Kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2012 đến nay, bà là thành viên của Ban kiểm soát.



Bà Bùi Thị Hồng Mai

Thành viên Ban Kiểm Soát

Tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Kế toán. Bà Bùi Thị Hồng Mai có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán. Từ tháng 4 năm 2010 đến ngày 20 tháng 12 năm 2012, bà là thành viên chuyên trách Ban kiểm soát Techcombank. Từ ngày 21 tháng 12 năm 2012 đến nay, bà là thành viên Ban kiểm soát Techcombank.



Ủy Ban Nhân Sự và Lương Thưởng

Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng (NORCO) là cơ quan được Hội Đồng Quản Trị thành lập để thực thi một số chức năng, nhiệm vụ về nhân sự và lương thưởng do Hội Đồng Quản Trị phân công và/hoặc ủy quyền thực hiện.

Thành viên

Có 5 thành viên trong Ủy ban NORCO. Thông tin chi tiết về các thành viên NORCO như sau:



Ông Hồ Hùng Anh

Chủ tịch NORCO

Tốt nghiệp kỹ sư điện tử tại Liên Bang Nga, ông Hồ Hùng Anh tham gia quản trị Ngân hàng với các vị trí khác nhau trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng từ năm 2004. Ông là Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 05 năm 2008 tới nay.



Ông Stephen Charles Banner

Thành viên NORCO

Tốt nghiệp cử nhân Quản trị kinh doanh của trường Đại học Sheffield, Vương Quốc Anh và Cao học của Học Viện Ngân Hàng, Vương Quốc Anh, ông Stephen Charles Banner có nhiều năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính ngân hàng ở nhiều nước tại ngân hàng HSBC. Từ tháng 4 năm 2011 đến nay, ông Stephen Charles Banner là thành viên HĐQT Techcombank.



Ông Nguyễn Đăng Quang

Thành viên NORCO

Tốt nghiệp Tiến sỹ kỹ thuật về vật lý hạt nhân và trình độ sau đại học về Quản trị Tài chính tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Đăng Quang tham gia điều hành và quản trị Ngân hàng với các vị trí khác nhau từ năm 1995. Ông là Phó chủ tịch thứ nhất HĐQT Techcombank từ tháng 5 năm 2008 tới nay.



Ông Nguyễn Thiều Quang

Thành viên NORCO

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Thiều Quang tham gia quản trị Ngân hàng tại các vị trí khác nhau trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng từ năm 1999. Ông là Phó chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 5 năm 2008 tới nay.



Ông Đỗ Tuấn Anh

Thành viên NORCO

Tốt nghiệp Thạc sỹ Quản lý tài sản đầu tư tại Đại học tổng hợp Quản lý Singapore và cử nhân Ngoại ngữ - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Ông Đỗ Tuấn Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Techcombank và các tổ chức, doanh nghiệp khác. Ông Đỗ Tuấn Anh là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 12 năm 2012, và kiêm Quyền Tổng Giám đốc Techcombank từ tháng 08 năm 2013 đến nay.



Ủy Ban Kiểm Toán và Rủi Ro

Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro (ARCO) là cơ quan được Hội Đồng Quản Trị thiết lập nhằm thực thi một số chức năng, nhiệm vụ do Hội Đồng Quản Trị phân công và/hoặc ủy quyền thực hiện liên quan đến kiểm toán, kiểm tra giám sát và quản trị rủi ro của hoạt động ngân hàng.

Thành viên

Thành phần ARCO bao gồm 7 người. Thông tin chi tiết về các thành viên ARCO như sau:



Ông Hồ Hùng Anh

Chủ tịch ARCO

Tốt nghiệp kỹ sư điện tử tại Liên Bang Nga, ông Hồ Hùng Anh tham gia quản trị Ngân hàng với các vị trí khác nhau trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng từ năm 2004. Ông là Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 05 năm 2008 tới nay.



Bà Nguyễn Thị Thiên Hương

Thành viên ARCO

Tốt nghiệp cử nhân Khoa học, cử nhân Kinh tế, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, bà Nguyễn Thị Thiên Hương có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại Ngân hàng với các chức vụ khác nhau như: Phụ trách phòng Dự án & Đầu tư chứng khoán, Trưởng phòng Tín dụng Hội sở, Phó Tổng Giám đốc. Từ tháng 07 năm 2009 đến nay, bà là Thành viên Thường trực ARCO.



Ông Nguyễn Thiều Quang

Thành viên ARCO

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Thiều Quang tham gia quản trị Ngân hàng tại các vị trí khác nhau trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng từ năm 1999. Ông là Phó chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 5 năm 2008 tới nay.



Ông Nguyễn Đăng Quang

Thành viên ARCO

Tốt nghiệp Tiến sỹ kỹ thuật về vật lý hạt nhân và trình độ sau đại học về Quản trị Tài chính tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Đăng Quang tham gia điều hành và quản trị Ngân hàng với các vị trí khác nhau từ năm 1995. Ông là Phó chủ tịch thứ nhất HĐQT Techcombank từ tháng 5 năm 2008 tới nay.



Ông Stephen Charles Banner

Thành viên ARCO

Tốt nghiệp cử nhân Quản trị kinh doanh của trường Đại học Sheffield, Vương Quốc Anh và Cao học của Học Viện Ngân Hàng, Vương Quốc Anh, ông Stephen Charles Banner có nhiều năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính ngân hàng ở nhiều nước tại ngân hàng HSBC. Từ tháng 4 năm 2011 đến nay, ông Stephen Charles Banner là thành viên HĐQT Techcombank.



Ông Đỗ Tuấn Anh

Thành viên ARCO

Tốt nghiệp Thạc sỹ Quản lý tài sản đầu tư tại Đại học tổng hợp Quản lý Singapore và cử nhân Ngoại ngữ - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Ông Đỗ Tuấn Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Techcombank và các tổ chức, doanh nghiệp khác. Ông Đỗ Tuấn Anh là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 12 năm 2012, và kiêm Quyền Tổng Giám đốc Techcombank từ tháng 08 năm 2013 đến nay.



Ông Lee Boon Huat

Thành viên ARCO

Tốt nghiệp Cử nhân kinh doanh (ngành kế toán) tại Viện Công nghệ Tây Australia (nay là Đại học Curtin), ông Lee Boon Huat đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ủy ban tiền tệ Singapore và các tổ chức tài chính lớn như: Ngân hàng HSBC, Ngân hàng Thương mại Hoàng gia, Ngân hàng Hóa học, Ngân hàng Standard Chartered. Từ tháng 12 năm 2012 đến nay, ông Lee Boon Huat là thành viên HĐQT độc lập của Techcombank.



Ban Điều Hành

Ban Điều Hành chịu trách nhiệm thực hiện các kế hoạch phát triển của ngân hàng và báo cáo tình hình hoạt động, theo cơ chế trung thành với lợi ích của Techcombank.



Ông Đỗ Tuấn Anh

Quyền Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Tốt nghiệp Thạc sĩ Quản lý tài sản đầu tư tại Đại học tổng hợp Quản lý Singapore và cử nhân Ngoại ngữ - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Ông Đỗ Tuấn Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Techcombank và các tổ chức, doanh nghiệp khác. Ông Đỗ Tuấn Anh là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 12 năm 2012, và kiêm Quyền Tổng Giám đốc Techcombank từ tháng 08 năm 2013 đến nay.



Ông Murat Yuldashev

Giám đốc Điều hành

Tốt nghiệp Thạc sĩ Vật lý tại Al-Farabi, Đại học Quốc gia Almaty Kazakh, ông Murat đã nghiên cứu khoa học tại Học viện Khoa học Kazakhstan hơn 10 năm trước khi chuyển hướng sự nghiệp sang đầu tư chứng khoán và ngân hàng. Sau khi hoàn thành Chương trình Quản lý Tài chính và Thị trường Chứng khoán, ông đã giữ nhiều vị trí quản lý trong các công ty đầu tư và ngân hàng lớn tại Kazakhstan, các nước CIS và Thổ Nhĩ Kỳ. Kinh nghiệm chính của ông là ngân hàng bán lẻ. Ông gia nhập Techcombank từ tháng 08 năm 2013 đến nay với vị trí Giám đốc Điều hành.



Ông Vikesh Mirani

Giám đốc Tài chính Tập đoàn

Tốt nghiệp cử nhân Thương Mại (Hạng ưu) Đại học Maharishi Dayanand Saraswati tại Ấn Độ, đang sở hữu các bằng chứng nhận Kế toán viên cao cấp của Học viện kế toán chuyên nghiệp Ấn Độ và một số chứng chỉ quốc tế khác như Học viên ưu tú của Khóa "Tin học ứng dụng" và "Lãnh đạo doanh nghiệp cao cấp". Ông đã có hơn 19 năm kinh nghiệm và từng giữ nhiều vị trí quản lý tại các ngân hàng lớn như: Emirates NBD, Emirates Bank International, HSBC, Standard Chartered Bank và ABN AMRO. Ông gia nhập Techcombank với vị trí Giám đốc Tài chính Tập đoàn từ tháng 11 năm 2012 đến nay.



Ông Nguyễn Cảnh Vinh

Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối

Tốt nghiệp Đại học Xây dựng, Đại học Kinh tế Quốc dân, Thạc sĩ Đại học Latrobe và từng giữ vị trí Giám đốc Trung tâm Giao dịch Hội sở Techcombank, Giám đốc Kinh doanh Vùng 1, ông được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối từ tháng 1 năm 2011 đến nay.



Ông Phạm Quang Thắng

Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng kiêm GD Khối Tuân thủ, Quản trị rủi ro hoạt động và Pháp chế

Tốt nghiệp Thạc sĩ tại Trường Đại học công nghệ Swinburne, Ông từng giữ vị trí Kế toán trưởng Ngân hàng Techcombank; Giám đốc Trung tâm quản lý nguồn vốn; Phó Tổng giám đốc phụ trách Kế toán tài chính, Kế hoạch và chiến lược; Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp; Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng. Ông được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Khối Tuân thủ, Quản trị rủi ro hoạt động và Pháp chế từ tháng 01 năm 2014 đến nay.



Ông Phan Thanh Sơn

Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính

Tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và từng giữ nhiều vị trí quản lý Thị trường Thế giới tại Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam, Citibank Việt Nam, Citigroup Global Markets Ltd Hongkong. Ông từng là Phó Tổng giám đốc Ngân hàng Tiên Phong trước khi gia nhập Techcombank với vị trí Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính từ tháng 1 năm 2011 đến nay.



Ông Phùng Quang Hưng

Giám đốc Khối Công nghệ và Vận hành

Ông Hưng tốt nghiệp ngành Công nghệ Thông tin tại Đại học Bách Khoa Hà Nội năm 1995 và bằng MBA Kinh tế quốc tế của Đại học Washington State, Hoa Kỳ năm 2001. Trong 18 năm làm việc, ông từng giữ nhiều vị trí khác nhau ở nhiều ngân hàng quốc tế như Giám đốc Vận Hành và Công nghệ tại Ngân hàng ABN AMRO Việt Nam; Business partner tại Ngân hàng National Australia London và được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ Techcombank từ tháng 9 năm 2010 đến nay.



Ông Anil Kumar Parimoo

Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro

Tốt nghiệp Cử nhân Khoa học tại trường Đại học Kashmir, sở hữu nhiều bằng chứng nhận như Bank Indonesia Risk Management cấp bởi GARP, Associateship từ Indian Institution of Banking and Finance, ông có 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và làm việc ở nhiều ngân hàng lớn như State Bank of India, ABN AMRO, Bank Danamon. Ông được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro từ tháng 06 năm 2012 đến nay.



Bà Đặng Tuyết Dung

Giám đốc Khối Ngân hàng Bán buôn

Tốt nghiệp Đại học Sư phạm ngoại ngữ và Đại học Kinh tế Quốc dân, khoa Tài chính Ngân hàng, từng giữ vị trí Giám đốc phát triển sản phẩm Quản lý dòng tiền và Thanh toán quốc tế tại Citi bank Việt Nam, Bà Đặng Tuyết Dung gia nhập Techcombank từ tháng 6 năm 2009 và được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Tài chính Cá nhân từ tháng 2 năm 2010, và Giám đốc Khối Ngân hàng bán buôn từ tháng 7 năm 2013 đến nay.



Ông Sagyndyk Kussainov

Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Tài chính Cá nhân

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Xây dựng quốc gia Kazakhstan và Đại học Tổng hợp Kinh tế Quốc gia Kazakhstan, Ông có 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng đặc biệt là trong lĩnh vực bán lẻ tại Kazakhstan, Nga, Ukraine, Belarus, Georgia, and Armenia, từng giữ vị trí Chủ tịch BTA Ipoteka và Giám đốc Kinh doanh bán lẻ tại ngân hàng BTA. Thành viên danh dự của Hiệp hội Bất động sản Mát xơ va. Ông được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Tài chính Cá nhân từ tháng 09 năm 2013 đến nay.



Ông Nguyễn Quốc Nam

Giám đốc Khối Quản trị nguồn nhân lực

Tốt nghiệp cử nhân kinh tế Trường đại học Kinh tế HCM và cử nhân luật trường đại học Luật HCM, ông có 19 năm làm việc trong lĩnh vực Quản trị Nguồn nhân lực, Tái cấu trúc tổ chức, Phát triển và điều phối dự án cộng đồng, Đào tạo và phát triển Nguồn nhân lực tài năng cho doanh nghiệp. Ông Nam đã từng đảm nhiệm những vị trí quản lý cao cấp như: Giám đốc nhân sự toàn quốc của Cargill, Giám đốc nhân sự của Kimberly Clark, Phó tổng giám đốc phụ trách các vấn đề Nhân sự của Tập đoàn Kinh Đô và Tổng giám đốc công ty Quản trị Nguồn Nhân lực M-Talent. Ông được bổ nhiệm là Giám đốc Khối Quản trị nguồn nhân lực tại Techcombank từ tháng 10 năm 2013 đến nay.



Ông Nguyễn Đăng Thanh

Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp

Tốt nghiệp cử nhân Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, ông từng giữ nhiều vị trí quản lý trong 13 năm làm việc tại ngân hàng Sacombank như Giám đốc Marketing, Giám đốc Nhân sự, Phó giám đốc Chi nhánh Sài Gòn, Trưởng phòng kế hoạch, Giám đốc Khối Điều hành, Giám đốc Trung tâm thẻ và Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh. Ông gia nhập Techcombank với vị trí Giám đốc Kinh doanh miền Nam từ tháng 05 năm 2012 và là Thường trực Ban điều hành miền Nam từ đó. Từ tháng 10 năm 2013 đến nay ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp.



Ông Lê Anh Quân

Giám đốc Khối Tiếp thị và Xây dựng thương hiệu

Tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh tại trường UCLA Anderson School of Management, University of California, ông Lê Anh Quân đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tiếp thị và nắm giữ nhiều vị trí quan trọng tại các tập đoàn lớn như DID TV, Unilever, Walt Disney. Gần đây, Ông đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng Marketing của Tập Đoàn Kinh Đô, chịu trách nhiệm về chiến lược thương hiệu và phát triển cơ hội kinh doanh mới. Từ tháng 10 năm 2013 đến nay ông được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Khối Tiếp thị và xây dựng thương hiệu Techcombank.

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (được gọi tắt là “Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Bản tuyên bố trách nhiệm của Ban Điều Hành

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành của Ngân hàng yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành của Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Thay mặt Ban Điều hành:



Đỗ Tuấn Anh

Phó Tổng Giám Đốc Phụ trách

Hà Nội ngày 22 tháng 3 năm 2014



Quản Trị Rủi Ro

Techcombank được coi là một trong những ngân hàng có hệ thống quản trị rủi ro tốt nhất Việt Nam. Với việc hợp tác chiến lược với HSBC và McKinsey, chúng tôi đã và đang tiếp tục xây dựng một chiến lược quản trị rủi ro mạnh mẽ, được đầu tư về trung và dài hạn.

Chiến lược Quản trị Rủi ro

Nhận thức vai trò thiết yếu của quản trị rủi ro đối với hoạt động của một ngân hàng thương mại, Techcombank xây dựng chiến lược quản trị rủi ro dựa trên các nguyên tắc sau: An toàn trong hoạt động cho vay; đa dạng danh mục cho vay; đơn giản, thuận tiện trong quy trình; Cam kết đầu tư vào phát triển con người và hệ thống; Các chính sách thận trọng được đầu tư về trung và dài hạn.

Nền tảng của chiến lược quản trị rủi ro của Techcombank là xây dựng một hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với yêu cầu phát triển kinh doanh kèm theo các hướng dẫn vận hành chi tiết. Chiến lược này được triển khai tương thích với mức độ rủi ro mà ngân hàng gặp phải, cho phép vừa phát triển kinh doanh vừa đảm bảo việc phòng ngừa, giảm thiểu và kiểm soát rủi ro. Chiến lược quản trị rủi ro sẽ gắn chặt với các hoạt động kinh doanh chủ chốt của ngân hàng và linh hoạt để thích ứng với những thay đổi của môi trường bên ngoài.

Để xây dựng được hệ thống quản trị rủi ro như vậy, Ngân hàng đã liên tục củng cố nền tảng của khung quản trị rủi ro bằng việc phát huy những thành tựu đạt được và phát triển cán bộ nòng cốt thông qua công tác đào tạo. Cùng với việc áp dụng những công cụ quản trị rủi ro và ứng dụng công nghệ mới nhất, công tác quản trị rủi ro sẽ được chúng tôi áp dụng trong mọi khía cạnh hoạt động ngân hàng.

Chiến lược quản trị rủi ro cơ bản của Techcombank là xây dựng một hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với yêu cầu phát triển kinh doanh dựa trên phương pháp “3 tuyến phòng thủ”

Thành tựu nổi bật trong năm 2013

Năm 2013, Techcombank đã thực hiện hàng loạt biện pháp để tăng cường kiểm soát quản trị rủi ro. Tuy nhiên, nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng liên tục phải đối mặt với nhiều thách thức, chất lượng danh mục của toàn ngành Ngân hàng tại Việt nam nói chung phải đối mặt với tỷ lệ nợ xấu tăng cao và Techcombank cũng không phải là ngoại lệ. Tuy nhiên, Ngân hàng tiếp tục giảm rủi ro cho bằng cân đối bằng mức trích lập dự phòng cao và bán tương đương hơn 2 nghìn tỷ đồng nợ xấu cho VAMC trong năm 2013. Techcombank Ngân hàng tiếp tục đặt trọng tâm vào công tác tăng cường chất lượng tín dụng, và các hoạt động giảm thiểu rủi ro để đảm bảo một bằng cân đối mạnh. Bên cạnh đó, rủi ro thanh khoản cũng đã được quản lý chặt chẽ trong suốt cả năm, và Techcombank duy trì được khả năng thanh khoản tốt. Rủi ro thị trường đã được quản lý tốt trong các giới hạn mà ngân hàng đặt ra thông qua việc sử dụng nhiều kỹ thuật định lượng như Giá trị hiện tại của một điểm phần trăm (PV01 và Giá trị chịu rủi ro - VaR).

Về rủi ro hoạt động, Ngân hàng không nảy sinh rủi ro bất ngờ đáng kể nào, số dư tín dụng được kiểm soát trong phạm vi khẩu vị rủi ro và biên độ chấp nhận rủi ro của ngân hàng. Tỷ lệ an toàn vốn của ngân hàng là 14,03%, cao hơn nhiều so với mức qui định của Ngân hàng Nhà nước 9%. Những thành công trên đây chúng tôi có được là nhờ việc liên tục phát triển và cải thiện các chính sách và quy trình quản trị rủi ro.

Bằng việc rà soát và liên tục cải tiến chiến lược, Ngân hàng sẽ tiếp tục đầu tư đào tạo cán bộ nòng cốt, quy trình và hệ thống quản trị rủi ro trong suốt cả năm 2014. Với việc tăng cường vai trò của Nhóm công tác về quản trị rủi ro và các Khung quản trị rủi ro hoạt động, Techcombank sẽ tiếp tục tăng cường quản trị doanh nghiệp và nâng cao tính minh bạch trong các hoạt động của ngân hàng. Chúng tôi đảm bảo tiếp tục đưa hệ thống quản trị rủi ro lên trình độ cao hơn thông qua việc duy trì các công cụ hiệu quả hiện tại (Ví dụ: Hệ thống quản lý Nợ và Có): Nghiên cứu, phát triển các lĩnh vực mới như hệ thống phân loại nợ nội bộ. Từ năm 2013, Techcombank đã tổ chức các khóa đào tạo/cấp chứng chỉ về cho vay thương mại “Omega” để nâng cao chuyên môn quản trị rủi ro của cán bộ quản trị rủi ro, đồng thời cải thiện Khung Khẩu vị Rủi ro nhằm đảm bảo thành công của các hoạt động kinh doanh phải được xem xét trong biên độ chấp nhận rủi ro của ngân hàng.

Trong điều kiện kinh doanh khó khăn của thị trường hiện tại, ngân hàng đã có quyết định phù hợp là tiếp tục tăng cường và phát triển Khung quản trị rủi ro và môi trường kiểm soát rủi ro của Ngân hàng, bằng việc đầu tư vào con người, quy trình và các hệ thống vận hành. Phối hợp với một số công ty tư vấn hàng đầu thế giới về công nghệ thông tin, tài chính và tư vấn kinh doanh, cùng với sự hỗ trợ của các đối tác chiến lược của mình, Techcombank đã triển khai một số sáng kiến chủ chốt sau:

Tăng cường Khung quản trị rủi ro

Trong năm 2013, Ngân hàng đã tăng cường Khung quản trị rủi ro bằng việc thành lập Nhóm công tác Quản trị rủi ro Kinh Doanh và Quản trị rủi ro Hoạt động (B/ORWG). Các Nhóm công tác này nhận diện, đánh giá và quản lý tất cả các rủi ro hoạt động, rủi ro phi tín dụng, rủi ro thị trường và nêu bật những kế hoạch hành động/khuyến nghị tới Nhóm công tác quản trị rủi ro - Một diễn đàn của ban điều hành cao cấp nhằm giám sát tổng hợp tất cả các loại rủi ro trong ngân hàng. Với đại diện tham gia từ tất cả các khối nhóm công tác về quản trị rủi ro là một phần quan trọng trong nguyên tắc “Ba tuyến phòng thủ” của Techcombank đã được đưa ra từ giữa năm 2012.

Cơ cấu Tổ chức mới của Khối quản trị rủi ro

Trong năm 2013, Ngân hàng đã triển khai và hoàn thành giai đoạn một của dự án Chuyển đổi Khối Quản trị Rủi ro nhằm tăng cường nền tảng của Khối. Bắt đầu từ tháng 1 năm 2014, cùng với việc sáp nhập bộ phận thẩm định và phê duyệt tín dụng, chức năng quản trị rủi ro sẽ song hành theo từng phân khúc kinh doanh:

- (1) Quản trị rủi ro Phân khúc Khách hàng doanh nghiệp lớn và Định chế tài chính phi ngân hàng
- (2) Quản trị rủi ro Phân khúc Khách hàng doanh nghiệp
- (3) Quản trị rủi ro hoạt động kinh doanh Nguồn vốn, Ngân hàng đầu tư và Định chế tài chính
- (4) Quản trị rủi ro Bán lẻ

Mỗi bộ phận Quản trị rủi ro theo phân khúc kinh doanh sẽ chịu trách nhiệm xây dựng chính, thiết lập khẩu vị rủi ro cho phân khúc phụ trách, sản phẩm/quy trình, phê duyệt tín dụng, nhận diện rủi ro, Cảnh báo sớm và rà soát tín dụng và phối hợp với bộ phận thu nợ tập trung trong công tác xử lý nợ.

Cơ cấu này sẽ đem lại hiệu quả trong công tác quản trị rủi ro cũng như tạo ra các bộ phận quản trị rủi ro thống nhất và chuyên biệt cho từng phân khúc kinh doanh mục tiêu.



Tăng cường Khung Quản trị Rủi ro hoạt động

Dưới sự hỗ trợ của nhóm công tác Quản trị rủi ro, Ngân hàng đặt trọng tâm vào Khung Quản trị Rủi ro hoạt động, nhằm xây dựng một bộ phận chuyên trách về Rủi ro hoạt động tuân thủ nguyên tắc quản trị rủi ro của Ủy ban Basel.

Khung Khẩu vị rủi ro

Để phục vụ cho hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro (ARCO) và Nhóm công tác Quản trị rủi ro (RWG), Techcombank đã thiết kế một Khung Khẩu vị Rủi ro mới. Khung Khẩu vị Rủi ro này bao hàm cả các khía cạnh rủi ro tích cực và tiêu cực, hỗ trợ việc chấp nhận rủi ro một cách chọn lọc và hợp lý, đồng thời xác định các ngưỡng biên độ chịu rủi ro của Ngân hàng để làm phương tiện theo dõi rủi ro và ý thức được trách nhiệm quản trị rủi ro. Khung Khẩu vị Rủi ro sẽ phải phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Techcombank, trong những lĩnh vực như bảng cân đối dựa trên tiền gửi của khách hàng, quản lý vốn thận trọng, quản lý thanh khoản thận trọng, và mức rủi ro phải tương thích với lợi nhuận thu được.

Các hệ thống mới

Hệ thống mới đã được vào vận hành: Hệ thống giá điều chuyển vốn (FTP), hệ thống Quản lý nợ và có (ALM). Khi kết hợp với nhau, những công cụ này

sẽ tăng khả năng quản trị rủi ro thanh khoản và thị trường của Ngân hàng một cách đáng kể, đồng thời đảm bảo các thước đo về rủi ro và lợi nhuận được phản ánh một cách chính xác hơn trong từng đơn vị kinh doanh.

Văn hóa rủi ro

Mặc dù “Văn hóa rủi ro” là một khái niệm mới, nhưng Techcombank đã nỗ lực tiếp cận và xây dựng văn hóa nhận thức, chịu trách nhiệm và quản lý rủi ro tại tất cả các cấp và các đơn vị trong Ngân hàng từ năm 2013 thông qua các hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực để đảm bảo nguyên tắc “Ba tuyến phòng thủ rủi ro” liên tục được triển khai và mở rộng.

Tăng cường chính sách cho vay và kiểm soát

- Trong năm vừa qua, Ngân hàng cũng rà soát các chính sách cho vay, nhằm cải thiện công tác kiểm soát nội bộ. Tăng cường quản lý nợ, bao gồm việc nâng cấp các chính sách và quy trình về tài sản bảo đảm.

Trong năm 2013, Techcombank đã áp dụng quy định mới về phê duyệt tín dụng, giúp đơn giản hóa quy trình phê duyệt tín dụng đồng thời vẫn đảm bảo tất cả các hồ sơ tín dụng được đánh giá và phê duyệt bởi các cấp phê duyệt có đủ thẩm quyền.

- Đơn giản hóa quy trình và thủ tục: Techcombank đã nỗ lực đơn giản hóa các quy trình và thủ tục trong năm 2013, trong đó có các chính sách được thiết kế phù hợp cho từng phân khúc khách hàng.
- Trong năm 2013, Khẩu vị Rủi ro Tín dụng cho từng phân khúc kinh doanh cũng được thiết kế lại nhằm định hướng rõ ràng hơn về phương pháp lựa chọn khách hàng mục tiêu, các giới hạn rủi ro tín dụng nội bộ và các tiêu chuẩn quản trị rủi ro nội bộ.

Cải thiện trọng tâm rủi ro khách hàng

Trong năm 2013, Techcombank đã thực hiện chuyển đổi Khối Ngân hàng Bán buôn, theo đó có sự thay đổi lớn về **mô hình quản lý quan hệ khách hàng** nhằm cung cấp cho khách hàng mục tiêu giải pháp tài chính phù hợp.

Quản lý quan hệ khách hàng là giá trị then chốt mà Chuyên viên khách hàng của chúng tôi cần thực hiện. Khi mối quan hệ với khách hàng ngày càng phát triển, chiều sâu của mối quan hệ thể hiện ở việc Chuyên viên khách hàng hiểu khách hàng đến đâu và tối ưu hóa được cơ hội kinh doanh và rủi ro lợi nhuận từ mối quan hệ với khách hàng. Điều này giúp chuyên viên khách hàng có một nền tảng vững chắc hơn trong việc “Hiểu khách hàng” (KYC) giúp cho việc quản trị rủi ro tốt hơn.

Mô hình xếp hạng rủi ro tín dụng

Trong năm 2013, Ngân hàng cũng tiếp tục xây dựng và nâng cấp hệ thống chấm điểm và xếp hạng tín dụng nội bộ nhằm đánh giá khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp. Cụ thể, Techcombank đã thiết lập được phương pháp xác định xác suất vỡ nợ, nợ xấu, tổn thất ước tính, tổng dư nợ quá hạn và tổn thất ước tính do nợ quá hạn toàn Ngân hàng, phù hợp với trình độ, năng lực phân tích rủi ro của ngân hàng. Dựa trên hệ thống này, các chính sách tín dụng được xây dựng với kế hoạch quản lý phù hợp cho từng ngành và khách hàng.

Khối Quản trị rủi ro đã phối hợp với các khối/đơn vị liên quan nhằm triển khai hệ thống phần mềm do ngân hàng tự xây dựng để thu thập dữ liệu cho hệ thống xếp hạng tín dụng của Ngân hàng trên toàn hệ thống. Hệ thống phần mềm này lần đầu tiên được đưa ra vào tháng 3 năm 2011 và chính thức triển khai vào tháng 9 năm 2013 sau nhiều tháng chạy thử thành công. Giai đoạn triển khai gần đây các mô hình xếp hạng đã được hoàn thiện, sẵn sàng áp dụng cho tất cả các khách hàng trong toàn hệ thống Techcombank. Những dữ liệu này sẽ giúp liên tục cải thiện quy trình và hệ thống xếp hạng tín dụng của Ngân hàng.

Các hoạt động thu hồi nợ

Trong năm 2013, hệ thống quản lý và thu hồi nợ đã được tập trung hoá với các chức năng, chính sách và quy trình rõ ràng. Techcombank đã quản lý và rà soát chất lượng tín dụng một cách hiệu quả thông qua hệ thống Cảnh báo sớm và cơ chế rà soát tín dụng, quản lý nợ có vấn đề. Các hoạt động thu nợ tập trung vào công tác kiểm soát, giảm thiểu rủi ro tiềm năng và tối đa hóa lợi nhuận. Danh mục nợ có vấn đề được định kỳ rà soát và tái cơ cấu hoặc áp dụng các giải pháp khác. Techcombank đã bán 2,069 tỷ đồng nợ cho VAMC trong quý 4 năm 2013.

Kiểm soát rủi ro

Ngoài việc tiếp tục áp dụng những công cụ như Giá trị chịu rủi ro (VaR) và Giá trị hiện tại của một điểm phần trăm (PV01), Ngân hàng cũng đã đưa ra các hạn mức, theo dõi thanh toán và trước

thanh toán, để đảm bảo kiểm soát chặt chẽ hơn các hoạt động Nguồn vốn và đầu tư.

Quản lý những yếu tố bất ngờ

Một nội dung trong chương trình quản trị rủi ro năm 2013, Techcombank tiếp tục xây dựng/tăng cường kế hoạch kinh doanh liên tục (BCP). Kế hoạch này bao gồm việc đào tạo cho một nhóm cán bộ để đảm bảo rằng Techcombank luôn sẵn sàng ứng phó trước các vấn đề xảy ra do những nguyên nhân khách quan hay thiên tai, như hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, dịch bệnh, và khủng bố. Ngân hàng cũng đã thiết lập các biện pháp ứng phó với các rủi ro vận hành khác, như việc gián đoạn nguồn cung cấp, sự cố hay lỗi của hệ thống máy tính. Techcombank đã tổ chức thành công một số buổi diễn tập sự kiện thảm họa trong năm 2013.

Các mục tiêu chính trong năm 2014

Mặc dù năm 2014 vẫn sẽ là một năm đầy khó khăn đối với nền kinh tế và ngành tài chính ngân hàng trong nước và toàn cầu, Ngân hàng vẫn có những đánh giá lạc quan về tương lai. Trong quá trình tìm hiểu về chiến lược tăng trưởng của ngân hàng tại một số thị trường nhất định, Techcombank đảm bảo rằng việc triển khai chiến lược này phải phù hợp với biên độ chịu rủi ro của Ngân hàng.

Các chủ đề chính trong chiến lược quản trị rủi ro của Ngân hàng sẽ bao gồm những vấn đề sau:

Khung quản trị rủi ro

Techcombank sẽ tiếp tục tăng cường Khung quản trị rủi ro trong năm 2014 thông qua việc tăng cường phạm vi hoạt động và hiệu quả của các diễn đàn về quản trị rủi ro bao gồm Nhóm công tác Quản trị rủi ro (RWG), và Khung quản trị rủi ro vận hành.

Tiếp tục xây dựng văn hóa rủi ro

Techcombank đã đạt được những tiến bộ khả quan trong việc thực hiện một Khung quản trị rủi ro mạnh. Một trong những nội dung của Chiến lược rủi ro năm 2014 là xây dựng văn hóa rủi ro, nhận thức và quản trị rủi ro sâu rộng hơn trên toàn ngân hàng thông qua các hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực để đảm bảo nguyên tắc “Ba tuyến phòng thủ”. Theo đó, tất cả các lĩnh vực hoạt động của ngân hàng, từ các khối kinh doanh đến các khối hỗ trợ và kiểm toán nội bộ cần phải đảm bảo sự hài hòa giữa công tác quản trị rủi ro với việc cung cấp dịch vụ chất lượng cao cho khách hàng, và tạo ra lợi nhuận trên cơ sở cân đối giữa rủi ro và lợi nhuận.



Cải tiến đối với quản trị danh mục và nhận diện rủi ro

Ngân hàng sẽ tiếp tục xây dựng và cải thiện công tác quản trị danh mục và nhận diện rủi ro. Các hoạt động dự định sẽ thực hiện là: Cải thiện Hệ thống cảnh báo sớm (EWS) nhằm đảm bảo rằng các vấn đề tín dụng tiềm tàng của khách hàng sẽ được nhận diện ở giai đoạn sớm nhất, nhờ đó Ngân hàng có thể cung cấp các giải pháp tốt hơn cho khách hàng; Xây dựng một Kho dữ liệu để cải thiện tính toàn vẹn và chất lượng thông tin, trong đó chủ chốt là thông tin tín dụng, là nền tảng để xây dựng các mô hình tín dụng và các kỹ thuật tiên tiến để theo dõi khoản vay.

Phân loại nợ và xây dựng mô hình tín dụng

Để đảm bảo việc thẩm định tín dụng phản ánh chính xác được xác suất mất khả năng trả nợ của đối tác, Ngân hàng sẽ tiếp tục phát triển hệ thống phân loại nợ và xếp hạng khách hàng, bao gồm việc xây dựng các mô hình tín dụng đối với từng phân khúc, và đánh giá chi tiết hơn khả năng tín dụng của từng khách hàng. Điều này sẽ tạo ra tiền đề cho những mô hình đánh giá tín dụng tiên tiến hơn, ví dụ như mô hình Xác suất mất khả năng thanh toán (PD), Tổn thất khi mất khả năng thanh toán (LGD) và Rủi ro khi mất khả năng thanh toán (EAD) để giúp cho Ngân hàng tuân thủ tốt những yêu cầu của Basel II.

Đầu tư vào cơ sở hạ tầng rủi ro

Techcombank sẽ tiếp tục đầu tư vào các công nghệ mới để hỗ trợ cho công tác quản trị rủi ro của mình. Hệ thống quản lý hạn mức tín dụng và tài sản bảo đảm mới sẽ được triển khai cuối năm 2014, nhằm tăng khả năng quản lý tài sản và tỷ lệ thu hồi nợ. Bước tiếp theo là hoàn thiện Hệ thống Khởi tạo Khoản vay cho khách hàng doanh nghiệp và Hệ thống Quản trị Danh mục nhằm tăng cường các hoạt động đo lường rủi ro tín dụng và xây dựng mô hình, nhằm xây dựng chính sách và sản phẩm, đưa ra quyết định phê duyệt tín dụng hiệu quả.

Tăng cường tập trung vào hoạt động Thu hồi và Quản lý nợ

Hoạt động Thu hồi và Quản lý nợ sẽ được tăng cường hơn nữa từ năm 2014, đặt trọng tâm vào

từng phân khúc/từng nhóm khách hàng với những chiến lược/công cụ/mô hình thu hồi nợ khác nhau và tăng cường khả năng thu hồi nợ.

Phát triển nguồn nhân lực

Một trong những giá trị cốt lõi của Ngân hàng là phát triển nguồn nhân lực, và đó cũng là trọng tâm trong công tác quản trị rủi ro của Ngân hàng. Trong suốt năm 2014, Techcombank sẽ tiếp tục đầu tư vào các cán bộ nhân viên của Khối Quản trị rủi ro, tìm kiếm những cơ hội để nâng cao năng lực cho các nhân tài trong các lĩnh vực có tiềm năng và có nhu cầu phát triển. Chúng tôi phối hợp với một số công ty đào tạo hàng đầu thế giới để tổ chức một chương trình đào tạo về quản trị rủi ro, và đầu tư vào việc phát triển sự nghiệp cho các cán bộ nòng cốt về quản trị rủi ro của Ngân hàng.

Khẩu vị rủi ro và Chiến lược rủi ro

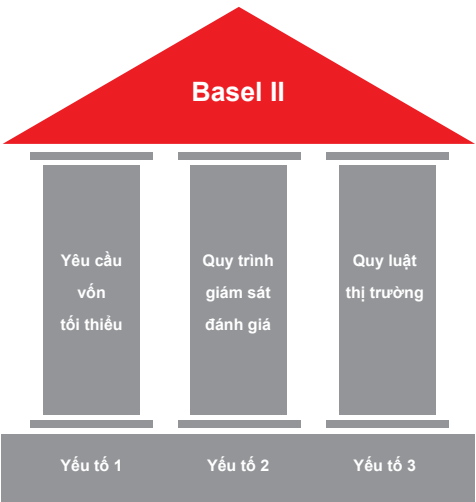
Trong năm 2014, Ngân hàng sẽ hoàn thiện loạt sáng kiến đầu tiên về Khung Khẩu vị rủi ro cho Ngân hàng tiếp nối các sáng kiến đã thực hiện trong năm 2013. Điều này sẽ đảm bảo sự hài hòa giữa Chiến lược rủi ro để hỗ trợ cho các hạn mức rủi ro đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt, khẩu vị rủi ro và các biên độ chịu đựng rủi ro, và các biên độ này có thể được theo dõi một cách sát sao thông qua Nhóm Công tác về Quản trị rủi ro, Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro để đảm bảo rằng chúng tôi luôn có cái nhìn tổng thể phù hợp đối với toàn bộ danh mục cũng như đối với vấn đề về quản trị, chính sách và các mô hình hoạt động. Khi Ngân hàng phát triển lên một trình độ cao hơn, với việc đo lường và theo dõi rủi ro chặt chẽ hơn, chúng tôi sẽ liên tục đưa ra những thước đo rủi ro tiên tiến trong các tuyên bố về Biên độ chịu đựng rủi ro và tuyên bố Khẩu vị rủi ro của mình.

Phát triển công tác quản trị rủi ro dài hạn

Trong quá trình phát triển các hệ thống quản trị rủi ro của mình, chúng tôi tiếp tục phát triển các nền tảng công nghệ, vai trò của các khối kinh doanh và các quy định nội bộ để phù hợp với các tiêu chuẩn của Basel II và các thông lệ quốc tế. Chúng tôi đã thành lập một nhóm dự án Basel II từ cuối năm 2012 để xây dựng lộ trình nhằm thực hiện thành công dự án này. Đây là mục tiêu đầy tham vọng

nhưng khả thi, và nằm trong khả năng của ngân hàng và Khối Quản trị rủi ro.

Việc triển khai các hệ thống FTP và ALM từ năm 2012, và kế hoạch thiết lập một hệ thống tính toán và báo cáo tín dụng, cùng với những nỗ lực quản trị rủi ro hoạt động sẽ giúp cho Ngân hàng có khả năng đáp ứng các yêu cầu về quản trị rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro hoạt động của Basel II, và trong tương lai là Basel III. Techcombank. Các giải pháp Quản trị Rủi ro Ngân hàng đang áp dụng hôm nay về bản chất đều hướng tới tương lai. Đây là một phần của văn hóa liên tục cải thiện rủi ro của Techcombank, các giải pháp Ngân hàng đang áp dụng hiện tại cũng sẽ đưa ra nền tảng cho một khung quản trị rủi ro năng động và phát triển cho tương lai.



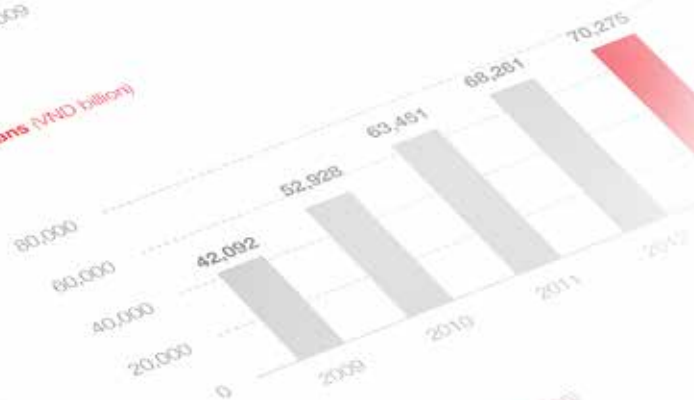


Financial Highlights

Customer Deposits (VND billion)



Total Loans (VND billion)



Total Operating Income (VND billion)





Báo Cáo Thường Niên 2013

Báo cáo tài chính

Tiếp tục chú trọng phát triển ổn định và bền vững với hệ thống quản lý và quản trị rủi ro vững chắc song song với việc nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, chúng tôi tin vào khả năng vươn lên mạnh mẽ của Ngân hàng trong tương lai

Báo cáo tài chính

Báo cáo kiểm toán độc lập	75
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	76
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	79
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	80
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	82

Kính gửi các Cổ đông

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Ngân hàng”) được lập ngày 22 tháng 3 năm 2014 và trình bày từ trang 6 đến trang 79, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống kế toán các tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thủy Dương

Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0893-2013-004-1



Võ Xuân Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0923-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2014

		Thuyết minh	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt và vàng	4	2.291.494	4.529.185
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”)	5	2.830.794	5.576.747
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	15.420.747	31.299.956
	1. Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		11.856.655	21.159.534
	2. Cho vay các tổ chức tín dụng khác		3.599.224	10.196.333
	3. Dự phòng cho vay các tổ chức tín dụng khác		(35.132)	(55.911)
IV	Chứng khoán kinh doanh	7	919.608	768.958
	1. Chứng khoán kinh doanh		921.035	800.370
	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.427)	(31.412)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	-	40.868
VI	Cho vay khách hàng		69.088.680	67.136.307
	1. Cho vay khách hàng	9	70.274.919	68.261.442
	2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(1.186.239)	(1.125.135)
VII	Chứng khoán đầu tư	11	49.845.591	46.654.293
	1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		46.169.754	43.895.517
	2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		3.693.837	3.092.452
	3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(18.000)	(333.676)
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	128.625	92.825
	4. Đầu tư dài hạn khác		128.625	92.825
IX	Tài sản cố định		1.032.737	1.146.424
	1. Tài sản cố định hữu hình	13	656.656	819.766
	a. Nguyên giá		1.234.437	1.271.647
	b. Giá trị hao mòn lũy kế		(577.781)	(451.881)
	2. Tài sản cố định vô hình	14	376.081	326.658
	a. Nguyên giá		552.644	444.629
	b. Giá trị hao mòn lũy kế		(176.563)	(117.971)
X	Bất động sản đầu tư	15	1.421.469	1.329.393
	a. Nguyên giá		1.484.363	1.354.461
	b. Giá trị hao mòn lũy kế		(62.894)	(25.068)
XI	Tài sản có khác	16	15.916.918	21.358.642
	1. Các khoản phải thu		10.345.060	15.173.649
	2. Các khoản lãi, phí phải thu		5.256.518	5.895.197
	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		28.578	34.765
	4. Tài sản có khác		337.896	297.964
	5. Dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác		(51.134)	(42.933)
TỔNG TÀI SẢN			158.896.663	179.933.598

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

		Thuyết minh	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
	NỢ PHẢI TRẢ			
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	17	15.224.974	39.170.405
1.	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		4.565.048	14.920.718
2.	Vay các tổ chức tín dụng khác		10.659.926	24.249.687
III	Tiền gửi của khách hàng	18	119.977.924	111.462.288
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và công nợ tài chính khác	8	73.157	-
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	19	64.137	127.953
VI	Phát hành giấy tờ có giá	20	5.643.295	10.450.843
VII	Các khoản nợ khác	21	3.993.107	5.432.533
1.	Các khoản lãi, phí phải trả		1.861.191	2.069.183
3.	Các khoản phải trả và công nợ khác		2.020.106	3.247.288
4.	Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng		111.810	116.062
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ			144.976.594	166.644.022
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ				
VIII	Vốn và các quỹ	22	13.920.069	13.289.576
1.	Vốn		8.878.079	8.848.079
a.	Vốn cổ phần		8.878.079	8.848.079
2.	Các quỹ		4.372.389	3.475.744
5.	Lợi nhuận chưa phân phối		669.601	965.753
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU			13.920.069	13.289.576
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			158.896.663	179.933.598

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

	Thuyết minh	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
I NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN	34		
1. Thư tín dụng		9.240.217	7.240.069
2. Cam kết bảo lãnh		11.338.315	7.426.416
II CAM KẾT KHÁC			
1. Cam kết cho vay chưa giải ngân		476	476
2. Các hợp đồng mua bán ngoại tệ chưa đến hạn		8.760.283	7.521.530

Người lập

Bùi Thị Khánh Vân
Quyền Kế toán Trưởng
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2014

Người duyệt

Cù Anh Tuấn
Giám đốc Kiểm soát Tài chính Tập đoàn



Đỗ Tuấn Anh
Phó Tổng Giám Đốc phụ trách

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B03/TCTD - HN

	Thuyết minh	2013 Triệu VNĐ	2012 Triệu VNĐ
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	13.281.305	17.622.864
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	23	(8.945.643)	(12.507.291)
I Thu nhập lãi thuần	23	4.335.662	5.115.573
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	24	1.150.038	1.051.286
4. Chi phí hoạt động dịch vụ	24	(413.795)	(485.883)
II Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	24	736.243	565.403
III Lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối và vàng	25	(121.501)	(138.863)
IV Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	26	105.137	2.701
V Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	160.910	(175.043)
5. Thu nhập từ hoạt động khác	28	738.646	617.848
6. Chi phí hoạt động khác	28	(324.514)	(256.233)
VI Lãi thuần từ hoạt động khác	28	414.132	361.615
VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	29	17.253	29.992
VIII Chi phí hoạt động	30	(3.355.666)	(3.294.041)
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		2.292.170	2.467.337
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	31	(1.413.964)	(1.449.481)
XI Tổng lợi nhuận trước thuế		878.206	1.017.856
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	(213.146)	(253.344)
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(5.989)	1.174
XII Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(219.135)	(252.170)
XIII Lợi nhuận sau thuế		659.071	765.686
XIV Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	33	600	700
XV Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu) (số trình bày lại)	33	600	700

Người lập

Bùi Thị Khánh Vân
Quyền Kế toán Trưởng
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2014

Người duyệt

Cù Anh Tuấn
Giám đốc Kiểm soát Tài chính Tập đoàn

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này



Đỗ Tuấn Anh
Phó Tổng Giám Đốc phụ trách

	Thuyết minh	2013 Triệu VNĐ	2012 Triệu VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		13.919.984	16.199.519
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(9.153.635)	(12.270.214)
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		736.243	565.403
4. Số tiền thực thu/(chi) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán		144.546	(124.347)
5. Thu nhập khác/(Chi phí khác)		(1.294.019)	153.288
6. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý bằng nguồn rủi ro	28	63.392	52.908
7. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(1.292.795)	(3.089.693)
8. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	32	(38.545)	(1.267.872)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động		3.085.171	218.992
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
9. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		13.288.145	(1.867.010)
10. Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh		(1.171.702)	2.515.498
11. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		40.868	13.404
12. Cho vay khách hàng		(2.013.477)	(5.964.183)
13. Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản cho vay khách hàng	10	(1.377.891)	(1.154.206)
14. Tài sản hoạt động khác		4.619.273	(3.533.051)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15. Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN		-	(3.317.602)
16. Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác		(23.945.431)	(8.962.338)
17. Tiền gửi của khách hàng		8.515.636	22.814.509
18. Phát hành giấy tờ có giá		(4.807.548)	(12.643.302)
19. Các khoản vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro		(63.816)	(124.445)
20. Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác		73.157	-
21. Các công nợ hoạt động khác		(1.317.119)	1.628.787
22. Chi từ các quỹ	22	(436)	(3.367)
I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		(5.075.170)	(10.378.314)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

	Thuyết minh	2013 Triệu VNĐ	2012 Triệu VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua sắm tài sản cố định		(202.299)	(1.743.677)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		677	431.276
4. Mua sắm bất động sản đầu tư		(129.902)	-
7. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(35.800)	(15.920)
9. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	29	17.253	29.992
II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(350.071)	(1.298.329)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
2. Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
3. Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
4. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	-
5. Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ		-	-
6. Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ		-	-
III LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		-	-
IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(5.425.241)	(11.676.643)
V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM		22.621.969	34.298.612
VII TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM	35	17.196.728	22.621.969

Người lập

Bùi Thị Khánh Vân
Quyền Kế toán Trưởng
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2014

Người duyệt

Cù Anh Tuấn
Giám đốc Kiểm soát Tài chính Tập đoàn

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này



Đỗ Tuấn Anh
Phó Tổng Giám Đốc phụ trách

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. THÔNG TIN CHUNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Techcombank”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0040/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 6 tháng 8 năm 1993 và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 055697 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 7 tháng 9 năm 1993. Thời gian hoạt động của Ngân hàng được gia hạn thành 99 năm theo Quyết định số 330/QĐ-NH5 do NHNNVN cấp ngày 8 tháng 10 năm 1997.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng ngắn, trung và dài hạn dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn cổ phần của Ngân hàng là 8.878.079 triệu Đồng. Ngân hàng đã phát hành 887.807.871 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá của một cổ phiếu là 10.000 Đồng.

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, hai (2) văn phòng đại diện, ba trăm mười lăm (315) điểm giao dịch trên cả nước và ba (3) công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Techcombank và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”).

Tai ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ngân hàng có ba (3) công ty con như sau:

Các công ty con	Giấy phép hoạt động	Hoạt động kinh doanh	% sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương	98/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/9/2008	Các hoạt động chứng khoán	100,00%
Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam	0104003519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 18/6/2008	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100,00%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương	40/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/10/2008	Quản lý quỹ	100,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ngân hàng có 7.290 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 7.168 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan. Các chuẩn mực và quy định pháp lý này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính chưa hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam, được làm tròn đến hàng triệu gần nhất ("triệu VNĐ").

(e) Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 04 năm 2004 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2005 và các quyết định bổ sung, sửa đổi Quyết định 479/2004/QĐ-NHNN, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, báo cáo này không được lập nhằm thể hiện tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

(f) Cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

Hoạt động liên tục

Ban Điều hành của Ngân hàng đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Ngân hàng và nhận thấy Ngân hàng có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Ban Điều hành không nhận thấy có sự không chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Ngân hàng. Do vậy, báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

(g) Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau.

(i) Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013. Theo quy định của Thông tư này, tài sản cố định phải đồng thời thỏa mãn cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng lại tài sản đó;
- Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30 triệu đồng trở lên.

Theo đó từ ngày 10 tháng 06 năm 2013, đối với các tài sản cố định Ngân hàng đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 2 của Thông tư này thì giá trị còn lại của các tài sản này được kết chuyển sang theo dõi ở tài khoản chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí của Ngân hàng trong thời hạn không quá 2 năm.

(ii) Chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng

Ngày 09 tháng 01 năm 2013, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 05/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 02 năm 2013 và được áp dụng từ năm tài chính 2013. Theo quy định của Thông tư này, đối với những khoản doanh thu phải thu Ngân hàng đã hạch toán vào thu nhập nhưng đến kỳ hạn thu không thu được thì Ngân hàng hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng. Khoản phải thu theo dõi ngoại bảng sẽ được hạch toán vào thu hoạt động kinh doanh khi thực thu được.

iii) Quy định về mua bán và xử lý nợ xấu

Theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 09 tháng 07 năm 2013 về “Thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC)”, Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ban hành ngày 06 tháng 09 năm 2013 “Quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam” và Công văn số 8499/NHNN-TCKT ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013 về việc “Hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ xấu của VAMC và TCTD”, Ngân hàng sẽ tiến hành bán nợ xấu cho VAMC thông qua hai phương thức là bán theo giá trị ghi sổ và bán theo giá thị trường.

Theo phương thức bán theo giá trị ghi sổ, giá bán nợ là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó và được nhận dưới dạng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Sau khi hoàn thành thủ tục bán nợ xấu cho VAMC, Ngân hàng tiến hành hạch toán tất toán gốc và dự phòng cho vay khách hàng và ghi nhận mệnh giá trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng cụ thể đã trích của khoản nợ bán. Khi nhận lại khoản nợ đã bán cho VAMC, Ngân hàng sử dụng nguồn dự phòng rủi ro đã trích hàng năm cho trái phiếu đặc biệt để xử lý nợ xấu, phần chênh lệch giữa dự phòng giảm giá đã trích lập và giá trị khoản vay/trái phiếu còn lại chưa thu hồi được sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Thu nhập khác”.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Ngân hàng áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất*(i) Các công ty con*

Các công ty con là những công ty mà Techcombank có khả năng quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất từ ngày quyền của các công ty này được trao cho Techcombank. Báo cáo của các công ty con sẽ không được hợp nhất từ ngày Techcombank không còn kiểm soát các công ty này.

Ngân hàng hạch toán việc hợp nhất kinh doanh theo phương pháp mua. Giá phí mua bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản, các công cụ vốn do bên mua phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua công ty con. Các tài sản đã mua hoặc các khoản nợ phải trả được thừa nhận trong việc hợp nhất kinh doanh được xác định khởi đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, bất kể phần lợi ích của cổ đông thiểu số là bao nhiêu.

(ii) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Ngân hàng được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ, ngoại trừ trường hợp giao dịch thể hiện sự giảm giá của tài sản được chuyển giao. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá áp dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài khoản kinh doanh ngoại tệ vào thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các giao dịch liên quan đến thu nhập/chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng Đồng Việt Nam trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

(c) Công cụ tài chính

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng thường xuyên ký kết các hợp đồng làm phát sinh các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu.

Các tài sản tài chính của Ngân hàng chủ yếu bao gồm:

- Tiền mặt và vàng;
- Các khoản tiền gửi tại NHNNVN và các tổ chức tín dụng khác;
- Các khoản cho vay khách hàng;
- Chứng khoán kinh doanh;
- Chứng khoán đầu tư;
- Các khoản góp vốn và đầu tư dài hạn;
- Các tài sản tài chính phái sinh; và
- Các tài sản tài chính khác.

Các khoản nợ phải trả tài chính của Ngân hàng chủ yếu bao gồm:

- Các khoản nợ chính phủ và NHNNVN
- Các tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác;
- Các khoản tiền gửi của khách hàng;
- Giấy tờ có giá đã phát hành;
- Các khoản nợ phải trả tài chính phái sinh; và
- Các khoản nợ phải trả tài chính khác.

Tài sản và nợ phải trả tài chính được bù trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc bù trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

(i) Ghi nhận

Các tài sản và nợ tài chính được ghi nhận ban đầu tại ngày giao dịch khi ký hợp đồng liên quan đến các công cụ tài chính này.

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị giao dịch liên quan trực tiếp đến việc mua hoặc phát hành.

(ii) Dừng ghi nhận

Ngân hàng dừng ghi nhận một tài sản tài chính khi quyền lợi theo hợp đồng của Ngân hàng đối với các dòng tiền phát sinh từ tài sản tài chính này chấm dứt, hay khi Ngân hàng chuyển giao tài sản tài chính này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản tài chính này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Ngân hàng không chuyển giao hay giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Ngân hàng dừng ghi nhận một công nợ tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại NHNNVN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá khác đủ điều kiện chiết khấu, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác với kỳ hạn gốc đến ngày đáo hạn không quá 3 tháng và chứng khoán đầu tư với kỳ hạn tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Vàng được đánh giá lại tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(e) Chứng khoán kinh doanh**(i) Phân loại và ghi nhận**

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn, được Ngân hàng mua hẳn và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

(ii) Đo lường

Chứng khoán kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết nhưng được giao dịch trên thị trường phi tập trung (OTC) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá bình quân của ba báo giá của ba công ty chứng khoán lớn, có vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng.

Chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết và không được giao dịch trên thị trường phi tập trung (OTC) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được ước tính theo quyết định của Ban Điều hành. Ban Điều hành xác định mức dự phòng giảm giá chứng khoán dựa trên xem xét về giá gốc, điều kiện thị trường, tình hình hoạt động hiện tại và dòng tiền dự kiến thu được. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Tiền lãi thu và cổ tức được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực thu.

(f) Chứng khoán đầu tư**(i) Phân loại và ghi nhận**

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Ngân hàng ghi nhận ban đầu chứng khoán đầu tư theo giá gốc.

(ii) Đo lường

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được giao dịch trên thị trường phi tập trung (OTC) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá bình quân của ba báo giá của ba công ty chứng khoán lớn, có vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không được giao dịch trên thị trường phi tập trung (OTC) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được ước tính theo quyết định của Ban Điều hành. Ban Điều hành xác định mức dự phòng giảm giá chứng khoán dựa trên xem xét về giá gốc, điều kiện thị trường, tình hình hoạt động hiện tại và dòng tiền dự kiến thu được.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán tính theo giá trị thị trường của chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư nợ đã quá hạn và các khoản phải thu được xác định theo số ngày quá hạn như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
• Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30,00%
• Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50,00%
• Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70,00%
• Từ ba (03) năm trở lên	100,00%

Trong trường hợp không có giá trị thị trường của chứng khoán hoặc không thể được xác định một cách đáng tin cậy, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua bán các chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(iii) Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo mệnh giá trong thời gian nắm giữ. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với khoản nợ xấu được bán và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, định kỳ, Ngân hàng tính toán và trích lập dự phòng rủi ro hàng năm không thấp hơn 20% mệnh giá trái phiếu đặc biệt. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các trái phiếu đặc biệt của VAMC đang phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất là các trái phiếu đã nhận tương ứng với số nợ bán cho VAMC vào tháng 11 và tháng 12 năm 2013. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ngân hàng đã trích lập 18.000 triệu đồng dự phòng tương ứng với 0,98% mệnh giá trái phiếu cho thời gian nắm giữ trái phiếu kể từ ngày nhận trái phiếu đến ngày kết thúc năm tài chính.

(g) Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng có dưới 11,00% quyền biểu quyết (tuân thủ tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Tổ chức tín dụng được quy định bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) và đồng thời Ngân hàng là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng đáng kể đến các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty này thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và sau đó được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá nếu có.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vốn dài hạn khác vào các tổ chức kinh tế sẽ được trích lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế này gặp thua lỗ (ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh trước khi đầu tư). Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Ngân hàng so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

(h) Các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN của NHNNVN ngày 22 tháng 4 năm 2005 (“Quyết định số 493”), được sửa đổi và bổ sung bằng Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN của NHNNVN ngày 25 tháng 4 năm 2007 (“Quyết định số 18”), dự phòng cụ thể cần được lập cho các khoản cho vay trên cơ sở hàng quý dựa trên việc xếp hạng cho các khoản cho vay.

Dự phòng cụ thể tại ngày kết thúc năm tài chính (ngày 31 tháng 12 năm 2013) được xác định bằng dự phòng cụ thể được lập theo Quyết định số 493 và Quyết định số 18.

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo Quyết định số 493 và Quyết định số 18 được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với khoản nợ vay gốc tại ngày 30 tháng 11 năm 2013 sau khi đã trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ. Đây đối với khoản nợ vay gốc tại ngày 30 tháng 11 năm 2013 sau khi đã trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ.

Từ ngày 23 tháng 4 năm 2012, Ngân hàng đã áp dụng Quyết định số 780/QĐ-NHNN do NHNNVN ban hành (“Quyết định số 780”) về việc phân loại nợ đối

Nhóm	Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
1 Nợ đủ tiêu chuẩn	Các khoản nợ cho vay trong hạn hoặc quá hạn dưới 10 ngày.	0,00%
2 Nợ cần chú ý	- Quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất (nếu khách hàng được đánh giá là đủ khả năng - hoàn trả cả gốc lẫn lãi theo thời hạn đã được cơ cấu lại lần thứ nhất áp dụng đối với các - khách hàng là doanh nghiệp và tổ chức).	5,00%
3 Nợ dưới tiêu chuẩn	- Quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất ngoại trừ các khoản cho vay có thời hạn trả nợ - được cơ cấu lại đã được phân loại vào Nhóm 2 ở trên; hoặc - Các khoản cho vay được miễn, giảm tiền lãi do khách hàng không có khả năng thanh toán - tiền lãi theo hợp đồng.	20,00%
4 Nợ nghi ngờ	- Quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất và quá hạn dưới 90 ngày tính theo thời hạn trả - nợ đã được cơ cấu lại lần thứ nhất; - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai.	50,00%
5 Nợ có khả năng mất vốn	- Quá hạn trên 360 ngày; - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất và quá hạn từ 90 ngày trở lên tính theo thời hạn - trả nợ đã được cơ cấu lại lần thứ nhất; - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và đã bị quá hạn tính theo thời hạn trả nợ đã được - cơ cấu lại lần thứ hai; - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba; hoặc - Các khoản nợ khoanh, hay nợ chờ xử lý.	100,00%

với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, theo đó các khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại theo quy định trước khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ nếu khách hàng được đánh giá là hoạt động sản xuất kinh doanh có chiều hướng tích cực và có khả năng trả nợ tốt.

Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Quyết định số 493 và Quyết định số 18.

Ngân hàng cũng phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị dư nợ cho vay khách hàng được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Theo Quyết định số 493, các khoản cho vay khách hàng được xử lý bằng dự phòng khi các khoản cho vay khách hàng đã được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi người vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức hoặc doanh nghiệp), hoặc khi người vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

(i) Bán nợ cho Công ty Quản lý tài sản

Ngân hàng thực hiện bán nợ cho VAMC theo giá trị ghi sổ theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 09 tháng 07 năm 2013 về “Thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam”, Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ban hành ngày 06 tháng 09 năm 2013 “Quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam” và Công văn số 8499/NHNN-TCKT ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013 về việc “Hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ xấu của VAMC và TCTD”. Theo đó, giá bán là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó và nhận dưới dạng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Sau khi hoàn thành thủ tục bán nợ xấu cho VAMC, Ngân hàng tiến hành hạch toán tất toán gốc và dự phòng cho vay khách hàng và ghi nhận mệnh giá trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng cụ thể đã trích của khoản nợ bán. Khi nhận lại khoản nợ đã bán cho VAMC, Ngân hàng sử dụng nguồn dự phòng rủi ro đã trích hàng năm cho trái phiếu đặc biệt để xử lý nợ xấu, phần chênh lệch giữa dự phòng giảm giá đã trích lập và giá trị khoản vay/trái phiếu còn lại chưa thu hồi được sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

(j) Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác

Theo thông tư số 21/2012/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2012 về hoạt động cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác được trích lập theo quy định tại Quyết định số 493 và Quyết định số 18. Chính sách lập dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác tương tự như chính sách dự phòng rủi ro cho vay khách hàng như trình bày trong thuyết minh số 3(h).

(k) Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định số 18, Ngân hàng được yêu cầu phải phân loại các bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện vào các nhóm liên quan và lập dự phòng cụ thể tương ứng. Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể cho các số dư trên giống với tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng.

Ngân hàng cũng được yêu cầu phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng số dư các thư bảo lãnh, thư tín dụng và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(l) Các công cụ tài chính phái sinh**(i) Các hợp đồng phái sinh tiền tệ**

Đối với các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị Việt Nam đồng của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục công nợ nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sau đó được phân bổ tuyến tính vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt kỳ hạn của hợp đồng.

Đối với các hợp đồng quyền chọn tiền tệ, giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng quyền chọn tiền tệ không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Phí quyền chọn đã trả hoặc đã nhận được ghi nhận như một khoản phải thu hoặc phải trả và được phân bổ theo đường thẳng vào thu nhập hoặc chi phí trong suốt thời hạn của hợp đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, số lãi hoặc lỗ phát sinh nhưng chưa thực hiện của giao dịch mua hoặc bán hợp đồng quyền chọn được xác định và ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở giá thị trường, giá trị thực hiện của đối tượng quyền chọn, khối lượng giao dịch và thời hạn hiệu lực của hợp đồng.

(ii) Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng hoán đổi lãi suất không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch lãi suất hoán đổi được ghi nhận như một khoản phải thu hoặc phải trả và được phân bổ theo đường thẳng vào thu nhập hoặc chi phí trong suốt thời hạn của hợp đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, số lãi hoặc lỗ phát sinh nhưng chưa thực hiện của giao dịch mua hoặc bán hợp đồng hoán đổi lãi suất được xác định và ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở giá thị trường, giá trị thực hiện của đối tượng quyền chọn, khối lượng giao dịch và thời hạn hiệu lực của hợp đồng.

(iii) Các hợp đồng hàng hóa tương lai

Ngân hàng thực hiện dịch vụ môi giới cho khách hàng để ký kết các hợp đồng hàng hóa tương lai, do vậy giá trị các hợp đồng này không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thu nhập từ các hoạt động môi giới này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(m) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|------------|
| • nhà cửa và vật liệu kiến trúc | 8 - 50 năm |
| • máy móc thiết bị | 3 - 10 năm |
| • phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 - 10 năm |
| • các tài sản khác | 4 - 10 năm |

(n) Tài sản cố định vô hình**(i) Phần mềm vi tính**

Giá mua phần mềm vi tính mới, mà phần mềm vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời của phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4-8 năm.

(ii) Quyền sử dụng đất**Quyền sử dụng đất có thời hạn**

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua đất và các chi phí phát sinh để đảm bảo quyền sử dụng đất. Phân bổ được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 25 - 50 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không được phân bổ. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất vô thời hạn bao gồm giá mua đất và các chi phí phát sinh để đảm bảo quyền sử dụng đất.

(iii) Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Phân bổ lũy kế được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 8 năm.

(o) Bất động sản đầu tư**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Điều hành. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 10 - 40 năm

(p) Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu khác ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá các khoản phải thu quá hạn được xác định theo số ngày quá hạn như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
• Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30,00%
• Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50,00%
• Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70,00%
• Từ ba (03) năm trở lên	100,00%

(q) Dự phòng khác

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Ngân hàng có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(r) Lợi ích nhân viên

(i) Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng và các công ty con khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,00% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

(ii) Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Ngân hàng từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Ngân hàng.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Ngân hàng và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1,00% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Ngân hàng không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(iii) Trợ cấp mất việc

Theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc. Mức trích lập tối thiểu cho người lao động bằng hai tháng lương. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

(s) Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi do Ngân hàng phát hành cho phép trái chủ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phổ thông với một số lượng nhất định của Ngân hàng tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi. Do đó, việc phát hành cổ phiếu thường hoặc cổ tức sau ngày phát hành sẽ có ảnh hưởng tới giá chuyển đổi và số lượng cổ phiếu sẽ được chuyển đổi vào ngày đáo hạn của trái phiếu chuyển đổi do các điều khoản chống pha loãng của trái phiếu chuyển đổi.

Ngân hàng phân loại trái phiếu chuyển đổi là nợ tài chính. Trái phiếu chuyển đổi được phân làm hai loại: (1) trái phiếu chuyển đổi bắt buộc khi các trái chủ ký cam kết chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu tại ngày đáo hạn và (2) trái phiếu chuyển đổi thông thường khi các trái chủ có quyền chuyển đổi tại ngày đáo hạn. Cả hai loại trái phiếu chuyển đổi trên đều được phân loại là nợ phải trả tài chính trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(t) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(u) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(v) Các quỹ và dự trữ

(i) Các quỹ dự trữ của Techcombank

Theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2012, thay thế Nghị định 146/2005/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2005, trước khi phân phối lợi nhuận, Techcombank phải trích các quỹ dự trữ sau:

	Phân phối hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	25% vốn cổ phần

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông của Techcombank phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi pháp luật và được phép phân phối hết.

(ii) *Các quỹ dự trữ của các công ty con*

Các quỹ dự trữ của Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam:

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 03 năm 2002, yêu cầu trích lập các quỹ được thực hiện tương tự như Ngân hàng.

Các quỹ dự trữ của Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam:

Theo Quyết định 27/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 04 năm 2007, các công ty chứng khoán phải trích lập các quỹ sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Quỹ dự phòng này cùng với quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phân chia.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam:

Do không có các quy định về việc trích lập các quỹ đối với Công ty, nên Công ty không trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận cho Ngân hàng.

(w) **Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ**

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

(x) **Ghi nhận doanh thu**

(i) *Thu nhập lãi*

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản cho vay được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 nêu trong Thuyết minh 3(h) được ghi nhận khi Ngân hàng thực thu được.

(ii) *Thu nhập từ phí và hoa hồng*

Thu nhập từ phí và hoa hồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(y) **Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của Ngân hàng được thiết lập.

Theo Thông tư số 244/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài Chính ban hành, cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(z) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo cơ sở dự chi.

(aa) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(bb) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp trên số lãi hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

(cc) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Ngân hàng trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đối với các cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm có tính đến các ảnh hưởng của các công cụ có tính suy giảm tiềm năng, bao gồm trái phiếu chuyển đổi.

Số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm chịu ảnh hưởng của trái phiếu chuyển đổi bắt buộc và sự thay đổi giá chuyển đổi do phát hành cổ phiếu thường hoặc cổ tức bằng cổ phiếu trong năm.

(dd) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Ngân hàng tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(ee) Phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính cho mục đích thuyết minh thông tin

(i) Phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

• **Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- (a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- (b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

• **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- (a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- (b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- (c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

• **Các khoản cho vay và phải thu:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- (a) Các khoản mà Ngân hàng có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- (b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- (c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

• **Tài sản sẵn sàng để bán:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- (a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- (b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- (c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

- *Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- (a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- (b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân nhóm các tài sản và nợ phải trả tài chính như trên chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin trong báo cáo tài chính. Việc phân loại này không có ảnh hưởng đến phương pháp ghi nhận, đo lường hay phân loại trong bảng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng.

- (ii) *Đo lường và thuyết minh giá trị hợp lý*

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, Ngân hàng thuyết minh thông tin về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để so sánh với giá trị ghi sổ trong thuyết minh 43.

Giá trị hợp lý thể hiện giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có sự hiểu biết và sẵn lòng thực hiện giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày hạch toán.

Khi tồn tại một thị trường hoạt động, Ngân hàng xác định giá trị hợp lý của một công cụ tài chính bằng giá niêm yết trên thị trường hoạt động của công cụ đó. Một thị trường được coi là thị trường hoạt động nếu giá niêm yết thường xuyên có sẵn và phản ánh các giao dịch thực tế và thường xuyên phát sinh trên thị trường.

4. TIỀN MẶT VÀ VÀNG

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Tiền mặt tại quỹ bằng VNĐ	1.564.022	1.725.872
Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ	686.472	575.073
Vàng tại quỹ	41.000	2.228.240
	2.291.494	4.529.185

5. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Tài khoản tiền gửi thanh toán và quỹ dự trữ bắt buộc bằng VNĐ	2.145.665	4.790.242
Tài khoản tiền gửi thanh toán và quỹ dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ	685.129	786.505
	2.830.794	5.576.747

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc theo quy định của NHNNVN. Tiền gửi dự trữ bắt buộc được tính vào ngày đầu tháng và điều chỉnh mỗi tháng một lần căn cứ vào số dư tiền gửi bình quân của khách hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn của tháng trước với tỷ lệ dự trữ bắt buộc phải duy trì áp dụng trong năm là 3,00% (2012: 3,00%) cho tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng đối với VNĐ là 8,00% (2012: 8,00%) cho tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng đối với USD là 1,00% (2012: 1,00%) cho tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên đối với VNĐ và 6,00% (2012: 6,00%) cho tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên đối với USD.

Theo đó, mức dự trữ bắt buộc bằng VNĐ và ngoại tệ trung bình trong tháng 12 năm 2013 tương ứng là 2.957.514 triệu đồng và 41.952.941 USD.

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
Tiền gửi bằng VNĐ		
Trong mức dự trữ bắt buộc	0,10%	1,20%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	0,00%	0,00%
Tiền gửi bằng USD		
Trong mức dự trữ bắt buộc	0,00%	0,00%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	0,05%	0,05%

6. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	66.526	2.425.620
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	3.839.454	8.591.309
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	5.561.701	7.330.825
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.388.974	2.811.780
Cho vay các TCTD khác		
Cho vay bằng VNĐ	3.388.864	3.358.500
Cho vay bằng ngoại tệ	210.360	6.837.833
Dự phòng cho vay các tổ chức tín dụng khác (i)	(35.132)	(55.911)
	15.420.747	31.299.956

(i) Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác bao gồm:

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Dự phòng chung	35.132	53.611
Dự phòng cụ thể	-	2.300
	35.132	55.911

Biến động dự phòng chung cho vay các tổ chức tín dụng khác như sau:

	2013 Triệu VNĐ	2012 Triệu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1	53.611	-
Dự phòng trích lập/(hoàn nhập) trong năm (Thuyết minh 31)	(18.479)	53.611
Số dư tại ngày 31 tháng 12	35.132	53.611

Biến động dự phòng cụ thể cho vay các tổ chức tín dụng khác như sau:

	2013 Triệu VNĐ	2012 Triệu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1	2.300	-
Dự phòng trích lập/(hoàn nhập) trong năm (Thuyết minh 31)	(2.300)	2.300
Số dư tại ngày 31 tháng 12	-	2.300

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	0,00% - 2,40%	0,00% - 2,40%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00% - 0,50%	0,00% - 0,10%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	4,00% - 12,00%	9,00% - 15,50%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,50% - 1,50%	2,30% - 4,00%
Cho vay bằng VNĐ	5,20% - 6,70%	3,80% - 12,00%
Cho vay bằng ngoại tệ	1,20%	0,40% - 3,10%

7. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Chứng khoán nợ		
• Trái phiếu do Chính phủ phát hành	583.021	-
• Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	105.755	599.121
Chứng khoán vốn		
• Cổ phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	145.000	72.244
• Cổ phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	87.259	129.005
	921.035	800.370
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (i)	(1.427)	(31.412)
	919.608	768.958

(i) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	2013 Triệu VNĐ	2012 Triệu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1	31.412	153.560
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 26)	21.958	28.823
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(11.544)
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 26)	(51.943)	(46.524)
Chuyển sang chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 11)	-	(92.903)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	1.427	31.412

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh như sau:

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Chứng khoán nợ		
• Đã niêm yết	688.776	599.121
• Chưa niêm yết	-	-
Chứng khoán vốn		
• Đã niêm yết	87.259	201.249
• Chưa niêm yết	145.000	-
	921.035	800.370

8. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH KHÁC

	31/12/2013		31/12/2012	
	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá tại ngày hiệu lực)	Tổng giá trị ghi sổ kế toán	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá tại ngày hiệu lực)	Tổng giá trị ghi sổ kế toán
	Triệu VNĐ	Tài sản/ (nợ phải trả) Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Tài sản/ (nợ phải trả) Triệu VNĐ
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	8.293.520	(105.874)	5.367.405	(27.460)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	8.760.283	32.717	7.663.939	68.328
	17.053.803	(73.157)	13.031.344	40.868

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước (*)	69.683.693	67.901.136
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	505.300	297.327
Các khoản trả thay khách hàng (*)	1.137	4.627
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư (*)	33.614	56.650
Cho vay đối với các tổ chức cá nhân nước ngoài (*)	-	1.702
Nợ cho vay được khoanh và nợ chờ xử lý	51.175	-
	70.274.919	68.261.442

(*) Số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách phân loại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay:

	31/12/2013 Triệu VNĐ	%	31/12/2012 Triệu VNĐ	%
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	63.736.184	90,70%	64.415.288	94,37%
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	3.972.491	5,65%	2.005.682	2,94%
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	447.898	0,64%	108.330	0,16%
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	1.128.849	1,61%	848.623	1,24%
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	989.497	1,40%	883.519	1,29%
	70.274.919	100,00%	68.261.442	100,00%

Việc phân loại nợ được thực hiện theo Quyết định 493 và Quyết định 18 trừ những khoản nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ. Theo Quyết định 780, các khoản nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ được giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại theo quy định trước khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ nếu hoạt động kinh doanh của khách hàng vay được đánh giá là có chiều hướng tích cực và khách hàng có khả năng trả nợ tốt sau khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ (xem thuyết minh 3(h)).

Các khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại theo quy định trước khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ như sau :

	31/12/2013	31/12/2012
Phần dư nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ của các khoản nợ được giữ nguyên nhóm 1	4.279.772	6.657.353
Phần dư nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ của các khoản nợ được giữ nguyên nhóm 2	2.527.104	235.033
	6.806.876	6.892.386

Phân tích dư nợ theo thời hạn cho vay:

	31/12/2013 Triệu VNĐ	%	31/12/2012 Triệu VNĐ	%
Ngắn hạn	35.073.969	49,91%	36.446.276	53,39%
Trung hạn	19.421.234	27,64%	16.425.411	24,06%
Dài hạn	15.779.716	22,45%	15.389.755	22,55%
	70.274.919	100,00%	68.261.442	100,00%

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh:

	31/12/2013 Triệu VNĐ	%	31/12/2012 Triệu VNĐ	%
Cho vay các Tổ chức kinh tế	47.423.467	67,48%	40.729.090	59,67%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	1.194.386	1,70%	194.086	0,31%
Khai khoáng	231.310	0,33%	1.446.797	2,12%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	14.313.753	20,37%	17.661.431	25,87%
Sản xuất & phân phối điện, khí đốt & nước nóng, hơi nước & điều hòa không khí	356.136	0,51%	580.775	0,85%
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	47.084	0,07%	47.697	0,07%
Xây dựng	3.746.689	5,33%	3.137.692	4,60%
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ôtô, ôtô, xe máy và xe có động cơ khác	9.893.952	14,08%	10.553.216	15,46%
Vận tải kho bãi	2.209.017	3,14%	1.969.706	2,89%
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.984.994	2,82%	965.458	1,41%
Thông tin và truyền thông	85.757	0,12%	75.504	0,11%
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	244.046	0,35%	95.352	0,14%
Hoạt động kinh doanh bất động sản	11.926.047	16,97%	3.650.749	5,35%
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	27.969	0,04%	38.149	0,06%
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	100.980	0,14%	94.332	0,14%
Hoạt động của Đảng cộng sản, Tổ chức Chính trị - Xã hội, Quản lý Nhà nước, An ninh quốc phòng; Bảo hiểm xã hội bắt buộc	90	0,00%	540	0,00%
Giáo dục và đào tạo	28.073	0,04%	32.943	0,05%
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	71.757	0,10%	151.799	0,22%
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	18.644	0,03%	5.971	0,01%
Hoạt động dịch vụ khác	873.993	1,24%	2.020	0,01%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	68.790	0,10%	24.873	0,04%
Cho vay cá nhân	22.851.452	32,52%	27.532.352	40,33%
	70.274.919	100,00%	68.261.442	100,00%

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Triệu VNĐ	%	Triệu VNĐ	%
Cho vay các Tổ chức kinh tế	47.423.467	67,48%	40.729.090	59,67%
Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước	3.024.562	4,30%	2.650.716	3,88%
Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	20.980.870	29,86%	19.536.825	28,62%
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của nhà nước	317.631	0,45%	451.274	0,66%
Công ty cổ phần khác	22.197.736	31,58%	16.401.845	24,03%
Công ty hợp danh	-	0,00%	185	0,01%
Doanh nghiệp tư nhân	530.959	0,76%	619.971	0,91%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	216.201	0,31%	838.128	1,23%
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	82.034	0,12%	77.481	0,11%
Đơn vị hành chính sự nghiệp, đảng, đoàn thể và hiệp hội	21.700	0,03%	13.894	0,02%
Khác	51.774	0,07%	138.771	0,20%
Cho vay cá nhân	22.851.452	32,52%	27.532.352	40,33%
	70.274.919	100,00%	68.261.442	100,00%

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
Cho vay bằng VNĐ	0,00% - 23,00%	6,00% - 21,00%
Cho vay bằng USD	2,37% - 10,50%	0,51% - 8,5%

10. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm:

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Dự phòng chung	518.109	470.951
Dự phòng cụ thể	668.130	654.184
	1.186.239	1.125.135

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Triệu VNĐ	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	654.184	470.951	1.125.135
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm (Thuyết minh 31)	2.042.613	86.323	2.128.936
Hoàn nhập dự phòng rủi ro trong năm (Thuyết minh 31)	(650.776)	(39.165)	(689.941)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro	(1.377.891)	-	(1.377.891)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	668.130	518.109	1.186.239

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Triệu VNĐ	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	427.660	461.399	889.059
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm (Thuyết minh 31)	1.873.708	248.171	2.121.879
Hoàn nhập dự phòng rủi ro trong năm (Thuyết minh 31)	(492.978)	(238.619)	(731.597)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro	(1.154.206)	-	(1.154.206)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	654.184	470.951	1.125.135

11. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
• Trái phiếu Chính phủ (i)	12.512.524	7.608.928
• Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành (ii)	11.989.545	11.822.327
• Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành (iii)	21.597.457	24.142.334
<i>Chứng khoán vốn</i>		
• Cổ phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	70.228	124.323
• Cổ phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	-	197.605
	46.169.754	43.895.517
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (vii)	-	(333.676)
	46.169.754	43.561.841
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
• Trái phiếu Chính phủ (iv) (*)	350.000	50.000
• Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành (v) (*)	640.044	238.148
• Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành (vi)	2.703.793	2.804.304
	3.693.837	3.092.452
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (vii)	(18.000)	-
	3.675.837	3.092.452
	49.845.591	46.654.293

(*) Số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách phân loại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

- (i) Trái phiếu Chính phủ bao gồm trái phiếu có kỳ hạn từ 2 đến 10 năm và có lãi suất từ 4,20% đến 12,50%/năm (năm 2012: có kỳ hạn từ 2 đến 10 năm và lãi suất từ 7,04% đến 12,50%/năm).
- (ii) Trái phiếu do các TCTD khác phát hành bao gồm trái phiếu có kỳ hạn từ 11 tháng đến 15 năm và có lãi suất từ 7,00% đến 15,00%/năm (năm 2012: có kỳ hạn từ 1 đến 15 năm và có lãi suất từ 8,00% đến 12,00%/năm).
- (iii) Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành bao gồm trái phiếu có kỳ hạn từ 2 đến 10 năm có lãi suất từ 1,00% đến 17,00%/năm (năm 2012: có kỳ hạn từ 2 đến 10 năm có lãi suất từ 9,40% đến 30,00%/năm), trong đó số dư các trái phiếu có gốc hoặc lãi quá hạn đã được gia hạn là 1.310.000 triệu đồng.
- (iv) Trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 3 đến 10 năm và có lãi suất từ 8,80% đến 9,00%/năm (năm 2012: có kỳ hạn 10 năm và có lãi suất là 9,00%/năm).
- (v) Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành có kỳ hạn từ 3 tháng đến 15 năm và có lãi suất từ 1,70% đến 9,40%/năm (năm 2012: có kỳ hạn từ 5 đến 15 năm và có lãi suất từ 9,40% đến 15,00%/năm).
- (vi) Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành có kỳ hạn từ 3 đến 10 năm và có lãi suất từ 0,00% đến 11,90%/năm (năm 2012: có kỳ hạn từ 5 đến 10 năm và có lãi suất từ 9,20% đến 12,00%/năm).

(vii) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư như sau:

	2013 Triệu VNĐ	2012 Triệu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1	333.676	24.670
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 27)	62.027	285.597
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 27)	(288.877)	(69.494)
Sử dụng dự phòng trong năm	(88.826)	-
Chuyển từ chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 7)	-	92.903
Số dư tại ngày 31 tháng 12	18.000	333.676

12. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Đầu tư dài hạn khác – giá gốc	128.625	92.825

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Tỷ lệ nắm giữ %	Giá gốc của các khoản đầu tư Triệu VNĐ	Tỷ lệ nắm giữ %	Giá gốc của các khoản đầu tư Triệu VNĐ
Đầu tư vào các tổ chức tín dụng và các tổ chức tài chính khác				
Công ty CP Tài chính Hóa chất Việt Nam	10,00%	60.000	10,00%	60.000
Đầu tư vào các doanh nghiệp khác				
Công ty CP Đầu tư TCO Việt Nam	11,00%	16.500	11,00%	16.500
Công ty CP Dịch vụ thẻ Smartlink	2,00%	1.000	2,00%	1.000
Công ty Đào tạo và Tư vấn Nghiệp vụ Ngân hàng	9,87%	1.040	9,87%	1.040
Công ty CP Đầu tư PCB	8,95%	7.962	9,95%	7.962
Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên Ngân hàng toàn thế giới	0,00%	1.005	0,00%	1.005
Công ty CP Sàn Giao Dịch Bất Động Sản Việt Nam	1,00%	660	1,00%	660
Công ty CP Dịch vụ bảo vệ Kỹ An	11,00%	748	11,00%	748
Công ty CP đầu tư và dịch vụ kho vận A+	0,00%	-	10,00%	600
Công ty CP Dịch vụ, TM và Đầu tư Sao Thủy	10,00%	600	10,00%	600
Công ty TNHH TM đầu tư và KD BĐS Huế	0,50%	50	0,50%	50
Công ty TNHH TIC	10,00%	600	10,00%	600
Công ty CP Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội	7,00%	1.400	7,00%	1.400
Công ty CP phát triển Dự án Techcomdeveloper	11,00%	660	11,00%	660
Công ty CP ĐT và PT điện miền Bắc	7,28%	36.400	0,00%	-
		128.625		92.825

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013

Triệu VND	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	50.386	1.051.094	139.303	30.864	1.271.647
Tăng trong năm	-	83.642	4.379	3.350	91.371
Tăng khác	-	3.070	-	-	3.070
Phân loại lại	(5.827)	(108.605)	-	(11.791)	(126.223)
Thanh lý	-	(1.168)	(876)	(35)	(2.079)
Giảm khác	-	(2.824)	(403)	(122)	(3.349)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	44.559	1.025.209	142.403	22.266	1.234.437
Hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	8.907	384.416	47.584	10.974	451.881
Khấu hao trong năm	942	181.007	4.462	3.031	189.442
Tăng khác	-	115	-	-	115
Phân loại lại	(211)	(54.785)	-	(5.948)	(60.944)
Thanh lý	-	(938)	(876)	(15)	(1.829)
Giảm khác	-	(535)	(311)	(38)	(884)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	9.638	509.280	50.859	8.004	577.781
Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	41.479	666.678	91.719	19.890	819.766
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	34.921	515.929	91.544	14.262	656.656

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD - HN

Năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012

Triệu VND	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	242.617	896.907	127.475	26.921	1.293.920
Tăng trong năm	2.427	192.613	20.091	22.643	237.774
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	2.362	16.953	-	-	19.315
Thanh lý	(197.020)	(55.312)	(8.355)	(18.675)	(279.362)
Điều chuyển	-	(67)	92	(25)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	50.386	1.051.094	139.303	30.864	1.271.647
Hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	24.143	255.137	38.472	11.245	328.997
Khấu hao trong năm	3.823	115.891	29.001	3.460	152.175
Thanh lý	(21.739)	(2.206)	(4.613)	(536)	(29.094)
Điều chuyển	2.680	15.594	(15.276)	(3.195)	(197)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	8.907	384.416	47.584	10.974	451.881
Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	218.474	641.770	89.003	15.676	964.923
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	41.479	666.678	91.719	19.890	819.766

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD - HN

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013

Triệu VND	Phần mềm vi tính	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	401.821	21.937	20.871	444.629
Tăng trong năm	101.660	9.061	207	110.928
Phân loại lại	(526)	-	(1.274)	(1.800)
Giảm khác	-	(1.113)	-	(1.113)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	502.955	29.885	19.804	552.644
Hao mòn lũy kế				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	115.126	420	2.425	117.971
Khấu hao trong năm	57.287	45	2.687	60.019
Phân loại lại	(403)	-	(977)	(1.380)
Tăng khác	-	-	2	2
Giảm khác	(49)	-	-	(49)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	171.961	465	4.137	176.563
Giá trị còn lại				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	286.695	21.517	18.446	326.658
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	330.994	29.420	15.667	376.081

Năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012

Triệu VND	Phần mềm vi tính	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	244.824	47.426	7.108	299.358
Tăng trong năm	158.203	-	14.501	172.704
Thanh lý	(138)	-	-	(138)
Xóa sổ	(1.068)	(25.489)	(738)	(27.295)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	401.821	21.937	20.871	444.629
Hao mòn lũy kế				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	71.628	449	980	73.057
Khấu hao trong năm	42.465	47	2.493	45.005
Phân loại lại	1.071	(76)	(1.048)	(53)
Xóa sổ	(38)	-	-	(38)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	115.126	420	2.425	117.971
Giá trị còn lại				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	173.196	46.977	6.128	226.301
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	286.695	21.517	18.446	326.658

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013

Triệu VND	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	19.357	1.335.104	1.354.461
Chuyển từ tài sản cố định	-	28.465	28.465
Tăng trong năm	169	105.541	105.710
Giảm khác	-	(4.273)	(4.273)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	19.526	1.464.837	1.484.363
Hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	-	25.068	25.068
Khấu hao trong năm	-	37.826	37.826
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	-	62.894	62.894
Giá trị còn lại			
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	19.357	1.310.036	1.329.393
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	19.526	1.401.943	1.421.469

Năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012

Triệu VND	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	19.357	1.905	21.262
Tăng trong năm	-	1.333.199	1.333.199
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	19.357	1.335.104	1.354.461
Hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	-	141	141
Khấu hao trong năm	-	24.927	24.927
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	-	25.068	25.068
Giá trị còn lại			
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	19.357	1.764	21.121
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	19.357	1.310.036	1.329.393

16. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Các khoản phải thu		
Phải thu nội bộ	66.081	181.695
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	19.940	200.849
Đặt cọc thuê văn phòng	82.406	332.187
Phải thu từ NHNNVN liên quan đến Chương trình		
Hỗ trợ lãi suất	34.005	29.208
Ứng trước hợp đồng	47.305	334.314
Ứng trước để mua chứng khoán (i)	500.000	1.473.000
Phải thu của hợp đồng đặt cọc thuê nhà (ii)	298.690	2.211.317
Các khoản tiền đặt cọc cho các giao dịch vàng, hàng hóa và ngoại tệ trên thị trường tương lai	39.853	199.447
Nợ mua từ công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước	747.214	845.209
Phải thu từ hợp đồng bán nợ (iii)	7.656.214	8.937.196
Tạm ứng mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	86.105	94.818
Các khoản phải thu khác từ bên ngoài	767.247	334.409
	10.345.060	15.173.649
Các khoản lãi và phí phải thu	5.256.518	5.895.197
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.578	34.765
Tài sản có khác		
Vật liệu	44.962	62.114
Chi phí trả trước	289.230	223.322
Tài sản có khác	3.704	12.528
	337.896	297.964
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác	(51.134)	(42.933)
	15.916.918	21.358.642

- (i) Đây là các khoản ứng trước bằng VNĐ cho một công ty chứng khoán với mục đích mua chứng khoán cho Ngân hàng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, công ty chứng khoán này chưa mua được chứng khoán. Công ty chứng khoán phải trả lãi suất năm 11,00% (2012: 10,50% - 12,50% năm) cho Ngân hàng tính từ ngày tạm ứng đến ngày mua được chứng khoán hoặc ngày hết hạn hợp đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ngân hàng không có khoản ứng trước ngắn hạn nào bị quá hạn.

Chi tiết các khoản ứng trước ngắn hạn như sau:

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Công ty CP Chứng khoán Đại Dương	-	200.000
Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	-	250.000
Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT	500.000	1.023.000
	500.000	1.473.000

(ii) Các khoản phải thu từ các hợp đồng đặt cọc thuê trụ sở mà Ngân hàng tạm ứng cho các tổ chức kinh tế trong nước để xây dựng văn phòng cho thuê, theo đó Ngân hàng sẽ được quyền ưu tiên thuê văn phòng khi tòa nhà hoàn thành và đưa vào sử dụng. Số dư các khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 298.690 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 2.211.317 triệu VNĐ).

(iii) Chi tiết các khoản phải thu từ các hợp đồng bán nợ của Ngân hàng với các công ty khác như sau:

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Phải thu từ các hợp đồng bán nợ cho các công ty mua bán nợ được cấp phép	6.427.325	7.500.458
Phải thu từ các hợp đồng bán nợ cho các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước	1.228.889	1.436.738
	7.656.214	8.937.196

17. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	83.077	2.205.477
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.383.927	4.933.161
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	2.765.675	4.970.300
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	332.369	2.811.780
	4.565.048	14.920.718
Tiền vay		
Tiền vay bằng VNĐ	1.150.000	6.196.438
Tiền vay bằng ngoại tệ	9.509.926	18.053.249
	10.659.926	24.249.687
	15.224.974	39.170.405

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	3,40% - 8,30%	8,30% - 13,50%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,20% - 0,50%	2,39% - 4,00%
Tiền vay bằng VNĐ	4,00% - 5,50%	2,50% - 12,25%
Tiền vay bằng ngoại tệ	0,32% - 5,05%	0,45% - 5,05%

18. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	15.958.922	11.940.997
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.736.250	1.059.730
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	91.869.156	85.823.346
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	9.083.772	11.381.419
Tiền ký quỹ		
Tiền ký quỹ bằng VNĐ	463.471	429.949
Tiền ký quỹ bằng ngoại tệ	866.353	826.847
	119.977.924	111.462.288

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng như sau:

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Tổ chức kinh tế	40.972.617	34.405.790
Cá nhân	79.005.307	77.056.498
	119.977.924	111.462.288

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	0,50%	1,00%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ khác	0,10%	0,10%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	0,50% - 14,00%	1,00% - 18,50%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ khác	0,10% - 8,00%	0,10% - 9,20%

19. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TỔ CHỨC TÍN DỤNG CHỊU RỦI RO

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Dự án tín dụng Quốc tế với Ngân hàng Hợp tác Quốc Tế Nhật bản (i)	36.819	76.068
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	27.318	49.737
Dự án Quỹ phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ	-	2.148
	64.137	127.953

- (i) Đây là khoản tín dụng nhận từ nguồn vốn viện trợ ODA của chính phủ Nhật Bản do Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản – JBIC, bây giờ là cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản JICA, thực hiện trong khuôn khổ Dự án tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ dựa trên hiệp định vay vốn được ký kết vào ngày 31 tháng 03 năm 2005 và 10 tháng 11 năm 2009 giữa JBIC và Chính phủ Việt Nam. Thỏa thuận khung được ký kết giữa Ngân hàng nhà nước Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ngày 01 tháng 11 năm 2007 và 17 tháng 3 năm 2010. Các khoản vay có thời hạn là trung và dài hạn. Lãi suất được điều chỉnh hàng quý trong suốt thời hạn trả nợ của khoản vay. Lãi suất áp dụng tại 31 tháng 12 năm 2013 là 0,49%/tháng.
- (ii) Đây là khoản tín dụng nhận từ Ngân hàng Thế giới WB thông qua Hiệp hội Phát triển Quốc tế hỗ trợ cho Dự án Tài chính Nông thôn giai đoạn II và Dự án Tài chính Nông thôn giai đoạn III theo Hiệp định Tín dụng ngày 9 tháng 9 năm 2002 và ngày 14 tháng 11 năm 2008 giữa Ngân hàng Thế giới và Chính phủ Việt nam. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”) được chỉ định là đơn vị thực hiện. Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam ký hợp đồng vay phụ với BIDV vào ngày 21 tháng 04 năm 2003 và ngày 14 tháng 1 năm 2010. Lãi suất được điều chỉnh hàng tháng trong suốt thời hạn trả nợ của khoản vay. Lãi suất áp dụng tại 31 tháng 12 năm 2013 là 0,61%/tháng.

20. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Giấy tờ có giá đã phát hành phân loại theo kỳ hạn như sau:

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Dưới 12 tháng (i)	1.090.342	4.777.194
Từ 12 tháng đến 5 năm (ii)	1.500.000	2.500.000
Trên 5 năm (iii)	52.953	173.649
Phát hành trái phiếu chuyển đổi (iv)	3.000.000	3.000.000
	5.643.295	10.450.843

- (i) Các giấy tờ có giá này là các chứng chỉ tiền gửi chịu lãi suất năm trong khoảng từ 6,80% đến 7,00% (2012: 0,00% đến 11,00%).
- (ii) Các giấy tờ có giá này là các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu chịu lãi suất năm 8,63% đến 11,50% (2012: 10,50%).
- (iii) Các giấy tờ có giá này là các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu chịu lãi suất trong năm khoảng 0,10% đến 6,80% (2012: 0,01% đến 9,00%).
- (iv) Các giấy tờ có giá này là các trái phiếu chuyển đổi phát hành cho các cổ đông hiện tại của Ngân hàng với kì hạn 10 năm. Trái phiếu phát hành năm 2010 và có lãi suất cho 5 năm đầu tiên của kì hạn trái phiếu là 0,00%. Từ năm thứ 6, lãi suất áp dụng là 15,00%/năm hoặc lãi suất trần áp dụng cho các trái phiếu tương tự nếu mức lãi suất trần đó nhỏ hơn 15,00%. Cổ đông nắm giữ trái phiếu chuyển đổi này có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông sau 5 năm. Tỷ lệ chuyển đổi ban đầu là 17.188,38 VNĐ được một cổ phiếu phổ thông, có mệnh giá 10.000 VNĐ tại ngày phát hành. Sau khi Ngân hàng phát hành cổ phiếu thường trong năm 2011, tỷ lệ chuyển đổi giảm xuống 13.683,04 VNĐ được một cổ phiếu.

21. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Lãi và phí phải trả	1.861.191	2.069.183
Các khoản phải trả và công nợ khác		
Chuyển tiền phải trả (*)	137.736	37.351
Phải trả nhân viên	203.931	135.165
Các khoản phải trả hộ các tổ chức tín dụng khác	90.815	125.049
Phải trả hợp đồng mua nợ từ công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước	668.129	765.209
Phải trả nhà cung cấp	-	127.775
Các khoản thuế phải nộp (i)	35.171	45.896
Doanh thu chưa thực hiện	185.480	158.845
Phải trả khách hàng cho các hợp đồng LC	-	208.280
Ứng trước từ khách hàng	3.477	7.969
Chi phí phải trả	470.320	231.203
Phải trả các hoạt động quảng cáo, khuyến mãi	49.292	205.189
Các khoản chứng chỉ tiền gửi giữ hộ khách hàng chờ thanh toán (*)	24.724	205.837
Các khoản phải trả khác (*)	151.031	993.520
	2.020.106	3.247.288
Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng (ii)	111.810	116.062
	3.993.107	5.432.533

(*) Số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách phân loại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

(i) Các khoản thuế phải nộp

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	19.962	22.841
Thuế thu nhập doanh nghiệp	76	6.173
Các loại thuế khác	15.133	16.882
	35.171	45.896

Các khoản thuế phải nộp được trình bày tại Thuyết minh 38.

(ii) Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Biến động dự phòng cho các cam kết ngoại bảng như sau:

	2013 Triệu VNĐ	2012 Triệu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1	116.062	112.774
Dự phòng trích lập/ (hoàn nhập) trong năm (Thuyết minh 31)	(4.252)	3.288
Số dư tại ngày 31 tháng 12	111.810	116.062

22. VỐN VÀ CÁC QUỸ

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

(Triệu VNĐ)	Vốn cổ phần	Vốn khác	Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Các quỹ khác	Tổng cộng các quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	8.788.079	371	191.834	863.294	-	1.055.128	2.668.157	12.511.735
Chuyển sang vốn cổ phần	60.000	-	-	-	-	-	(60.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	765.686	765.686
Trích lập các quỹ	-	(371)	2.324.451	98.944	-	2.423.395	(2.423.024)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(3.367)	-	(3.367)	-	(3.367)
Biến động khác	-	-	588	-	-	588	14.934	15.522
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	8.848.079	-	2.516.873	958.871	-	3.475.744	965.753	13.289.576
Chuyển sang vốn cổ phần	30.000	-	-	-	-	-	(30.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	659.071	659.071
Trích lập các quỹ	-	-	835.738	60.869	-	896.607	(896.607)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(436)	-	(436)	-	(436)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(28.844)	(28.844)
Biến động khác	-	-	-	-	474	474	228	702
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	8.878.079	-	3.352.611	1.019.304	474	4.372.389	669.601	13.920.069

Vốn cổ phần

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	Triệu VNĐ	Số cổ phiếu	Triệu VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	887.807.871	8.878.079	884.807.871	8.848.079
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	887.807.871	8.878.079	884.807.871	8.848.079
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	887.807.871	8.878.079	884.807.871	8.848.079

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng.

Như đã đề cập ở Thuyết minh 3(s) và Thuyết minh 20, trái phiếu chuyển đổi bắt buộc có thứ tự ưu tiên như cổ phiếu phổ thông đối với tài sản còn lại của Ngân hàng.

23. THU NHẬP LÃI THUẦN

	2013 Triệu VNĐ	2012 Triệu VNĐ
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự từ		
Thu nhập lãi tiền gửi	1.030.519	3.235.370
Thu nhập lãi cho vay	7.383.889	8.525.583
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán nợ	4.866.897	5.861.911
	13.281.305	17.622.864
Chi phí lãi và các chi phí tương tự cho		
Chi phí lãi tiền gửi	(8.029.476)	10.350.909)
Chi phí lãi tiền vay	(542.787)	(816.013)
Chi phí lãi phát hành giấy tờ có giá	(373.380)	(1.340.369)
	(8.945.643)	(12.507.291)
	4.335.662	5.115.573

24. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2013 Triệu VNĐ	2012 Triệu VNĐ
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ bảo lãnh	100.525	106.185
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt (*)	728.309	606.468
Dịch vụ ngân quỹ (*)	18.429	17.283
Dịch vụ ủy thác và đại lý	1.759	1.370
Dịch vụ tư vấn	112.125	93.437
Dịch vụ khác (*)	188.891	226.543
	1.150.038	1.051.286
Chi phí hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	(137.709)	(113.382)
Chi phí dịch vụ viễn thông	(36.006)	(47.684)
Dịch vụ ngân quỹ (*)	(55.739)	(76.410)
Dịch vụ tư vấn	(74.298)	(156.475)
Dịch vụ khác (*)	(110.043)	(91.932)
	(413.795)	(485.883)
	736.243	565.403

(*) Số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách phân loại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

25. LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI VÀ VÀNG

	2013 Triệu VNĐ	2012 Triệu VNĐ
Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối và vàng		
Thu nhập từ kinh doanh ngoại tệ	560.436	344.327
Thu nhập từ kinh doanh vàng	87.415	630.914
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	224.861	202.368
	872.712	1.177.609
Chi phí từ kinh doanh ngoại hối và vàng		
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(637.044)	(607.607)
Chi phí hoạt động kinh doanh vàng	(180.278)	(531.679)
Chi phí các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(176.891)	(177.186)
	(994.213)	(1.316.472)
	(121.501)	(138.863)

26. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2013 Triệu VNĐ	2012 Triệu VNĐ
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	137.423	-
Chi phí mua bán chứng khoán kinh doanh	(62.271)	(15.000)
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 7)	(21.958)	(28.823)
Hoàn nhập dự phòng từ mua bán chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 7)	51.943	46.524
	105.137	2.701

27. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2013 Triệu VNĐ	2012 Triệu VNĐ
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	199.051	65.213
Chi phí mua bán chứng khoán đầu tư	(264.991)	(24.153)
Chi phí dự phòng từ giảm giá chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 11)	(62.027)	(285.597)
Hoàn nhập dự phòng từ giảm giá chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 11)	288.877	69.494
	160.910	(175.043)

28. THU NHẬP THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2013 Triệu VNĐ	2012 Triệu VNĐ
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác		
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác	100.215	7.093
Thu hồi nợ đã xóa sổ trong những năm trước	63.392	52.908
Thu nhập từ thanh lý tài sản	630	155.419
Thu nhập từ các khoản đặt cọc văn phòng	161.900	223.344
Thu nhập khác	412.509	179.084
	738.646	617.848
Chi phí hoạt động kinh doanh khác		
Chi phí các công cụ tài chính phái sinh khác	(66.418)	(13.595)
Chi phí khác	(258.096)	(242.638)
	(324.514)	(256.233)
	414.132	361.615

29. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	2013 Triệu VNĐ	2012 Triệu VNĐ
Cổ tức nhận được trong năm từ góp vốn, mua cổ phần		
• Từ chứng khoán vốn kinh doanh	5.751	11.337
• Từ chứng khoán vốn đầu tư	5.503	11.079
• Từ góp vốn, đầu tư dài hạn	5.999	7.576
	17.253	29.992

30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2013 Triệu VNĐ	2012 Triệu VNĐ
Lương và các chi phí liên quan	1.385.789	1.388.235
Chi phí in ấn, tiếp thị và khuyến mại	278.924	509.562
Chi phí thuê văn phòng và tài sản (*)	414.004	396.868
Khấu hao tài sản cố định (*)	287.287	222.107
Thuế, lệ phí và phí	109.331	123.435
Chi phí dụng cụ và thiết bị	80.800	59.930
Chi phí thông tin liên lạc	36.947	39.448
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa tài sản	173.493	207.372
Chi phí điện nước	57.880	51.149
Chi phí bảo hiểm cho các khoản tiền gửi khách hàng	106.192	79.498
Công tác phí	28.588	29.965
Chi phí dự phòng khác	13.561	-
Chi phí hoạt động khác (*)	382.870	186.472
	3.355.666	3.294.041

(*) Số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách phân loại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

31. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	Thuyết minh	2013 Triệu VNĐ	2012 Triệu VNĐ
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng chung cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	(18.479)	53.611
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng cụ thể cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	(2.300)	2.300
Chi phí dự phòng chung cho vay khách hàng	10	86.323	248.171
Chi phí dự phòng cụ thể cho vay khách hàng	10	2.042.613	1.873.708
Hoàn nhập dự phòng cho vay khách hàng	10	(689.941)	(731.597)
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng cho các cam kết ngoại bảng	21	(4.252)	3.288
		1.413.964	1.449.481

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25,00% trên tổng lợi nhuận chịu thuế (năm 2012: 25,00%). Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	2013 Triệu VNĐ	2012 Triệu VNĐ
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế	878.206	1.017.856
<i>Điều chỉnh:</i>		
• Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(17.253)	(29.992)
• Các khoản chi phí không được khấu trừ		25.512
• Thu nhập khác không chịu thuế	(7.608)	-
• Chuyển lỗ năm trước của công ty con	(761)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	852.584	1.013.376
Chi phí thuế TNDN trong năm hiện hành	213.146	253.344
<i>Điều chỉnh (*)</i>	211	3.148
Thuế TNDN phải trả phát sinh trong năm	213.357	256.492
Thuế TNDN phải trả đầu năm	(194.676)	816.704
Thuế TNDN đã trả trong năm	(38.545)	(1.267.872)
Thuế TNDN được khấu trừ cuối năm	(19.864)	(194.676)

(*) Điều chỉnh thuế TNDN của Công ty con của Ngân hàng năm 2010 và năm 2011

33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(i) Lợi nhuận thuần sau thuế

	2013 Triệu VNĐ	2012 Triệu VNĐ
Lợi nhuận thuần sau thuế	659.071	765.686

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2013	2012
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm tính đến ngày 1 tháng 1	884.807.871	878.807.871
Ảnh hưởng của việc phát hành trái phiếu chuyển đổi	213.199.321	213.199.321
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu cho nhân viên trong năm	552.198	1.923.288
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	1.098.559.390	1.093.930.480

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	600	700

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

(i) Lợi nhuận thuần sau thuế (suy giảm)

	2013 Triệu VNĐ	2012 Triệu VNĐ
Lợi nhuận thuần sau thuế (cơ bản)	659.071	765.686
Lợi nhuận thuần sau thuế (suy giảm)	659.071	765.686

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (suy giảm)

	2013	2012 (số trình bày lại)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (cơ bản)	1.098.559.390	1.093.930.480
Ảnh hưởng của trái phiếu chuyển đổi (*)	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm)	1.098.559.390	1.093.930.480

(iii) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	2013	2012 (số trình bày lại)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	600	700

(*) Trái phiếu chuyển đổi có tác động suy giảm ngược đối với lãi trên cổ phiếu nên không được bao gồm trong tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu.

34. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0,00% đến 100,00% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết như sau:

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	1.425.112	2.155.884
Bảo lãnh vay vốn	7.297	13.800
Bảo lãnh dự thầu	212.321	199.197
Bảo lãnh thanh toán	2.465.589	2.476.219
Bảo lãnh khác	7.227.996	2.581.316
Cam kết thư tín dụng	9.240.217	7.240.069
	20.578.532	14.666.485

35. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Tiền mặt và vàng (Thuyết minh 4)	2.291.494	4.529.185
Tiền gửi tại NHNNVN (Thuyết minh 5)	2.830.794	5.576.747
Chứng khoán đầu tư có kỳ hạn dưới 3 tháng	3.670.246	1.500.000
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	8.404.194	11.016.037
	17.196.728	22.621.969

36. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan. Các điều khoản của những giao dịch này được thực hiện theo các quy định của Ngân hàng và do Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt.

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm và trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Số dư 31/12/2013 Triệu VNĐ	Số dư 31/12/2013 Triệu VNĐ
Tiền cho vay của Ngân hàng Công ty CP Công Nghệ Môi Trường và Xây Dựng Sài Gòn (SENGO)	Bên liên quan có thành viên trong Ban Điều hành Ngân hàng	1.490	-
Công ty CP Cửa sổ nhựa Châu Âu	Bên liên quan có thành viên trong Ban Điều hành Ngân hàng	478.430	407.828
Tiền gửi tại Ngân hàng Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	Cổ đông và Bên liên quan có thành viên trong Ban Điều hành Ngân hàng	-	502.563
Công ty CP Hàng tiêu dùng Masan (trước là Công ty CP Thực phẩm Masan)	Cổ đông và Bên liên quan có thành viên trong Ban Điều hành Ngân hàng	2.824.788	1.109.662
Công ty Cổ phần Masan	Cổ đông và Bên liên quan có thành viên trong Ban Điều hành Ngân hàng	1.113	1.295
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Cổ đông và Bên liên quan có thành viên trong Ban Điều hành Ngân hàng	237.622	836.365
Công ty CP Đầu tư T&M Việt Nam	Bên liên quan có thành viên trong Ban Điều hành Ngân hàng	45	45
Công ty CP Đầu tư TTTM Vinh	Bên liên quan có thành viên trong Ban Điều hành Ngân hàng	32	17
Công ty CP Cửa sổ nhựa Châu Âu	Bên liên quan có thành viên trong Ban Điều hành Ngân hàng	5.365	5.211
Công ty CP Đầu tư Trung tâm thương mại Hà Nội – Matxcova	Bên liên quan có thành viên trong Ban Điều hành Ngân hàng	12	4
Sàn giao dịch Bất động sản – CN Công ty Eurowindow Holdings	Bên liên quan có thành viên trong Ban Điều hành Ngân hàng	28	137
Công ty CP Công Nghệ Môi Trường và Xây Dựng Sài Gòn (SENGO)	Bên liên quan có thành viên trong Ban Điều hành Ngân hàng	146	-
Phải thu khác Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Cổ đông và Bên liên quan có thành viên trong Ban Điều hành Ngân hàng	134.623	-

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD - HN

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm và trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch 2013 Triệu VNĐ	Giao dịch 2013 Triệu VNĐ
Thu nhập lãi			
Công ty CP Công Nghệ Môi Trường và Xây Dựng Sài Gòn (SENCO)	Bên liên quan có thành viên trong Ban Điều hành Ngân hàng	188	-
Công ty CP đầu tư TTTM Vinh	Bên liên quan có thành viên trong Ban Điều hành Ngân hàng	45.250	-
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam)	Cổ đông và Bên liên quan có thành viên trong Ban Điều hành Ngân hàng	19	15.574
Công ty CP Cửa sổ nhựa Châu Âu	Bên liên quan có thành viên trong Ban Điều hành Ngân hàng	36.553	47.730
Chi phí lãi			
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam)	Cổ đông và Bên liên quan có thành viên trong Ban Điều hành Ngân hàng	8.614	22.742
Công ty CP Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là Công ty Thực phẩm Masan)	Cổ đông và Bên liên quan có thành viên trong Ban Điều hành Ngân hàng	81.044	65.706
Công ty Cổ phần Masan	Cổ đông và Bên liên quan có thành viên trong Ban Điều hành Ngân hàng	34	102
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Cổ đông và Bên liên quan có thành viên trong Ban Điều hành Ngân hàng	13.509	188.179
Công ty CP Cửa sổ nhựa Châu Âu	Bên liên quan có thành viên trong Ban Điều hành Ngân hàng	28	79
Công ty CP đầu tư TTTM Vinh	Bên liên quan có thành viên trong Ban Điều hành Ngân hàng	55.959	2
Công ty CP Công Nghệ Môi Trường và Xây Dựng Sài Gòn (SENCO)	Bên liên quan có thành viên trong Ban Điều hành Ngân hàng	47	-

37. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ NHÂN VIÊN

	2013	2012
Tổng số cán bộ, nhân viên tại ngày 31 tháng 12 (người)	7.290	7.168
Số lượng cán bộ, nhân viên bình quân trong năm (người)	7.229	7.752
Thu nhập của cán bộ, nhân viên		
1. Lương (triệu VNĐ)	1.127.677	1.146.809
2. Các khoản phụ cấp và thu nhập khác (triệu VNĐ)	258.112	241.426
	1.385.789	1.388.235
Tiền lương bình quân tháng/người (triệu VNĐ)	13	12
Thu nhập bình quân tháng/người (triệu VNĐ)	16	15

38. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013

(Triệu VNĐ)	31/12/2012	Số phát sinh trong năm	Điều chỉnh	Số đã nộp trong năm	31/12/2013
Thuế giá trị gia tăng	22.841	288.769	-	(291.648)	19.962
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(194.676)	213.146	211	(38.545)	(19.864)
Các loại thuế khác	16.882	117.588	-	(119.337)	15.133
	(154.953)	619.503	211	(449.530)	15.231

Năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012

(Triệu VNĐ)	31/12/2011	Số phát sinh trong năm	Điều chỉnh	Số đã nộp trong năm	31/12/2012
Thuế giá trị gia tăng	7.807	92.041	-	(77.007)	22.841
Thuế thu nhập doanh nghiệp	816.704	253.344	3.148	(1.267.872)	(194.676)
Các loại thuế khác	20.335	121.387	-	(124.840)	16.882
	844.846	466.772	3.148	(1.469.719)	(154.953)

39. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Triệu VNĐ)	Tổng dư nợ cho vay	Tổng tiền gửi	CCTC phát sinh	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
Trong nước	73.874.143	124.542.972	16.858.893	50.784.626
Nước ngoài	-	-	194.910	-
	73.874.143	124.542.972	17.053.803	50.784.626

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Triệu VNĐ)	Tổng dư nợ cho vay	Tổng tiền gửi	CCTC phát sinh	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
Trong nước	78.457.775	126.383.006	12.807.694	47.788.339
Nước ngoài	-	-	223.650	-
	78.457.775	126.383.006	13.031.344	47.788.339

40. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận chia theo vùng địa lý

Ngân hàng theo dõi thông tin chia theo các vùng địa lý chính tại Việt Nam như sau:

(Triệu VND)	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Tổng cộng	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
Tài sản	105.658.924	149.603.049	6.078.157	3.011.155	47.159.582	27.319.394	158.896.663	179.933.598
Nợ phải trả	92.648.590	136.773.144	5.923.604	3.013.458	46.404.400	26.857.420	144.976.594	166.644.022
Tài sản cố định	974.989	1.060.245	11.276	17.796	46.472	68.383	1.032.737	1.146.424

(Triệu VND)	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Tổng cộng	
	2013	2012	2013	2012	2013	2012	2013	2012
Doanh thu trực tiếp	11.158.503	13.215.627	603.393	842.103	4.891.367	5.344.484	16.653.263	19.402.214
Chi phí (*)	(11.227.030)	(12.657.443)	(445.085)	(844.405)	(4.102.942)	(4.882.510)	(15.775.057)	(18.384.358)
Lợi nhuận/(lỗ) gộp trước thuế	(68.527)	558.184	158.308	(2.302)	788.425	461.974	878.206	1.017.856

(*) Đây là chi phí trực tiếp và không bao gồm khoản phân bổ chi phí của Hội sở.

Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Techcombank hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng bán lẻ, quản lý tài sản, kinh doanh chứng khoán và quản lý quỹ.

(Triệu VND)	Ngân hàng		Quản lý tài sản		Kinh doanh chứng khoán		Quản lý quỹ		Loại bỏ		Tổng cộng	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
Tài sản	157.227.975	177.935.663	2.685.317	3.839.377	506.948	418.808	47.624	44.297	(1.571.201)	(2.304.547)	158.896.663	179.933.598
Nợ phải trả	143.599.987	164.833.838	2.190.970	3.349.004	2.203	13.974	4.635	1.753	(821.201)	(1.554.547)	144.976.594	166.644.022
Tài sản cố định	1.000.346	1.111.909	31.230	32.741	1.161	1.714	-	60	-	-	1.032.737	1.146.424

(Triệu VND)	Ngân hàng		Quản lý tài sản		Kinh doanh chứng khoán		Quản lý quỹ		Loại bỏ		Tổng cộng	
	2013	2012	2013	2012	2013	2012	2013	2013	2013	2012	2013	2012
Doanh thu	16.461.237	19.206.432	376.916	489.928	159.524	118.419	8.698	7.346	(353.112)	(419.911)	16.653.263	19.402.214
Chi phí	(15.726.128)	(17.984.746)	(366.412)	(489.005)	(27.516)	(13.186)	(8.113)	(7.332)	353.112	109.911	(15.775.057)	(18.384.358)
Lợi nhuận trước thuế	735.109	1.221.686	10.504	923	132.008	105.233	585	14	-	(310.000)	878.206	1.017.856

41. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Phần này cung cấp chi tiết về các rủi ro mà Ngân hàng có thể gặp phải và mô tả chi tiết các chính sách và phương pháp mà Ban Điều hành Ngân hàng sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà Ngân hàng dễ gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

(i) Chính sách quản lý rủi ro

Định hướng của Ngân hàng là trở thành một tập đoàn tài chính đa năng. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm huy động vốn từ khách hàng (bằng sản phẩm tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá) và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp Ngân hàng đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, Ngân hàng phải duy trì cơ cấu danh mục tài sản, công nợ và nguồn vốn (bao gồm các khoản mục nội bảng và ngoại bảng) vì mục tiêu an toàn, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Bên cạnh đó, Ngân hàng thực hiện đầu tư vào các chứng khoán hay cấp tín dụng cho các ngân hàng khác. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Thông qua việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao, cơ cấu bảng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản. Thêm vào đó, Ngân hàng cũng tham gia vào nhiều giao dịch phòng ngừa rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính như các cam kết hoán đổi ngoại tệ cho mục đích quản lý rủi ro lãi suất.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng đã sử dụng có hiệu quả Cẩm nang Tín dụng trong đó quy định chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro ở mức độ hợp lý, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. Ngân hàng thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của Ngân hàng đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép Ngân hàng giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro vốn có trong hoạt động kinh doanh của các ngân hàng. Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Ngân hàng đã duy trì một chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

- Thiết lập một môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp;
- Hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh;
- Duy trì một quy trình quản lý, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; và
- Đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

Ngân hàng tiến hành xét duyệt tín dụng qua nhiều cấp để đảm bảo một khoản tín dụng được xem xét một cách độc lập; đồng thời, việc phê duyệt các khoản vay được thực hiện trên cơ sở hạn mức tín dụng được giao cho từng cấp có thẩm quyền. Bên cạnh đó, mô hình phê duyệt tín dụng của Ngân hàng có sự tham gia của Hội đồng Tín dụng để đảm bảo hoạt động phê duyệt tín dụng được tập trung với chất lượng cao nhất.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD - HN

Số liệu thể hiện trung thực nhất mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của Ngân hàng, không tính đến tài sản đảm bảo hay hỗ trợ tín dụng, bao gồm:

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	15.455.879	31.355.867
<i>Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác</i>	11.856.655	21.159.534
<i>Cho vay tổ chức tín dụng khác</i>	3.599.224	10.196.333
Chứng khoán kinh doanh - gộp	688.776	599.121
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	40.868
Cho vay khách hàng - gộp	70.274.919	68.261.442
Chứng khoán đầu tư - gộp	49.793.363	46.666.041
<i>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</i>	46.099.526	43.573.589
<i>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</i>	3.693.837	3.092.452
Tài sản Có khác (*)	15.601.578	21.068.846
	151.814.515	167.992.185

Thông tin về chất lượng tín dụng của các tài sản tài chính chưa quá hạn và chưa bị giảm giá như sau:

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	15.455.879	31.309.867
<i>Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác</i>	11.856.655	21.159.534
<i>Cho vay tổ chức tín dụng khác</i>	3.599.224	10.150.333
Chứng khoán kinh doanh - gộp	688.776	599.121
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	40.868
Cho vay khách hàng - gộp	63.736.184	64.415.288
Chứng khoán đầu tư - gộp	49.168.363	46.141.041
<i>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</i>	45.474.526	43.048.589
<i>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</i>	3.693.837	3.092.452
Tài sản Có khác (*)	15.587.240	20.905.788
	144.636.442	163.411.973

(*) Số liệu so sánh đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD - HN

Thông tin về tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Triệu VNĐ)	Quá hạn dưới 90 ngày	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày	Quá hạn trên 360 ngày	Tổng cộng
Cho vay khách hàng – gộp	633.771	160.958	479.979	107.366	1.382.074
Chứng khoán đầu tư – gộp	300.000	-	-	325.000	625.000
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	300.000	-	-	325.000	625.000
	933.771	160.958	479.979	432.366	2.007.074

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Triệu VNĐ)	Quá hạn dưới 90 ngày	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày	Quá hạn trên 360 ngày	Tổng cộng
Cho vay khách hàng – gộp	724.322	54.519	166.097	61.640	1.006.578
Tài sản có khác	70.445	28.930	-	-	99.375
	794.767	83.449	166.097	61.640	1.105.953

Thông tin về tài sản tài chính đã quá hạn và đã bị giảm giá như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Triệu VNĐ)	Quá hạn dưới 90 ngày	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày	Quá hạn trên 360 ngày	Tổng cộng
Cho vay khách hàng	3.338.720	286.940	648.870	882.131	5.156.661
Tài sản Có khác	-	-	-	14.338	14.338
	3.338.720	286.940	648.870	896.469	5.170.999

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Triệu VNĐ)	Quá hạn dưới 90 ngày	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày	Quá hạn trên 360 ngày	Tổng cộng
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	46.000	-	-	-	46.000
Cho vay tổ chức tín dụng khác	46.000	-	-	-	46.000
Cho vay khách hàng – gộp	1.281.360	53.811	682.526	821.879	2.839.576
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	-	-	525.000	525.000
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	-	-	-	525.000	525.000
Tài sản Có khác	-	-	24.985	38.698	63.683
	1.327.360	53.811	707.511	1.385.577	3.474.259

Chi tiết về các tài sản đảm bảo của Ngân hàng nắm giữ làm tài sản thế chấp như sau:		
	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Bất động sản	98.546.071	89.407.354
Máy móc thiết bị	36.272.830	41.318.409
Giấy tờ có giá	28.442.971	38.265.118
Các tài sản đảm bảo khác	50.791.715	50.115.402
	214.053.587	219.106.283

(iii) *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình Ngân hàng huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của Ngân hàng. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời hạn còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến lần thanh toán cuối cùng theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán;
- Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đáo hạn của hợp đồng. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn;
- Thời gian đáo hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn năm năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- Các khoản tiền gửi và vay của các TCTD khác và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và là tiền gửi không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- Thời gian đáo hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản;
- Thời gian đáo hạn của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá;
- Thời gian đáo hạn của khoản mục nguồn vốn tài trợ uỷ thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của từng khoản vốn tài trợ uỷ thác đầu tư;
- Thời gian đáo hạn của các khoản nợ khác được xếp loại theo thời gian đáo hạn thực tế của từng khoản nợ.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD - HN

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và công nợ tài chính của Ngân hàng theo các nhóm kỳ đáo hạn như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Triệu VND)	Quá hạn dưới 3 tháng	Quá hạn trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	-	2.291.494	-	-	-	-	2.291.494
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	2.830.794	-	-	-	-	2.830.794
Tiền gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng - gộp	-	-	8.135.649	3.986.092	2.442.500	650.000	241.638	15.455.879
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	921.035	-	-	-	-	921.035
Cho vay khách hàng - gộp	3.972.491	2.566.244	5.009.640	9.269.439	25.264.376	10.510.562	13.682.167	70.274.919
Chứng khoán đầu tư - gộp	300.000	325.000	3.670.180	1.634.821	12.979.221	28.131.925	2.822.444	49.863.591
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-	-	128.625	128.625
Tài sản cố định	-	-	108.842	76	10.397	402.931	1.931.960	2.454.206
và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản có khác - gộp	-	14.338	8.608.934	1.059.253	3.272.882	2.998.853	13.792	15.968.052
	4.272.491	2.905.582	31.576.568	15.949.681	43.969.376	42.694.271	18.820.626	160.188.595
Nợ phải trả								
Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	6.844.382	4.578.308	1.897.899	1.899.225	5.160	15.224.974
Tiền gửi của khách hàng	-	-	67.742.527	20.762.464	30.393.909	1.048.752	30.272	119.977.924
Các công cụ tài chính phái sinh và công nợ tài chính khác	-	-	(50.355)	24.418	99.489	(395)	-	73.157
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	2.505	3.667	13.798	40.212	3.955	64.137
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.070.335	70.000	1.500.000	3.000.037	2.923	5.643.295
Các khoản nợ phải trả khác	-	-	1.407.829	842.990	1.544.404	85.542	532	3.881.297
	-	-	77.017.223	26.281.847	35.449.499	6.073.373	42.842	144.864.784
Mức chênh thanh khoản ròng	4.272.491	2.905.582	(45.440.655)	(10.332.166)	8.519.877	36.620.898	18.777.784	15.323.811

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD - HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Triệu VNĐ)	Quá hạn dưới 3 tháng	Quá hạn trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền và vàng	-	-	4.529.185	-	-	-	-	4.529.185
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	5.576.747	-	-	-	-	5.576.747
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	46.000	-	17.210.180	5.412.945	3.830.104	4.615.000	241.638	31.355.867
Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	-	595.643	95.079	109.648	-	-	800.370
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	97.928	(32.163)	(24.897)	-	-	40.868
Cho vay khách hàng – gộp	2.185.120	1.414.548	5.458.137	8.941.544	20.359.714	16.583.109	13.319.270	68.261.442
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	525.000	2.447.957	1.377.142	10.659.000	29.700.486	2.278.384	46.987.969
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	92.825	92.825
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư (*)	-	-	-	78	3.621	109.127	2.362.991	2.475.817
Tài sản có khác – gộp	70.445	46.612	13.701.970	1.610.752	3.279.198	2.692.598	-	21.401.575
	2.301.565	1.986.160	49.617.747	17.405.377	38.216.388	53.700.320	18.295.108	181.522.665
Nợ phải trả								
Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	19.007.356	7.120.559	9.746.258	3.290.730	5.502	39.170.405
Tiền gửi của khách hàng	-	-	62.891.439	19.409.670	28.386.329	723.887	50.963	111.462.288
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	4.267	12.432	12.940	93.381	4.933	127.953
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	3.085.978	480.630	1.218.028	510.735	5.155.472	10.450.843
Các khoản nợ phải trả khác	-	10.870	2.590.113	1.239.738	915.718	558.696	1.336	5.316.471
	-	10.870	87.579.153	28.263.029	40.279.273	5.177.429	5.218.206	166.527.960
Mức chênh thanh khoản ròng	2.301.565	1.975.290	(37.961.406)	(10.857.652)	(2.062.885)	48.522.891	13.076.902	14.994.705

(*) Số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách phân loại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

*(iv) Rủi ro thị trường**Rủi ro lãi suất*

Các hoạt động của Ngân hàng chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản công nợ cụ thể.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền mặt và vàng; góp vốn, đầu tư dài hạn, tài sản cố định và các khoản nợ khác được xếp loại vào khoản mục không bị định giá lại lãi suất;
- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác không kỳ hạn được xếp loại vào khoản mục không bị định giá lại lãi suất;
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của từng loại chứng khoán;
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác; các khoản cho vay khách hàng; tài sản Có khác; các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các khoản tiền gửi và vay của các TCTD khác và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá;
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của từng khoản vốn tài trợ ủy thác đầu tư;
- Thời hạn định lại lãi suất của các khoản nợ khác được xếp loại theo thời gian đáo hạn thực tế của từng khoản nợ.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và công nợ của Ngân hàng được phân loại theo thời hạn định giá lại theo hợp đồng hoặc theo ngày đáo hạn và lãi suất thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD - HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Triệu VND)	Quá hạn	Không chịu lãi	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 tháng đến 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản									
Tiền mặt và vàng	-	2.291.494	-	-	-	-	-	-	2.291.494
Tiền gửi tại NHNNVN	-	2.830.794	-	-	-	-	-	-	2.830.794
Tiền gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng - gộp	-	3.904.705	4.230.944	4.950.230	2.050.000	320.000	-	-	15.455.879
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	232.259	-	-	-	-	688.776	-	921.035
Cho vay khách hàng - gộp	6.538.735	-	36.037.919	10.161.204	6.606.134	9.308.639	1.602.520	19.768	70.274.919
Chứng khoán đầu tư - gộp	625.000	347.970	4.300.018	4.555.024	6.397.000	9.273.630	20.586.004	3.778.945	49.863.591
Góp vốn đầu tư dài hạn	-	128.625	-	-	-	-	-	-	128.625
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	2.454.206	-	-	-	-	-	-	2.454.206
Tài sản có khác - gộp	14.338	15.453.714	-	500.000	-	-	-	-	15.968.052
	7.178.073	27.643.767	44.568.881	20.166.458	15.053.134	18.902.269	22.877.300	3.798.713	160.188.595
Nợ phải trả									
Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác	-	1.467.005	5.996.037	4.578.308	3.158.069	25.555	-	-	15.224.974
Tiền gửi của khách hàng	-	19.233.310	49.040.896	20.752.610	15.713.955	14.410.417	818.215	8.521	119.977.924
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	(50.751)	24.418	32.019	67.471	-	-	73.157
Các công cụ tài chính phái sinh và công nợ tài chính khác	-	-	36.818	27.319	-	-	-	-	64.137
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.070.341	70.000	-	500.000	4.000.030	2.924	5.643.295
Các khoản nợ phải trả khác	-	3.881.297	-	-	-	-	-	-	3.881.297
	-	24.581.612	56.093.341	25.452.655	18.904.043	15.003.443	4.818.245	11.445	144.864.784
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội bảng	7.178.073	3.062.155	(11.524.460)	(5.286.197)	(3.850.909)	3.898.826	18.059.055	3.787.268	15.323.811

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD - HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Triệu VND)	Quá hạn	Không chịu lãi	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 tháng đến 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản									
Tiền và vàng	-	4.529.185	-	-	-	-	-	-	4.529.185
Tiền gửi tại NHNNVN	-	5.576.747	-	-	-	-	-	-	5.576.747
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	46.000	11.016.037	8.260.903	5.590.067	2.393.500	2.499.360	1.550.000	-	31.355.867
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	201.249	599.121	-	-	-	-	-	800.370
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	97.928	(32.163)	(16.432)	(8.465)	-	-	40.868
Cho vay khách hàng - gộp	3.599.668	-	41.439.137	7.701.904	7.685.203	2.677.470	5.158.060	-	68.261.442
Chứng khoán đầu tư - gộp	525.000	671.487	3.039.470	2.927.142	9.736.000	14.354.000	15.734.870	-	46.987.969
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	92.825	-	-	-	-	-	-	92.825
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư (*)	-	2.475.817	-	-	-	-	-	-	2.475.817
Tài sản có khác - gộp	163.057	19.162.569	52.949	1.000.000	-	223.000	800.000	-	21.401.575
	4.333.725	43.725.916	53.489.508	17.186.950	19.798.271	19.745.365	23.242.930	-	181.522.665
Nợ phải trả									
Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác	-	7.138.641	12.806.400	7.328.838	5.824.132	6.072.394	-	-	39.170.405
Tiền gửi của khách hàng	-	14.819.118	56.959.381	20.383.929	8.215.005	10.674.720	410.135	-	111.462.288
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	76.068	49.737	2.148	-	-	-	127.953
Phát hành giấy tờ có giá	-	10.705	6.085.978	480.630	114.458	3.603.570	155.502	-	10.450.843
Các khoản nợ khác (*)	10.870	5.198.200	-	107.401	-	-	-	-	5.316.471
	10.870	27.166.664	75.927.827	28.350.535	14.155.743	20.350.684	565.637	-	166.527.960
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội bảng	4.322.855	16.559.252	(22.438.319)	(11.163.585)	5.642.528	(605.319)	22.677.293	-	14.994.705

(*) Số liệu đã được phân loại lại cho phù hợp với cách phân loại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

(iv) *Rủi ro thị trường (tiếp theo)*

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là Đồng Việt Nam. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là Đồng Việt Nam. Các khoản cho vay khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ. Một số tài sản khác của Ngân hàng bằng ngoại tệ khác ngoài Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ. Ngân hàng đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ.

Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD - HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Triệu VND)	USD	EUR	Vàng	Tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản					
Tiền mặt và vàng	447.231	87.739	41.000	151.502	727.472
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	685.129	-	-	-	685.129
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	5.843.689	160.745	-	431.869	6.436.303
Cho vay khách hàng - gộp	8.944.405	71.373	-	4.146	9.019.924
Chứng khoán đầu tư – gộp	1.573.279	-	-	-	1.573.279
Tài sản có khác - gộp	114.698	544	-	-	115.242
	17.608.431	320.401	41.000	587.517	18.557.349
Nợ phải trả					
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	11.226.211	11	-	-	11.226.222
Tiền gửi của khách hàng	10.759.188	441.204	-	488.469	11.688.861
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	(3.983.255)	(4.028)	(29.531)	(10.026)	(4.026.840)
Phát hành giấy tờ có giá	325	-	-	-	325
Các khoản nợ khác	139.692	1.960	7	39.448	181.107
	18.142.161	439.147	(29.524)	517.891	19.069.675
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(533.730)	(118.746)	70.524	69.626	(512.326)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	(1.817.616)	115.736	-	(6.882)	(1.708.762)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(2.351.346)	(3.010)	70.524	62.744	(2.221.088)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD - HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Triệu VNĐ)	USD	EUR	Vàng	Tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản					
Tiền và vàng	393.876	77.499	2.228.240	103.698	2.803.313
Tiền gửi tại NHNNVN	786.505	-	-	-	786.505
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	17.644.359	354.891	-	241.672	18.240.922
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	3.069.090	(55.204)	444.802	(103.912)	3.354.776
Cho vay khách hàng - gộp	13.229.885	220.515	-	105.732	13.556.132
Chứng khoán đầu tư - gộp	944.304	-	-	-	944.304
Tài sản có khác - gộp	382.960	1.084	-	-	384.044
	36.450.979	598.785	2.673.042	347.190	40.069.996
Nợ phải trả					
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	25.715.853	82.227	-	109	25.798.189
Tiền gửi của khách hàng	12.627.642	492.995	-	147.361	13.267.998
Phát hành giấy tờ có giá	132.358	-	2.471.584	-	2.603.942
Các khoản nợ khác	1.005.445	5.154	198.682	4.693	1.213.974
	39.481.298	580.376	2.670.266	152.163	42.884.103
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(3.030.319)	18.409	2.776	195.027	(2.814.107)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	1.302.101	(18.166)	-	(90.654)	1.193.281
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(1.728.218)	243	2.776	104.373	(1.620.826)

42. CAM KẾT

(i) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ngân hàng không có cam kết chi tiêu vốn.

(ii) Hợp đồng thuê

Các khoản phải trả tối thiểu theo những hợp đồng thuê tài sản hoạt động không hủy ngang như sau:

	31/12/2013 Triệu VNĐ	31/12/2012 Triệu VNĐ
Dưới một (01) năm	6.478	16.040
Từ hai (02) đến năm (05) năm	24.834	-
Trên năm (05) năm	-	-
	31.312	16.040

43. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Thông tư 210 yêu cầu thuyết minh về giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD - HN

Tại ngày 31/12/2013

Giá trị ghi sổ							
	Kinh doanh Triệu VNĐ	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu VNĐ	Cho vay và phải thu Triệu VNĐ	Sẵn sàng để bán Triệu VNĐ	Hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu VNĐ	Tổng cộng giá trị ghi sổ Triệu VNĐ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính							
I Tiền mặt và vàng	-	-	-	-	2.291.494	2.291.494	2.291.494
II Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	-	2.830.794	2.830.794	2.830.794
III Tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	921.035	-	15.455.879	-	-	15.455.879	(**)
IV Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	-	-	-	921.035	(**)
V Cho vay khách hàng - gộp	-	-	70.274.919	-	-	70.274.919	(**)
VI Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-	-	46.169.754	-	46.169.754	(**)
VII Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	3.693.837	-	-	-	3.693.837	(**)
VIII Tài sản tài chính khác	-	-	5.256.518	128.625	10.682.956	15.627.862	(**)
	921.035	3.693.837	90.987.316	46.298.379	15.365.007	157.265.574	
Nợ phải trả tài chính							
I Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	15.224.974	15.224.974	(**)
II Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	19.977.924	119.977.924	(**)
III Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	73.157	-	-	-	-	73.157	(**)
IV Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	64.137	64.137	(**)
V Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	5.643.295	5.643.295	(**)
VI Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	3.660.646	3.660.646	(**)
	73.157	-	-	-	- 144.570.976	144.644.133	

(**) Ngân hàng chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản mục này do chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.
Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD - HN

Tại ngày 31/12/2012

Giá trị ghi sổ

	Kinh doanh Triệu VNĐ	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu VNĐ	Cho vay và phải thu Triệu VNĐ	Sẵn sàng để bán Triệu VNĐ	Hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu VNĐ	Tổng cộng giá trị ghi sổ Triệu VNĐ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính							
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý (*)	-	-	-	-	4.529.185	4.529.185	4.529.185
II Tiền gửi tại NHNN (*)	-	-	-	-	5.576.747	5.576.747	5.576.747
III Tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	-	-	31.355.867	-	-	31.355.867	(**)
IV Chứng khoán kinh doanh - gộp	800.370	-	-	-	-	800.370	(**)
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	40.868	-	-	-	-	40.868	(**)
VI Cho vay khách hàng - gộp	-	-	68.261.442	-	-	68.261.442	(**)
VII Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-	-	43.895.517	-	43.895.517	(**)
VIII Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	3.092.452	-	-	-	3.092.452	(**)
IX Tài sản tài chính khác - gộp (*)	-	-	5.895.197	92.825	14.890.510	20.878.532	(**)
	841.238	3.092.452	105.512.506	43.988.342	24.996.442	178.430.980	
Nợ phải trả tài chính							
I Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	39.170.405	39.170.405	(**)
II Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	111.462.288	111.462.288	(**)
III Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro (*)	-	-	-	-	127.953	127.953	(**)
IV Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	10.450.843	10.450.843	(**)
V Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	4.904.207	4.904.207	(**)
	-	-	-	-	166.115.696	166.115.696	

(*) Số liệu đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

(**) Ngân hàng chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản mục này do chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.
Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

44. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Ngân hàng và kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

45. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ VÀO THỜI ĐIỂM KẾT THÚC NĂM

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
USD	21.036	20.828
EUR	28.934	27.398
GBP	34.624	33.457
CHF	23.574	22.623
JPY	199	240
SGD	16.380	16.878
CAD	19.664	20.732
AUD	18.616	21.464
HKD	2.617	2.649
THB	629	669
DKK	3.866	3.662
KWD	74.003	73.367
SEK	3.261	3.179
NOK	3.441	3.704
MYR	6.332	6.726
INR	334	373
KRW	18	18
RUB	585	624
CNY	3.426	3.342
XAU	3.462.000	4.570.000

Người lập

Bùi Thị Khánh Vân
Quyền Kế toán Trưởng
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2014

Người duyệt

Cù Anh Tuấn
Giám đốc Kiểm soát Tài chính Tập đoàn

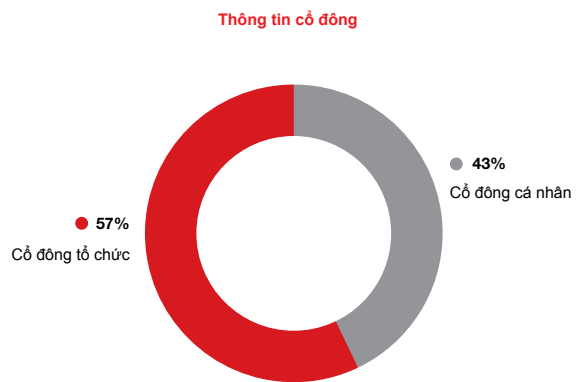


Đỗ Tuấn Anh
Phó Tổng Giám Đốc phụ trách

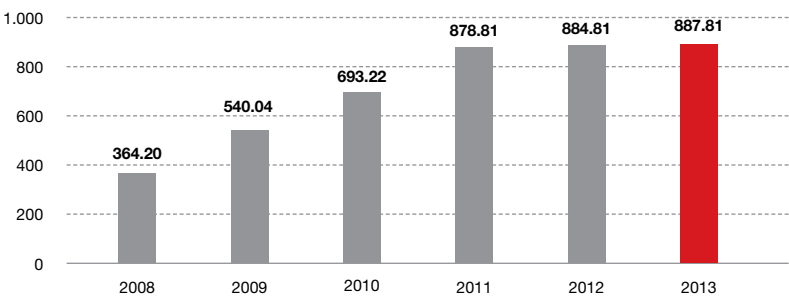
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Thay đổi về vốn cổ đông năm 2013

Năm 2013, Techcombank đã tăng vốn điều lệ từ 8.848 tỷ đồng (Tám nghìn tám trăm bốn mươi tám tỷ đồng) lên 8.878 tỷ đồng (Tám nghìn tám trăm bảy mươi tám tỷ đồng), theo phương án tăng vốn điều lệ đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013. Theo đó, Techcombank đã tăng vốn điều lệ thêm 30 tỷ đồng (ba mươi tỷ đồng) từ nguồn lợi nhuận còn lại chưa phân phối bằng việc thông qua hình thức phát hành thêm 3 triệu cổ phần.



Thống kê thay đổi cổ phiếu qua các năm (2008 - 2013) (triệu cổ phiếu)



Cơ cấu cổ đông tại 31/12/2013

STT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	TỔNG SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU/VỐN ĐIỀU LỆ
I	CỔ ĐÔNG CÁ NHÂN	381.772.423	43,00%
1	Cổ đông cá nhân là thành viên HĐQT, BKS, BDH	30.385.253	3,42%
2	Cổ đông cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên	0	0,00%
3	Cổ đông cá nhân khác	351.387.170	39,58%
II	CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC	506.035.448	57,00%
1	Tập đoàn Dệt may Việt Nam	153.343	0,02%
2	Ngân hàng HSBC	172.353.345	19,41%
3	Công ty CP Tập đoàn Ma San	173.156.468	19,50%
4	Những tổ chức khác	160.372.292	18,06%
TỔNG CỘNG		887.807.871	100,00%

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số	0040/NH - GP Giấy phép hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn 20 năm kể từ ngày cấp. Thời hạn hoạt động được gia hạn lên 99 năm theo Quyết định số 330/QĐ-NH5 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 8 tháng 10 năm 1997.	ngày 6 tháng 8 năm 1993
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	055697 Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh được điều chỉnh 46 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100230800 ngày 25 tháng 10 năm 2013 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.	ngày 7 tháng 9 năm 1993
Hội đồng Quản trị	Ông Hồ Hùng Anh Ông Nguyễn Đăng Quang Ông Nguyễn Thiều Quang Ông Nguyễn Cảnh Sơn Ông Stephen Charles Banner Ông Timothy Mark Francis Kennedy Ông Đỗ Tuấn Anh Ông Lee Boon Huat	Chủ tịch Phó Chủ tịch thứ nhất Phó Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Kiểm soát	Ông Hoàng Huy Trung Ông Mag Rec Soc Oec Romauch Hannes Bà Nguyễn Thu Hiền Bà Bùi Thị Hồng Mai	Trưởng ban kiêm thành viên chuyên trách Thành viên Thành viên chuyên trách Thành viên
Ban Giám Đốc	Ông Đỗ Tuấn Anh Ông Murat Yuldashev Ông Vikesh Mirani Ông Nguyễn Cảnh Vinh Ông Phạm Quang Thắng Ông Phan Thanh Sơn Ông Phùng Quang Hưng Ông Anil Kumar Parimo Bà Đặng Tuyết Dung Ông Sagyndyk Kussainov Ông Nguyễn Quốc Nam Ông Nguyễn Đăng Thanh Ông Lê Anh Quân	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Giám đốc Điều hành Giám đốc Tài chính Tập đoàn Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh Phân phối Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng kiêm Giám đốc Khối Tuân Thủ, Quản trị rủi ro hoạt động và Pháp chế Giám đốc Khối Nguồn vốn & Thị trường Tài chính Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro Giám đốc Khối Ngân hàng Bán buôn Giám đốc Khối Dịch vụ Tài chính cá nhân Giám đốc Khối Quản trị nguồn nhân lực Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp Giám đốc Khối Tiếp thị và Xây dựng thương hiệu
Người đại diện pháp luật	Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Trụ sở đăng ký	191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam	

MẠNG LƯỚI CHI NHÁNH



STT	Tỉnh/Thành phố	Số đơn vị
1	An Giang	1
2	Bắc Giang	2
3	Bắc Ninh	5
4	Bình Định	1
5	Bình Dương	4
6	Bình Phước	1
7	Bình Thuận	1
8	Cà Mau	1
9	Cần Thơ	5
10	Đà Nẵng	10
11	Daklak	2
12	Đồng Nai	6
13	Đồng Tháp	1
14	Gia Lai	1
15	Hà Nội	99
16	Hà Tĩnh	3
17	Hải Dương	3
18	Hải Phòng	9
19	Hồ Chí Minh	100
20	Huế	3
21	Hưng Yên	3
22	Khánh Hoà	4
23	Kiên Giang	1
24	Lâm Đồng	1
25	Lạng Sơn	3
26	Lào Cai	3
27	Long An	1
28	Nam Định	2
29	Nghệ An	4
30	Ninh Bình	1
31	Phú Thọ	3
32	Quảng Nam	2
33	Quảng Ngãi	2
34	Quảng Ninh	5
35	Sóc Trăng	1
36	Tây Ninh	1
37	Thái Bình	1
38	Thái Nguyên	4
39	Thanh Hoá	2
40	Tiền Giang	1
41	Vĩnh Long	1
42	Vĩnh Phúc	4
43	Vũng Tàu	6
44	Yên Bái	1
TỔNG CỘNG		315

Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam
191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T (84-4) 3944 6368 • F (84-4) 3944 6362
Swift code: VTCB NVX
www.techcombank.com.vn